

Nguyễn Ngọc Hoa

Bùn
Đỏ
Bụi
Hồng

Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa II



BIÊN NGỌC XUẤT BẢN

MỤC LỤC

Lời Tựa

1. Thư Tình Trên Giấy Vỡ
2. Miệng Nhà Quan
3. Thằng Thông Kéo Cờ
4. Phần Thưởng Của Mẹ
5. Thằng Bé Gánh Thuốc Rong
6. Nỗi Oan Không Ưc
7. Thằng Bạn Khác Phái
8. Như Một Cặp Vần
9. Thằng Lâu Bẻ Nhấn Lòng
10. Các Pháp Do Duyên
11. Tự Do và Quyền Bính
12. Mang Nghiệp Vào Thân
13. Đệ Nhất Cao Thủ
14. Bội Hằng
15. Ngón Tay Cái Nhỏ Bé
16. Ngày Hè 63
17. Bùn Đỏ Bụi Hồng
18. Mê Bạn Ban Mê
19. Xuân Thì Qua Mau
20. Sau Trận Mưa Rừng
21. Không Còn Giữ Được Lời Hứa
22. Quới Nhon Phò Hộ
23. Thương Phu Trích Lệ
24. Vẫn Còn Vương Vấn

Nguyễn Ngọc Hoa

Lời Tựa

Những truyện ngắn trong *Bùn Đỏ Bụi Hồng: Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa II* được viết từ cuối năm 2014 đến đầu năm 2016, đã ấn hành và phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Thuở Học Trò,” và kể lại những câu chuyện chúng tôi trải qua, chứng kiến, hay nghe thuật lại trong thời kỳ mài đũng quần trên ghế trường trung học. Những nhân vật trong truyện, kể cả nhân vật xưng "tôi," đều được dựng nên, tiểu thuyết hóa cho phù hợp với câu chuyện, và có thể không tương ứng với các nhân vật có thực ngoài đời. Mặc dù được sắp xếp theo thứ tự thời gian, mỗi truyện có tình tiết riêng và diễn tiến tương đối độc lập, và toàn tập không hướng về một chủ đề chung nào. Do đó, tập truyện ngắn trên tay quý bạn không phải là tự truyện hay hồi ký và không hẳn là truyện dài.

Ngoài mục đích kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện của một quãng đời xa xưa, chúng tôi viết để học hỏi và trau dồi tiếng Việt sau những năm sống xa quê hương. Chúng tôi thận trọng để viết đúng chính tả, dùng dấu chấm câu thích hợp, lựa chọn từ ngữ chính xác, và nhất là tránh dùng những chữ mới, đặt ra sau năm 1975 ở bên nhà. Theo đuổi ước muốn này đôi khi không phải là chuyện đơn giản. Xin đơn cử một thí dụ: trong lúc một số tự điển và nhiều người gần đây dùng chữ *quyến rũ* với dấu ngã; *Việt Nam Tự Điển* của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ (Sài Gòn, 1970), một tài liệu chúng tôi tin cậy nhất, lại ghi là *quyến rử* với dấu hỏi. Truy cứu thêm và tìm thấy các tự điển tiếng Việt cũng như chữ Nôm đều ghi *rử* (khuyên, gọi theo mình) – như trong *rủ nhau, rủ ren, và rử rử* – với dấu hỏi, chúng tôi tin Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ đã ghi đúng và do đó xử dụng dấu hỏi cho chữ *quyến rử* trong các truyện ngắn của mình.

Tương tự, chúng tôi dùng lẽ *lạt* (việc thuộc về lẽ giáo), *mắt* (đắt, cao giá hơn giá thường), *rán* (cố gắng, tận lực, đem hết tài sức ra làm), ba trăm *rười* (khi số lượng từ một *trăm* trở lên), hai đồng *rười* (khi số lượng dưới một trăm), *tàn* cây, v.v. Bản Tài Liệu Tham Khảo ở cuối sách liệt kê các tự điển và sách chúng tôi dùng trong việc học hỏi tiếng Việt và tham chiếu để trình bày các bài viết cũng như toàn thể tập truyện này.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các thân hữu đã góp ý, phê bình, và chỉnh sửa cũng như đã khích lệ chúng tôi trong việc sáng tác và xuất bản tập truyện. Xin được kể tên vài người là các anh Nguyễn Trọng Dzũng, Nguyễn Thanh Hoàng (nhà văn Phan Hạnh), Châu Hiền Quang (nhà thơ Kiều Phong (Toronto)), Nguyễn Thiệp (nhà văn Tràm Cà Mau), Nguyễn Xuân Thiệp (nhà thơ), và Nguyễn Công Thuần. Tuy nhiên, mọi sai lầm hay kém chính xác đều do sự sơ suất của chúng tôi.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn tiện nội Nguyễn thị Minh Ngọc (kịch tác gia, nhà văn, và đạo diễn) đã đọc bản thảo và đề nghị tựa truyện cho thích hợp với chuyện kể và để lôi kéo sự chú ý của độc giả. Chúng tôi hy vọng, trong một tương lai không xa, sẽ có phương tiện và cơ hội ấn hành *Tập Truyện Nguyễn Ngọc Hoa III* đang được phổ biến dưới tiêu đề “loạt truyện Dạo Vào Đời.”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày đầu mùa Thu 2016

(22-09- 2016)

Thư Tình Trên Giấy Vở

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa hè 1957. Dọc theo bờ sông Đông Ba, đường Huỳnh Thúc Kháng (đường Hàng Bè cũ) bắt đầu từ cầu Gia Hội, lòn dưới cầu Đông Ba, qua cầu Thanh Long, và chạy dài tới Bao Vinh. Trên đường này, mẹ thuê căn nhà mặt tiền gần con đường ngắn từ bờ sông đi vào cửa Mang Cá (đúng ra là cửa Mang Cá Nhỏ hay Kê Trài) không cho thường dân qua lại vì trong là trại lính. Khúc *đường kiệt* (ngõ hẻm) bên hông nhà suốt ngày vang tiếng cười đùa của đám trẻ con là một lối vào “xóm Mang Cá” với đường đất quanh co dưới bóng cây rậm rạp.

Gia đình Cậu Há đã dọn về “xóm Đình” phía sau Đình thần gần cầu Thanh Long từ trước. Cậu đã nghỉ việc mà gia đình đông người nên mẹ phải *đổ giá* (làm giá đậu xanh) và làm mắm cà và cà muối đem ra chợ Phú Bình bán kiếm tiền. Mắm cà kiểu Quảng Bình dùng cà pháo nén chung với mắm là cá ướp muối gài chặt và để lâu trong hũ, mắm cà kiểu Huế dùng cà dĩa (cá bít hay cà dứa) cắt thành từng miếng dầm vào mắm nêm hay mắm ruốc, và cà muối cũng dùng cà pháo nhưng ngâm trong nước muối trộn dấm.

Mẹ nói ở xứ cố đô này người ta coi trọng thể diện *nhứt hạng*. *Giấy rách phải giữ lấy lề*, nghèo khó bao nhiêu đi nữa ra đường quần áo cũng phải tươm tất chỉnh tề. Có gia đình có bà mẹ và cô con gái lớn nhưng chỉ có một chiếc áo dài; bà mẹ ra ngoài thì cô con ở nhà, và ngược lại, vì đàn bà con gái Huế ra đường không thể không mang áo dài đàng hoàng. Gia đình tôi cũng vậy: bề ngoài khá giả vì cha có chức phận, nhưng bề trong thì mẹ thất lưng buộc bụng tối đa vì hoàn cảnh túng thiếu và do bản tính phòng xa cố hữu của người miền Trung.

Sự tần tiện thể hiện qua việc ăn uống hàng ngày. Buổi sáng, chị ở nấu cháo trắng hay cơm. Cháo trắng ăn với *đường đọt* là đường đen đúc thành *đọt* (tô lớn), chặt ra cho mỗi người một miếng. Cơm thì ăn với trứng luộc dầm nước mắm, một trái trứng vịt dầm vào chén nước mắm đầy san sẻ cho cả nhà bảy người.

Mùa mưa hay mùa nắng cơm trưa cũng chỉ có mắm cà, rau muống luộc, và nước luộc rau làm canh. Người Huế ăn rau muống luộc chấm với *nước kho*, tức là nước kho cá, nhưng cá thì dành cho bữa tối. Tôi có nhiệm vụ lên nhà cậu Há xin mắm cà về ăn trưa vì anh Quang *ốc độc* (mắc cỡ hay xấu hổ) không đi. Có hôm đi giữa đường thèm ăn tôi lấy tay nhón một quả cà pháo bỏ vào miệng chưa kịp nhai thì sẩy tay làm rớt *đọt* mắm cà xuống đất vỡ tan. Về nhà tay không, nước mắt lưng tròng, tôi không bị mẹ mắng về tội tham ăn bốc lủm mà bắt đi xin một lần nữa.

Ngày này qua tháng nọ thực đơn bữa tối vẫn là canh dưa hồng nấu cá nục và cá nục kho. Nhà tôi ở trên đường đi về của các bà dưới làng Tiên Nộn hay xa hơn gánh hàng lên chợ Đông Ba bán. Buổi chiều tan chợ mẹ đón mua rẻ hàng còn lại bán đố bán tháo cho nhẹ gánh nên cá và dưa không còn tươi ngon.

Sống kham khổ nhưng anh em tôi luôn luôn vui vẻ và vô tư, ngoại trừ những đêm cha về nhà. Đón đờn ở Phú Bài cách Huế không tới hai mươi cây số nhưng cha chỉ về khi cần nã tiền mẹ. Ban đầu cha năn nỉ ỉ ôi, nhưng đời nào mẹ chịu đưa tiền ra dễ dàng như thế. Cha than van không có tiền trả nợ sẽ bị kiện thưa tù tội và dọa tự hủy mình mà cũng không lay chuyển được mẹ. Cha quay ra chưởi bới, đập phá đồ đạc, rượt đánh, và lấy súng đòi bắn chết cả mấy mẹ con cho đến khi mẹ chịu thua. Mãi ra phần tài sản mẹ quý hơn tính mạng và cất giấu cẩn mật để *phòng thân phòng thủ*, mẹ khóc *lùm loà lùm lộn* (nước mắt nước mũi đầy mặt) nộ cho cha.

Để có người dẫn dắt và dạy kèm anh em tôi học, mẹ kêu em út của cậu Há là cậu Phu đến ở trong nhà. Cậu Phu hai mươi tuổi, học đệ nhị (lớp 11 bây giờ), người cao mà ốm, và dáng nghiêm nghị khiến chúng tôi nể sợ. Vai em của mẹ thì phải gọi bằng “cậu,” nhưng tôi nhất định gọi bằng “chú.” Anh Quang hỏi,

“*Răng* mẹ biểu *mi* không nghe? ‘Cậu’ mà kêu bằng ‘chú’ – lạ đời *rứa?*”

“Cậu chi mà cậu? *Cậu mậu cường, cậu ăn cơm tháng cậu lường cậu đi à?*”

“*Rứa* còn ‘chú’ – nói thành ‘chú hú’ thì *răng?*” anh chơi chữ đối lại.

“Người ta nói *sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì*. Không phải mình đã ‘sẩy cha’ mà ‘cần chú’ hay *răng?*”

Tôi nói *tào lao tứ đế* (nói lằng nhằng không theo lý lẽ nào cả) *ấu tả* như vậy mà anh lại nghe. Sau đó không phải chỉ một mình chú Phu mà các em họ của mẹ, ngoài cậu Há, đều thành “chú.”

* * *

Am thờ Tiên Thiên Thánh Mẫu của bác Thang góa chồng sau nhà tôi tách rời với thế giới bên ngoài bằng lớp hàng rào *bông cần* (hoa dâm bụi) dày đặc cao quá đầu người, che phủ bởi những tàn cây rậm lá sum sê, ban ngày trầm mặc âm u, và ban đêm náo nhiệt với những buổi *ngồi đồng* (lên đồng, hầu đồng, hay hầu bóng) huyền bí. Ngôi nhà ba gian sau am là chỗ ở của bác và con gái là chị Bê và nơi nằm nghỉ cho bệnh nhân.

Bác Thang mặc quần áo lụa trắng, mặt tô son điểm phấn, giọng nói cao và trong. Bác hay kể về ngày kinh đô thất thủ, 23 tháng Năm năm Ất Dậu (1885),

“Người Huế chết như rạ; xóm mình xác người chật đất vì Binh bộ Thượng thư Tôn Thất Thuyết bố trí mai phục ở cầu Thanh Long chặn đánh quân Pháp từ Tòa Khâm sứ bên kia sông Hương qua tiếp ứng cho Đồn Mang Cá. *Chừ đọt cây* (ngọn cây) *mô* cũng có dăm ba *người cỡi âm* ở, con nít hay thanh niên đi qua hay bị *vương* với kẻ khuất mặt khuất mày.”

“*Vương*” là bị người cỡi âm, tức là ma, ám mà sinh bệnh và cần nhờ đến “*Cô*” hay “*Cậu*” tức là người ngồi đồng cứu giúp; *Cô* đây là bác Thang. Các buổi ngồi đồng xảy ra buổi tối vì lúc đó mới dễ mời *Ngài* giáng lâm, và nhờ vậy tôi ít khi lỡ dịp xem lễ.

Mặc y phục nữ tướng áo mũ cân đai uy nghiêm oai vệ, *Cô* ngồi giữa điện, đầu phủ một tấm khăn lụa điều. Khói hương nghi ngút, trầm nhang thơm lừng, đèn sáp sáng trưng, và bác cung văn gảy đàn nhị hát bài chầu văn,

... *Ba cung quế phất phơ bóng nguyệt*

*Chén yên hà chi xiết mừng vui
Từng trên minh cảnh cao đài
Long châu trong sạch thấu soi nhân hoà...*

Đầu *Cô* lắc lư theo nhịp chuông trống của thím *phụ đồng*, vợ bác cung văn, và toàn thân *Cô* run rẩy. Tiếng chuông trống càng lúc càng nhanh, cho đến khi *Cô* thét lên một tiếng, giật tấm lụa điều liệng xuống đất, và vùng đứng dậy – *Ngài* nhập. Bác cung văn tiếp tục đàn hát trong khi *Ngài* múa thanh kiếm dài lấy từ giá khí giới bên hông điện thờ. Dừng lại, *Ngài* tỏ ra hài lòng, thưởng tiền cho bác cung văn, và *thời* (ăn hay dùng) rượu, thuốc lá, hay trà nước thím *phụ đồng* dâng lên.

Bà mẹ bệnh nhân cầu xin *Ngài* chữa bệnh cho con, một thanh niên trạc hăm mốt hăm hai, ốm o tiều tụy chỉ còn da bọc xương. *Ngài* chẩn bệnh,
“Tên *ni* bị *vương* lạm lắm rồi, e vô phương cứu chữa!”

Bà mẹ lạy lục van xin và dâng lễ vật cho *Ngài* thu dụng. *Ngài* bắt ấn, triệu *người cõi âm* là một cô gái lên thăm xét. Lúc này *Cô* hóa thân thành cả *Ngài* lẫn cô gái ma nên lời đối thoại giữa hai bên chập và khó hiểu, tôi lén vào ngồi sau lưng bác cung văn nghe cho rõ. Cô gái trần tình,
“Bẩm *Ngài*, con chết oan năm mười sáu tuổi nên hồn không siêu thoát mà cư ngụ trên cây đại hoè trước Đình thần. Người *dương ni* đi học ghé qua dưới *cội* (gốc) cây; thương nhau mà nên duyên vợ chồng, *chừ* đã hai mặt con.”

“Âm *dương* khác biệt, làm *răng* kết hợp? Người cãi luật Trời, tội đáng chết,” *Ngài* vung kiếm dọa chém.

“Tấu lạy *Ngài*, trai gái yêu thương là lẽ thường của Tạo hóa, *ly mô* *Ngài* nữ rě duyên?”

“*Răng* người bắt hồn người *dương*, khiến *va* dở chết dở sống?”

“Hai đứa con dại ngày đêm khóc lóc đòi cha; đã tới lúc chàng về cõi âm sum hiệp!”

Cuộc đối chọi giữa *Ngài* và cô gái ma rất cam go và cần thêm nhiều buổi ngồi đồng khác. Đầu tiên *Ngài* khảo đả, thuyết phục, dỗ dành, và hứa tặng vàng, bạc, và tiền (tức là giấy vàng, giấy bạc, và giấy tiền để đốt), nhưng cô nhất quyết không xa chồng. Sau đó, *Ngài* dọa nạt, đòi chém, và ra oai bằng cách nuốt lửa, ngậm rượu phun lửa, hay ăn ly tách thủy tinh; cô sợ hãi nhưng thương con nên còn lưỡng lự. Cuối cùng bệnh nhân phải thế mạng mình bằng một con gà trống lớn thì cô mới xiêu lòng chịu *để* (ly dị), điểm chỉ vào tờ văn ước bằng chữ Hán in trên giấy trắng mỏng. Vậy là bệnh nhân được chữa lành.

Mặc dù có nhiều chi tiết bất nhất, câu chuyện âm dương phối hợp và phân ly khiến tôi say mê như đọc tiểu thuyết. Nhưng hấp dẫn hơn là các thứ bánh trái hoa quả lộc của Thánh chị *Bê* đã ăn phủ phê. Chị khoảng mười bảy mười tám tuổi, buổi tối thường sang nhà tôi chơi với chị ở và nói chuyện đến khuya đợi chú *Phu* và anh em tôi đi ngủ mới ra về. Mượn đọc truyện tình cảm xã hội trong kho sách cũ của tôi, chị mê nhất cuốn *Bên Dòng Sông Trẹm* của *Dương Hà*.

Chị đẹp nết na, duyên dáng, và kín đáo nên có nhiều anh trong xóm “trồng cây si” hàng ngày trao tay những bức thư tình ướt át trên giấy *po-luya* (pelure) mỏng dính. Biết tôi *làm luận* giỏi và viết chữ nắn nót rõ ràng, chị nhờ tôi viết trả lời vì trước đây chị học hết lớp *Tư* (lớp 2 bây giờ)

thì phải nghỉ học ở nhà. Giấy viết thư là tờ giữa cuốn vở một trăm trang có kẻ hàng mua ở tiệm La Ngu bán dụng cụ học sinh gần cầu Đông Ba.

Trước khi viết, tôi đọc đi đọc lại các thư tình chị nhận được để học những sáo ngữ như “gió heo may trở về,” “mùa thu lá vàng bay,” hay “lòng anh buồn lệ rơi.” Thư bắt đầu bằng lời chào “Anh ơi” rồi chị phác hoạ ý muốn nói, tôi phỏng theo những câu văn trong tiểu thuyết mà viết thành lời. Cuối thư chị ký tên Mỹ Lan, cùng tên với nhân vật chính trong *Bên Dòng Sông Trẹm*.

* * *

Năm sau chú Phu nộp đơn xin gia nhập quân đội, đi học Liên trường Võ khoa Thủ-Đức. Trước ngày trình diện nhập ngũ, chú kéo riêng tôi vào bàn học và đưa ra một xấp thư viết trên giấy vở, “Ai viết thư *ni*?” Thì ra người yêu trong mộng của chị Bê là chú tôi.

“Dạ con... Mà không phải con...” tôi ấp úng.

“*Ai dè mi* viết thư tình hay ho như *ri*?” chú cười to.

“Dạ con *học dọi* (bắt chước) trong truyện mà viết *ba xí ba tú rứa* chớ có hiểu *chi mô*,” tôi mắc cỡ; viết “*ba xí ba tú*” là viết đại, không đâu vào đâu.

Chú cười to hơn, nhưng không phải tiếng cười chế nhạo. Chú lấy cuốn vở mới, lật tới tờ giữa để trước mặt tôi,

“*Chừ* tới phiên *tau* nhờ *mi*. Bắt đầu là
Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung.

Mi liệu viết *răng* cho *cô* *nớ* đừng buồn.”

Từ hai câu thơ (sau này tôi biết lấy từ *Chinh Phụ Ngâm Khúc*) và lời lẽ của chú, tôi đoán chú không đáp ứng tình yêu của chị Mỹ Lan. Bức thư hồi âm duy nhất của chú được chuyển tới chị mà không có thêm lời nào khác. Đọc thư chị khóc thút thít...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Mười, 2014

Miệng Nhà Quan

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Lần nào đi qua cầu Thanh Long tôi cũng có cái cảm giác rờn rợn; dường như ẩn hiện đâu đây hồn ma của những anh hùng đã hy sinh trong ngày kinh đô thất thủ năm Ất Dậu (1885). Bác Thang kể hơn một ngàn binh sĩ bỏ mình trên cầu này trong trận mai phục đánh quân Pháp từ Tòa Khâm sứ bên kia sông Hương qua tiếp ứng Đồn Mang Cá. Xác của họ lấp nghẽn dòng nước dưới cầu là con “đường thủy” ngắn nối sông Đông Ba với Đông Thành Thủy quan, “cửa đường thủy” nằm về đầu đông của Ngự Hà tức là con sông đào nằm trong Kinh Thành.

Qua khỏi cầu Thanh long tới trường Bình Minh, một trường trung học tư thực mới thành lập. Cho là mình lớn tuổi mà học trễ, anh Quang quyết định *băng* lớp đệ thất (lớp 6) và xin học đệ lục (lớp 7) trường này. Nghe anh kể thầy Đan dạy toán rất giỏi và dạy hay, tôi lên lên lớp anh đứng cửa sau xem lóm thầy giảng bài. Say mê các bài giảng của thầy, tôi đòi,

“*Tui ưng học trường anh.*”

“*Mi nhỏ tuổi, ai cho học trung học?*” anh nhăn mặt.

“*Đi học chớ có phải lấy vợ mô mà coi tuổi tác? Ông Nguyễn Hiền khi xưa mười ba tuổi đậu Trạng nguyên thì rãng?*”

“*Đừng lý sự cùn, trường học có luật lệ chớ ai mà lung tung lang tang hàm hồ hàm chứa như mi?*”

“*Rứa chừ tui mần rãng?*”

“*Mi học trường Thanh Long với thằng Sáng, thằng lớp Nhất, thằng lớp Năm. Hai đứa học trường công cho mẹ dòn (khỏi) trả học phí hàng tháng.*” Lớp Nhất và lớp Năm là lớp 5 và lớp 1 ngày nay.

Cậu Há đưa tôi và thằng Sáng đi xin học trường tiểu học Thanh Long cách trường Bình Minh ba căn nhà. Thầy Thừa hiệu trưởng thân mật chào hỏi vì là người cùng làng, ngày còn bé thường chơi đùa với cậu. Thầy cao mà gầy gò, tai nhỏ, mặt khảng khiu, và miệng hô chìa hàm răng vầu giống như cười. Thấy tên trong đơn của chúng tôi, thầy đổi thái độ,

“*Hai đứa ni là con của thằng cha Thông? Hấn đi mô mà không tới?*”

“*Đây là con bà chị moa, anh nớ là sĩ quan trong quân đội, công vụ đa đoan không thể rời nhiệm sở,*” cậu thản nhiên.

“*Hấn phải có mặt để ký tên trong đơn.*”

“*Cụ mi không thấy chữ ký của anh Thông đã thị thực tại phường hay rãng?*” cậu bốt kiên nhẫn, và tiếng “*toa*” xưng hô ngang hàng trở thành “*cụ mi*” gọi kẻ dưới tay.

Thầy xét hồ sơ và bắt bẻ từng ly từng tí, nhưng cậu trả lời trôi chảy, luôn miệng nhắc nhở theo lệnh chính phủ con em gia đình quân nhân được ưu tiên vào trường tiểu học công lập. Thầy nhìn tôi và thằng Sáng,

“*Thằng nhỏ sáu tuổi học lớp Năm thì moa chấp thuận. Thằng lớn mới chín tuổi không cho học lớp Nhất.*”

“*Cụ mi* làm khó dễ rồi! Nghị định của Bộ Quốc gia Giáo dục đặc cách cho nhập học căn cứ theo khả năng mà không giới hạn tuổi tác – lớn hay nhỏ.”

“Đúng *rứa!* *Moa* cần chứng chỉ học trình chứng tỏ *hắn* học hết chương trình lớp Năm tới lớp Nhì (lớp 4).”

Thầy Thừa mỉm cười đắc thắng, nhưng cậu Há không chịu thua,

“*Cụ mi* nói thiệt hay nói chơi? Việc học bị gián đoạn vì chiến tranh, làm *chi* có học trình học triếc mà trình ra?”

“*Moa* rất tiếc...”

“*Cụ mi* cứ phê vô đơn lý do bị bác để *tau* lên Nha Trung Tiểu học khiếu nại. Anh Thông sẵn lòng kiện vô tới Bộ trong Sài gòn.”

“*Moa* có bác đơn *mô*; chỉ sợ *hắn* học không nổi,” thầy cười giả lả.

Thầy trầm ngâm một lát rồi đề nghị,

“*Chừ moa* ra bài để khảo sát trình độ của *hắn*.”

“Thằng nhỏ phải thi?” cậu ngạc nhiên.

“Thi xếp lớp...”

“Thằng nhỏ chín tuổi xin học lớp Nhất mà phải thi – *tau* mới nghe lần đầu!”

“Không chịu thì *moa* không có cách *chi* khác.”

Cậu cau mày nhìn tôi dò hỏi; tôi mừng rỡ,

“Nếu không học lớp Nhất ở đây thì con qua trường Bình Minh học. *Ấn thua chi!*”

“Chịu rồi *nghen!* Đây là bài toán và bài luận; trong vòng một tiếng đồng hồ phải *mần* cho xong,” thầy khinh khỉnh như thể tôi sẽ “rớt.”

“Trong khi *hắn* làm bài, *cụ mi* với *tau* ra ngoài uống nước hàn huyên tâm sự,” cậu sợ sự hiện diện của thầy làm tôi *khớp*.

Bài toán trồng cây thầy ra *dễ òm!* Loại toán này tôi học đã lâu và tự nghiệm ra “công thức trồng cây” là sự liên hệ giữa số khoảng cách đều nhau và số cây phải trồng; tôi viết bài giải một loáng là xong. Đầu đề bài luận là

Em hãy tả ông em và nói cảm tưởng của em đối với người.

Kể như tôi “trúng tử”! Từ ngày rời làng quê, tôi thường nhớ nội và hay *làm luận* thầm về người, soạn đi soạn lại trong đầu nhiều lần. Không cần suy nghĩ, tôi đặt bút viết một mạch đến cuối trang thứ ba, vừa xong dòng cuối cùng thì cậu Há và thầy Thừa bước vào. Trên đường về, cậu Há mua thưởng hai anh em tôi mỗi đứa một cây cà rem. Cậu xoa đầu tôi,

“*Mi* giỏi thiệt; thằng cha *nớ* ghét mặt *mi* lắm mà phải phục lãn.”

“*Rứa* con phải học trường Thanh Long?” tôi ngây thơ hỏi.

“Cha *mi*, đồ vô ơn!” cậu cười xòa.

* * *

Trong lớp học hơn sáu chục học sinh, phần lớn *ngó tra trắn* (trông chững chạc) hơn anh Quang và đã cùng học với nhau từ lớp Năm lên, tôi là chú bé xa lạ không ai thèm đoái hoài tới. Vốn

quen tự học và chơi đùa một mình nên tôi không thấy buồn; tôi để ý chúng bạn có bất cứ sách học hay truyện gì thì nói anh Quang mua sách ấy và đọc một mạch cho kỳ hết mới thôi.

Giờ ra chơi sáng thứ Bảy, buổi học cuối cùng trong tuần, tôi loanh quanh trong sân tới cây bàng cạnh văn phòng hiệu trưởng; cây cao sừng sững với tàn cây thẳng và cân đối như cái bát trái rộng. Một sợi dây thừng dài chừng mười thước cột trên cây thông xuống với đầu dưới thắt thành nút lớn cách mặt đất chừng nửa thước. Không thấy ai, tôi đánh bạo nắm dây, đặt chân lên nút thắt, rồi co chân uốn mình đu đưa. Mới lúc lắc vài nhịp thì thầy Thừa xuất hiện, ra hiệu cho tôi dừng lại, và nạt lớn,

“Ai cho *mi* đu dây *ni*?”

“Dạ... không... ai... cho...” tôi run lập cập.

“*Răng* *mi* dám đu?”

“Dạ... nhưng... không... ai... cấm...”

“*Mi* có biết nếu không có thầy cô coi chừng, học trò không được đu *một chắc* (một mình) không?”

“Dạ... không... Không ai chỉ cho con biết hết.”

“*Mi* lì hả? Leo lên hết sợi dây *ni* cho *tau*,” thầy ra lệnh.

Biết mình bị phạt, tôi rón sức dùng tay kéo người lên và hai bàn chân cặp vào dây làm điểm tựa. Trườn lên tới đầu dây trên cây, tôi nghiêng răng bám chặt chờ lệnh; một lát sau nghe thầy giận dữ quát lớn,

“*Răng* chưa chịu xuống mà còn nằm vạ trên *nó*?”

“Thầy biểu con leo lên, chớ có biểu leo xuống *mô*,” tôi hết sợ leo lần xuống, vừa thở hổn hển vừa cãi.

“Cha nào con nấy, đồ du côn mắt dạy!” thầy hằn học mắng.

Buổi sáng trước khi vào lớp, học sinh sắp hàng trong sân trường để chào cờ, đứng nghiêm hát quốc ca trong khi cờ được kéo lên cột, và sau đó hát bài “Suy Tôn Ngô Tổng Thống,”

Ai bao năm từng lê gót nơi quê người

Cứu đất nước thề tranh đấu cho tự do

Người cương quyết chống Cộng

Bài phong kiến bốc lột

Diệt thực dân đang rắc gieo tàn phá...

Sáng thứ bảy của tuần lễ đi học thứ hai, tôi vừa ngồi vào chỗ thì cô giáo với vẻ mặt nghiêm trọng đến dặt tay đưa ra văn phòng hiệu trưởng. Đợi sẵn sau bàn giấy, thầy Thừa chỉ mặt tôi,

“Hai tuần lễ *ni* lúc suy tôn Ngô Tổng thống, *mi* không hề máy *mui* (môi).”

“Dạ... dạ...” tôi chưa hiểu.

“*Mi* không hát suy tôn.”

“Dạ... con không biết hát,” tôi run run.

“Nói láo, học tới lớp Nhất mà không biết hát bài *nó*? Muốn ở tù không?” thầy gằn giọng.

Bị nhục mạ oan uổng, tôi bùng nổi giận, và sự rụt rè nhút nhát thường ngày biến mất,

“Con làm *chi* mà bị bỏ tù?”

“*Mi* phạm thượng, không kính trọng cụ Ngô.”

“Con không *ưng* hát. Sách Đức dục nói bốn phận công dân phải tôn trọng quốc kỳ và quốc ca, chớ không phải suy tôn,” cãi bướng là nghề của thằng bé.

“*Mi* to gan...”

Cô giáo rụt rè can,

“Ông hiệu trưởng thông cảm, em nhỏ chưa biết luật lệ.”

“Ai ‘thông cảm’ cho *tui*? Cô muốn vô Ban Mê Thuật dạy khỉ vượn với *tui* không?”

“Nhưng...”

“Không ‘nhưng nhị’ *chi* hết! Còn *mi* *chừ* *tau* đuổi; về nói với mạ *mi* lên xin lỗi mới cho học.”

Ôm sách vở về nhà, tôi thản nhiên chạy đi chơi với đám bạn trong xóm. Tin tôi bị đuổi học đến tai mẹ nhanh hơn tôi tưởng; mẹ ra lệnh cho anh Quang *cãng* *nọc* đánh tôi một trận về tội “hỗn hào với thầy,” không cho đương sự giải thích một lời. Sau đó, mẹ bắt lên nhà cậu Há để cậu phạt tiếp.

Cậu bắt nằm sấp dưới sàn nhà, để cây roi bên cạnh, và cho phép kêu oan trước khi hành tội. Tôi kể lại chuyện xảy ra, cậu hỏi,

“*Chừ* biểu con Cúi dạy *mi* hát bài *nớ*, *mi* học không?” Con Cúi là con gái duy nhất của cậu và bạn chơi thân với tôi.

“Dạ không,” tôi trả lời cộc lộc.

“Học trò khắp nước ai cũng hát, *răng* *mi* không tuân theo?”

“Trong bụng không *ưng* thì không *khi* *mô* thuộc, *làm* *răng* hát được?”

Cậu không đánh đòn mà chép miệng,

“*Mi* muốn đi học không?”

“Dạ... không!”

“Con nít lớn lên phải đi học *chớ*!”

“Sách lớp Nhất con học hết rồi, tới trường làm *chi*?”

“Chuyện *ni* để *tau* lo; cứng đầu cứng cổ như *mi* suốt đời sẽ gặp phiền phức – ngóc đầu lên không nổi *mô*!” cậu chép miệng.

* * *

Tối hôm ấy, cậu Há xuống nhà nói chuyện với mẹ và chú Phu,

“*Tui* biết thằng Thừa khắc kỵ anh chị mà không ngờ hấn *chíp* trong bụng mà thù vật.”

“Hồi *tui* còn con gái hấn theo ve (tán tỉnh) dai như đĩa; người ngợm xấu xí mà miệng mồm thô bỉ *nói hoang nói tướng* khiến *tui* bề mặt với chị em bạn buôn; chưởi như tát nước mà mặt cứ trơ trơ,” mẹ kể.

“Ai biểu chị ‘đẹp gái’ làm *chi*?” chú Phu đùa.

“Bữa *nớ*, hấn theo bọn *tui* chọc gheo và nghêu ngao hát bài ca dao tục tĩu

Hôm qua em đi hái chè

*Gặp thằng phải gió nó đè em ra
Em lạy mà nó chẳng tha
Nó đem đút cái mả cha nó vào.*

Tui sùng máu vác đòn gánh phang cho gãy giò mới tởn."

Chú Phu ôm bụng cười,

"Ai nói chị tui hiền là làm to lò tâm..."

"Khi anh Thông cưới tui, hấn thuê mấy đứa chự (giữ) trâu lấy chỉ đỏ giăng ngang đường chặn đám rước dâu. Cho tiền và năn nỉ cũng không cởi dây cho qua, thằng tẹ mạt núp sau bụi cây cười khoái trá. Anh Thông giận lên chẳng thèm kiêng cử, đập đứt dây, và rượt đần (đánh) một trận la lết."

"Té ra bụng làm dạ chịu, cha ăn mận con khát nước!"

"Cậu đem thằng Bé lên trường nói với thằng mặt dơi tai chuột nó: hấn mà đụng tới con tui một lần nữa tui tới đào mồ bới mả dòng họ nhà hấn lên thì đừng trách," mẹ giận nói với cậu Há.

Như cậu nói, những chuyện phiền hà trong đời tôi chỉ mới bắt đầu. Từ nay, chú bé chín tuổi chấp nhận một sự thật đáng buồn: lời nói của kẻ có thẩm quyền (như thầy Thừa) có thể sai và việc làm của họ chưa chắc đáng nể phục. Tôi bút rút như đánh mất một vật gì quý giá lắm...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 26 tháng Mười Một, 2014

Thằng Thông Kéo Cờ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Thằng Thông là một trong hai đứa lớp tôi được chọn kéo cờ trong buổi lễ chào cờ mỗi sáng. Cao lớn dềnh dàng và trông già dặn như người lớn, ít nhất nó cũng phải mười lăm tuổi. Học trò Huế thường khai trụt tuổi để đi học, không như tôi thiếu tuổi học lớp Nhất (lớp 5), vì làm giấy khai sinh tương đối dễ dàng. Thí dụ như anh em tôi sinh ngoài làng quê không có lệ làm khai sinh, khi vào Huế cha ra Toà Hòa giải Rộng Quyền quận Hương Thủy với ba nhân chứng *khai rằng hiện nay đương sự không thể sao lục giấy khai sinh vì lẽ sổ sách nhân thế bộ bị thất lạc vì chiến tranh*. Ông chánh án đồng ý cấp Chứng chỉ Thế vì Khai sinh *theo như đơn xin* với ngày tháng năm sinh do cha lựa chọn – vậy là xong!

Thằng Thông là trưởng lớp, đứng cao, và lại viết chữ đẹp nên được cô giáo giao cho hàng ngày điền vào hàng chữ ở góc bảng bên trái:

Thứ ... ngày ... tháng ... năm 1957

Dưới hàng ngày tháng là một câu cách ngôn hay tục ngữ như *Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, Ăn cây nào rào cây ấy, và Thương người như thể thương thân*. Nó còn có nhiệm vụ chỉ huy các bạn sắp hàng chào cờ và đi về nhà khi tan trường. Ra khỏi trường học sinh đi hàng một, hướng Bao Vinh về nhà tôi do thằng Thông dẫn đầu, tới nhà mới được ra khỏi hàng.

Bàn cô giáo ở trên chiếc bục cao chung quanh đóng gỗ như một giảng đàn. Ban đầu tôi được xếp ngồi bàn đầu ngay dưới bục khuất tầm nhìn của cô và ngồi học một mình không ai để ý. Tôi mang theo chiếc *cạc-táp* (tiếng Pháp *cartable* là cặp học sinh) da *thần* đầy sách vở, trong đó có sách lớp trên “mượn” của anh Quang và chú Phu.

Những bài Thường thức, Sử ký, Toán, v.v. thường nhàm chán vì không có nhiều điều mới lạ, nhưng tôi yêu thích giờ Vẽ, Thủ công, và Hoạt động Thanh niên. Trong giờ Vẽ, học sinh dùng bút chì vẽ trong vở vẽ có mười sáu trang giấy dày khổ lớn gấp đôi vở học. Nhờ giờ Thủ công cô giáo dạy nặn đất sét thành hình trái chuối, đu đủ, ổi, v.v., tôi được dịp theo vài đứa bạn cùng lớp lang thang xuống sông Đào sau Cửa Hậu, nơi có mấy lò gạch, xin đất sét dùng làm gạch nung. Đất sét thượng hạng nhưng bàn tay tôi vụng về nên bị anh Quang trêu chọc,

“Thằng ‘thợ ăn’ mê ăn uống nên nặn trái *chi* cũng ra củ khoai,

Tướng thầy là tướng khoai lang,

Ăn hết nửa sàng thầy ẻ không ra!”

“Anh giỏi thì nặn đẹp hơn *tui* đi. Hay chê bai cho sưng miệng?” tôi mắc cỡ cự lại.

Tôi học hát lần đầu tiên với bài “Bạch Đằng Giang” trong giờ Hoạt động Thanh niên,

Đây Bạch Đằng Giang sông hùng dũng

của nòi giống Tiên Rồng,

Giống Lạc Hồng, giống anh hùng, Nam Bắc Trung...

Tôi mê bài hát này vì dòng “sông Bạch Đằng” ngoài đời của tôi là con “đường thủy” ngắn dưới cầu Thanh Long nối sông Đông Ba với Đông Thành Thủy quan. Đi học qua cầu, tôi nhìn xuống dòng nước, hát nho nhỏ, và mơ về những anh hùng vô danh đã vì nước bỏ mình ở đó ngày kinh đô thất thủ năm Ất Dậu (1885).

* * *

Sau lần tôi bị đuổi học vì không hát “Suy Tôn Ngô Tổng Thống,” cô giáo dời tôi xuống ngồi cạnh thằng Thông ở bàn cuối phía nam sinh. Tôi biết nó nhà nghèo, bộ áo quần cũ mặc hai ba tuần lễ chưa thay, và gặp khó khăn mua sách vở và dụng cụ học sinh. Đối với nó, tôi là công tử nhà giàu, áo quần lúc nào cũng thơm tắp, đi học với *cạc-táp* đầy sách vở, và trong túi rủng rỉnh tờ bạc hai đồng mẹ dặn để dành khi *đạp bánh tráng*, nghĩa là nếu ngã vào hàng bánh tráng làm vỡ thì có tiền đền.

Ngày hôm sau, trong giờ Vẽ tôi mở rộng cuốn vở vẽ, xoay qua xoay lại, và dùng thước kẻ dài vẽ đường phối cảnh như cô giáo chỉ trên bảng. Bỗng nhiên, tôi bị một cái cú đầu đau điếng; thằng Thông hằm hằm mím môi chỉ tôi xem vạch bút chì đậm nét hẳn sâu xuống giấy chạy xéo qua bài vẽ đã hoàn tất của nó. Đoán là mình đã lấn chỗ và thúc mạnh vào cánh tay nó mà gây ra, tôi lắp bắp xin lỗi.

Giờ ra chơi, thằng Thông làm lì kéo tôi ra góc sân trường xa nhất ít người lai vãng. Tôi chưa kịp nói thì bị nó thoi lia lịa vào vai, ngực, và bụng. Đau quá tôi gặp người,

“Tổ cha *mi ý thế* mạnh ăn hiệp *tau...*”

“*Tau* là cha *mi*, biết không con?” Nó cùng tên với cha, một thua thiệt lớn lao của tôi vì trẻ con Huế khi cãi lộn và sỉ nhục nhau thường kêu tên cha mẹ của đối phương ra *chưởi*.

“Giải thì *đập* lộn với mấy thằng ngang tay *mi* đi!”

“*Tụi hần* có làm hư vở và bài vẽ của *tau mô?*”

Biết là mình có lỗi tôi vùng chạy, nhưng nó nhanh chân nhảy vọt tới, nắm chặt vai tôi, và tiếp tục thoi vào người tôi, cú nào cú nấy đau điếng. Nó cười nhạt,

“Chạy trời không khỏi nắng *mô* con ơi!”

“*Tau méc* cô giáo cho *mi* biết tay,” tôi dọa.

“*Chấp mi méc!* Lên thầy hiệu trưởng coi ai *lỗi* (thua) cho biết,” nó nhắc tội “phạm thượng” của tôi.

“*Tau* về kêu anh và chú *tau* lên *đập mi* cho coi.”

“Cha *mi* biết hết con ơi! *Mi* mà về *méc* là con mẹ *mi* ðe ra *đập* cho tơi bời hoa lá trước.” Lại thêm một sự thật không thể chối cãi.

Đến bước đường cùng, tôi không còn cách nào khác hơn,

“*Tau* lờ tay... *Chừ* làm *răng?*”

“Đền cho *tau* – hư vở, hư bài, hư điểm hàng tháng, hư đủ thứ hết!”

“*Tau* có từng *ni...*” tôi móc túi lấy tờ bạc đưa ra.

“Tính là *mi* nộp tiền lần đầu tiên! Kể từ bữa *ni*, mỗi tuần *mi* phải đóng hai đồng đền bù thiệt hại.”

“*Tau làm chó chi có tiền nộp cho mi?*”

“*Không có tiền thì dừ (nhừ) xương! Trộn ni mới sơ sơ sĩa sĩa cho mi nếm mùi thôi.*”

Để có tiền nộp cho thằng Thông, mỗi tuần tôi dối mẹ xin thêm tiền nói lên tiệm La Ngu gần cầu Đông Ba mua thêm vở học, vở vẽ, bút chì màu, hộp màu nước, v.v. Mẹ tin và không thắc mắc vì từ nhỏ tôi chưa hề nói láo và không hề biết tiêu tiền để *ăn hàng* (ăn quà vặt) hay mua những món không cần dùng.

* * *

Hàng đêm suy nghĩ, tôi biết mình chịu hiếp đáp không những vì nhỏ tuổi sức yếu, mà còn vì nhát gan sợ sệt. Đọc lên cuốn *Quảng Gánh Lo Đi Và Vui Sống* của người lớn, cuốn sách *Học làm người* của Dale Carnegie do Nguyễn Hiến Lê dịch, tôi tìm ra phương pháp *tự kỷ ám thị* (dịch giả chua thêm tiếng Anh là *autosuggestion*) và dùng để “luyện tinh thần.” Buổi tối trước khi ngủ tôi tự nhủ và lập đi lập lại trong đầu hàng trăm lần cho đến khi thiếp đi:

Thằng Bé là người can đảm, không sợ ai, và sẵn sàng đương đầu với kẻ mạnh.

Mặt khác, tôi xuống vựa tre nứa dưới khúc sông gần nhà mua hai thanh tre la ngà làm kiếm “luyện võ.” Bắt chước võ sinh trong truyện kiếm hiệp, hàng ngày tôi thức dậy lúc bốn giờ sáng, ra vườn sau nhảy nhót giữa hai cây cau trồng cách nhau chừng bốn thước, và múa kiếm “đánh” với thân cau như chiến đấu với kẻ địch. “Luyện kiếm” cho đến khi mệt nhoài, tôi vào nhà giả bộ ngủ chờ chị ở đánh thức dậy ăn sáng sửa soạn đi học.

Cách chế tạo binh khí để “phục hận” được gợi ý từ bài Sử ký về Đặng Dung (? – 1414) có hình minh họa ông ngồi mài kiếm dưới trăng và ghi hai câu từ bài thơ *Thuật Hoài* bằng chữ Hán của ông:

*Thù trả chưa xong đầu đã bạc,
Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.*
(Phan Kế Bính dịch)

Tìm được trong ghềnh đá dưới bến sông trước mặt nhà một viên đá lớn bằng khoảng hai nắm tay, mỗi buổi chiều tắm sông tôi nán lại và ra sức mài đến gần tối. Người xưa mài kiếm cho sắc thì tôi mài viên đá cho thon dài, đầu to cầm trong bàn tay và đầu nhỏ nhô ra để tấn công kẻ địch. Tôi đặt tên món binh khí này là “thạch trùy,” phỏng theo tên “đồng trùy” của loại vũ khí có cán ngắn nối liền với một khối kim loại bằng đồng dùng sức nặng để hạ đối thủ.

Nộp tiền đều đặn cho thằng Thông đến gần cuối năm học, hôm ấy tôi nghe mẹ than với mợ Há,

“*Không biết rặng hai cây cau sau nhà chết dần chết mòn...*”

“*Con xước cươi thấy vỏ cây tróc ra bất loạn đi. Chắc là cau bị sâu bọ hay bệnh hoạn chi đó!*” chị ở đứng gần nói xen vào; “*xước cươi*” là “quét sân” và “*bất loạn đi*” là “nhiều lắm.”

“*Chị kêu người đốn đi kéo bệnh lây qua các cây khác thì nguy,*” mợ Há khuyên mẹ.

Đã đến lúc chấm dứt thời kỳ “khổ luyện” mà phải hành động – trước khi mẹ tìm ra thủ phạm! Hôm sau thứ Bảy học buổi sáng, buổi học cuối cùng trong tuần, chiếc *cạp-táp* của tôi nặng hơn

vì có thêm chiếc thạch trùy. Trưa hôm ấy, như thường lệ thằng Thông dẫn đầu đám học sinh đi về nhà. Gần tới nhà, tôi bỏ *cọc-táp* xuống đất, chạy lên đầu hàng, và lay vai thằng Thông. Nó ngạc nhiên chưa kịp quay lại thì tôi dùng toàn lực giáng quả thạch trùy vào lưng – ngón đòn uất hận của gần sáu tháng dài,

“Tổ cha *mi* thằng ăn cướp!”

Thằng Thông đau đớn oằn lưng nghiêng qua một bên; tôi nghiêng rặng bời thêm cú thứ hai vào vai phải – có phần mạnh hơn cú trước. Nó quỵ xuống, nhìn tôi van lơn, và dưới mắt tôi không còn là tên “ác tặc” xấu xa mà là một thiếu niên bất lực. Tôi hạ quả thạch trùy xuống,

“Tha tội *cho mi* đó!”

* * *

Sáng thứ Hai tới trường trông thấy bộ mặt lấm lét của thằng Thông, tôi vênh mặt không thèm nhìn. Ngồi im thin thít đến giờ ra chơi, nó mở lời với lối xưng hô mới,

“*Cụ mi* cho *tau* xin lỗi. *Chừ* mình anh em *nghen...*”

“Anh em con c... *tau!*” tôi lấy giọng kẻ cả mắng.

“Chuyện đã qua cho *hấn* qua đi mà... Hai đồng tuần trước trả lại cho *cụ mi.*”

“Nói *rứa* mà nghe được à? Sáu tháng *ni mi nuốt* của *tau* hết năm mươi hai đồng,” tôi không thèm nhận.

“Tiền *tê tau* đưa *mạ* mua gạo rồi, còn *mô!* *Cụ mi* muốn *đập* mấy trăm cái để trừ *tau* cũng chịu,” nó quay lưng lại cho tôi đánh.

Tôi nghe phong phanh thằng Thông đồng em mà không đưa nào đi học và cha nó làm thuê làm mướn nhưng gần đây ông té gãy chân không ra khỏi nhà. Đột nhiên tôi đi tới một quyết định; lấy hai đồng bạc còn lại ở trong túi quần, tôi đưa luôn cho nó,

“Đền *vở* vẽ cho *mi* tuần *ni*. Tuần sau, *tau* tiếp tục như trước...”

Để thằng Thông đứng một mình, tôi quay lưng chạy nhanh về lớp. Trong lòng thật nhẹ nhàng sung sướng...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 18 tháng Hai, 2015

Phần Thưởng Của Mẹ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ở bàn cuối cùng phía nam sinh, tôi ngồi giữa thằng Thông và thằng Đạm, hai thằng to con nhất lớp. Lãnh nhiệm vụ kéo cờ trong buổi lễ chào cờ mỗi sáng, tháng nào hai đứa cũng được bảng tưởng lệ khen thưởng về “hoạt động thanh niên.” Thằng Thông trưởng lớp không mấy khi nói năng hay phát biểu ý kiến, nhưng thằng Đạm hằng hái giờ tay trước tiên khi cô giáo (tên Hà) hỏi cả lớp mà mười lần thì hết chín nó trả lời sai bét và được cô khen cố gắng. Gia đình thằng Đạm là người nhà và ở trong nhà cô, ngôi nhà lớn nằm giữa trường và trường Bình Minh và cách trường một căn nhà. Buổi sáng đi học thằng Đạm khệ nệ ôm sách vở và học cụ tới trường cho cô và thằng Lãm, con trai cô học lớp Ba (lớp 3).

Cuối năm học cả lớp bận rộn tập diễn hoạt cảnh “Hội nghị Diên Hồng” (năm 1284) để trình diễn vào dịp lễ phát phần thưởng. Hoạt cảnh bắt đầu bằng hai người lính đứng trên đài cao (là chiếc băng ghế dài) bắc loa kêu gọi,

*Toàn dân! Nghe chẳng? Sơn hà nguy biến!
Hận thù đấng đấng! Biên thù rung chuyển
Tuông giày non sông rền vang tiếng vó câu
Gây oán nghìn thu...*

Thằng Đạm đóng vai Thượng hoàng Trần Thánh Tông, và chừng hai chục nam sinh làm bộ lão đi dự hội nghị trưng cầu dân ý khi quân Nguyên sang xâm lược Việt nam lần thứ hai. Để trả lời về chủ trương “hòa” hay “chiến,”

Trước nhục nước nên hòa hay nên chiến?

các bộ lão hô lên,

Quyết Chiến!

Hoạt cảnh kết thúc bằng bài hát “Bạch Đằng Giang” do cả lớp đồng ca. Tôi háo hức với những sinh hoạt cuối năm vì sắp được nghỉ hè, tha hồ đọc sách và rong chơi. Tuần lễ cuối cùng, cô Hà gọi tôi lên bàn,

“Cho em biết, năm nay em phải thi Tiểu học.” Đó là kỳ thi xác định trình độ học sinh đã học xong cấp tiểu học.

“Dạ... Nhưng *răng* các trò khác không thi?” tôi ngỡ ngác.

“*Họ* có học bạ học đầy đủ từ lớp Năm đến lớp Nhất nên được miễn thi.” Lớp Năm và lớp Nhất là lớp 1 và lớp 5 ngày nay.

“Con học lớp Nhất, không phải hết tiểu học hay *răng*?”

“Nhưng em thiếu học bạ lớp Nhì (lớp 4) trở xuống. Luật chính phủ, biết *răng* chứ?”

“Nếu thi hỏng con có được lên đệ thất không?” tôi hỏi điều muốn biết nhất; đệ thất (lớp 6) là lớp đầu tiên của bậc trung học đệ nhất cấp.

“Cô tin em sẽ đậu. Nhưng nếu hỏng, em chỉ không được thi vào đệ thất trường công mà phải học trường tư, không khác *chi* các em khác được miễn thi mà không đậu vô trường công.”

Tôi đâm ra hy vọng: nếu không thi hay thi rớt thì sẽ có cơ hội qua trường Bình Minh học Toán với thầy Đan anh Quang khen nức nở là giỏi và dạy *hay vô hậu* (hay vô cùng). Cô giáo căn dặn,

“Em về nói cha mẹ lên đây gặp cô hay thầy hiệu trưởng...”

“Con có làm chi *mô*...” tôi hốt hoảng, tưởng là mình phạm lỗi.

“Cô biết, em đừng lo. Em không đủ tuổi để thi bằng Tiểu học; cần lập hồ sơ xin miễn tuổi.”

Về nhà tôi thần nhiên chạy đi chơi và không nói với ai về chuyện này. Nhưng chỉ hai hôm sau là mẹ và cậu Há đã biết và nhắc cha từ Phú Bài về. Khi cậu trình bày việc xin miễn tuổi cho tôi, cha thất vọng ra mặt,

“Tưởng có *chi* quan trọng...”

“*Răng* không quan trọng? Chuyện *ni* phải có anh quyết định và làm đơn xin.”

“Thiếu tuổi thì thêm tuổi; miễn tuổi miễn tiếc làm *chi* cho rắc rối?”

“Làm *rứa* thẳng nhỏ bị lớn hơn một tuổi suốt đời, *tội hấn*!”

“Chuyện con nít ăn thua *chi* mà *toa* lo cho mệt xác?” cha kết thúc cuộc thảo luận.

Cha cho người ra Toà án làm lại Chứng chỉ Thế vì Khai sinh sửa năm sinh thêm một tuổi – thật dễ dàng và tiện lợi! Giống như khi cha làm giấy khai sinh cho cả nhà trước đây, ai nấy đều “*bị*” sinh ra vào ngày đầu tháng: cha ngày 1 tháng Giêng, mẹ ngày 1 tháng Hai, anh Quang 1 tháng Ba, tôi ngày 1 tháng Tư, v.v. Nhớ ngày sinh của anh em tôi theo Âm lịch và đối chiếu với lịch vạn niên của thầy Phước, mẹ nói ngày sinh trên giấy tờ của tôi đi sau ngày sinh thực đúng ba tuần. Với hai ngày sinh và hai năm sinh khác nhau, tôi luôn luôn bối rối và ngỡ ngàng vì không biết trả lời thế nào cho đúng khi có người hỏi, “*Mi* mấy tuổi rồi?” Tuổi tây, tuổi ta, tuổi thật, hay tuổi giấy tờ – *biết mô mà lần*!

* * *

Để chuẩn bị làm “*sĩ tử*,” trước hết phải làm đơn xin thi; điền đơn có chú Phu lo, nhưng “*đương sự*” phải ký tên vào cuối tờ đơn. Dưới sự hướng dẫn của anh Quang, tôi để ra mấy ngày chọn lựa và tập ký sao cho chữ ký “không ai bắt chước được mà biểu hiệu đời mình” (lời của anh), nghĩa là không được quá đơn giản (dễ bắt chước), không được quá rắc rối (ký lại không giống trước), không được gián đoạn (sợ chết yểu), không được chúi xuống mà phải đi lên (hướng đời tương lai), v.v. Không cần đợi tới Tết, mẹ đi chợ Đông Ba mua vải và biểu tôi lại nhà bác thợ may trong xóm may bộ quần áo mới mặc đi thi. Sau đó tôi được cậu Há đưa lên tiệm chụp hình Thạnh Tâm ở Ngã Giữa, tức là đường Gia Long, *chụp bóng* làm thẻ học sinh để xuất trình khi vào phòng thi.

Học sinh đã nghỉ hè; thấy tôi suốt ngày chơi đùa với đám trẻ con trong xóm và buổi tối mãi mê đọc truyện, mẹ đâm lo,

“Thi cử tới nơi mà mẹ thấy con ăn chơi *luông tuồng* không học hành *chi hết*.”

“Có bài vở *chi mô*! Chú Phu nói con không cần học.”

“*Chi lạ rứa*? Ít ra cũng phải ôn lại bài vở *chớ*!”

“*Dạ*...” tôi ừ à cho qua chuyện.

Mẹ dẫn đo thật lâu rồi nói,

“Ngày trước cha đậu Tiểu học, nội *mần* (làm) bò đăi bà con làng nước ăn mừng.”

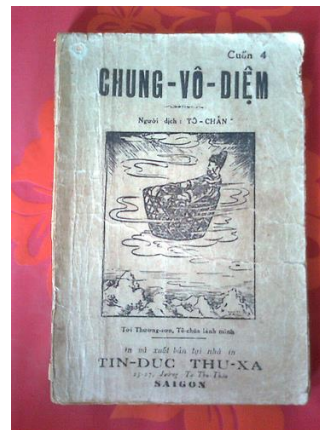
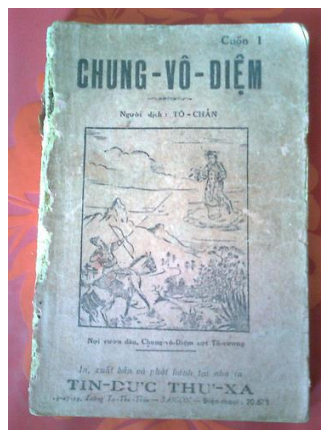
“Cậu Há nói bằng Tiểu học hồi *nớ to* ghê lắm, hơn cả Tú tài *chừ*. Kỳ thi *ni* thì *số má vô mô* (đáng kể vào đâu)?”

“Cả làng không mấy ai đi học nên coi bằng Tiểu học *to* bằng *cái nông*, *chớ* thiệt ra *nõ* khác *chi chừ*.” “*Cái nông*” là “cái nong,” và “*nõ*” là “không” hay “chẳng.”

“Rứa hở mẹ?”

“Mẹ nghèo thì nghèo nhưng con đậu mẹ cũng *rán ruột* thưởng năm chục đồng,”

Năm mươi đồng – một số tiền lớn không thể tưởng tượng! Tôi sẽ lên nhà sách Thượng Tứ mua bộ *Chung Vô Diệm*, bộ truyện Tàu bốn cuốn do Tô Chấn dịch và Tín Đức Thi xã xuất bản, mơ ước lâu nay. Trong truyện, Chung Vô Diệm là tiên nữ bị đọa xuống trần thành cô gái diện mạo xấu xa nhưng văn võ tinh thông và pháp thuật cao cường để trở thành vương hậu của Tề Tuyên Vương và giúp nhà vua vững trị quốc gia. Tiền còn lại tôi sẽ kêu gánh chè bán rao vào *bao* cả nhà ăn một bữa đã đời.



* * *

Một ngày đầu tháng Sáu, thức dậy ăn sáng và sửa soạn đi thi, tôi được biết đêm qua mẹ đi sinh em bé và mọi việc sẽ do chú Phu (ở trong nhà dạy chúng tôi học) lo liệu. Chú đưa tôi đến trường thi, hội đồng Thanh Long là trường tôi học. Ngõ ngang vì chung quanh toàn là người lớn – quân nhân và công chức thi lấy bằng để được lên chức hay lên lương – hút thuốc lá và trò chuyện ồn ào, tôi theo phiếu báo danh lảng lảng vào phòng thi là phòng học lớp Ba. Hai vị giám thị, một nam một nữ, đứng sẵn trong phòng và nghiêm trang nhìn tôi với đôi mắt dò xét.

Buổi sáng thi hai môn Luận (Viết văn) và Sử ký và Địa lý. Bài thi dễ òm, tôi làm một loáng là xong nhưng chú Phu dặn không được nộp bài sớm mà phải dò đi dò lại hết giờ mới được ra nên cứ ngồi nhìn bảng đen khiến thầy giám thị tưởng tôi *bí* và gằm gằm đứng canh chừng để tôi khỏi... *cóp* bài người kế bên.

Trưa về nhà ăn cơm, chiều hai giờ mới trở lại thi Toán và Khoa học Thường thức. Trước khi đi kiểm soát lại giấy tờ thì than ôi, cái thẻ học sinh có dán hình nằm trong túi quần không cánh mà bay! Tôi cuống cuống tìm khắp nơi mà không thấy. Chú Phu đưa tôi đi thi, năn nỉ thầy giám thị, “Sáng *ni* cháu *tui* đã thi rồi, thầy thông cảm cho cháu vào để không bị lỡ kỳ thi.” “Luật là luật, không có giấy tờ chứng minh không cho thi!” thầy cương quyết. “Thằng nhỏ mười tuổi, run lấy bầy và mặt mày tái nhợt như *ri*, thi thế cho ai mà thầy lo?” chú kêu nài.

Thầy khăng khăng không đổi ý, nhưng cô giám thị hơi xiêu lòng, “Giám thị được lệnh chỉ cho thí sinh có ‘căn cước’ thi; *chừ* anh nhờ ai – thầy giáo của em chẳng hạn – viết giấy chứng nhận để chúng tôi theo đúng thủ tục, được không?” “Nhà cô Hà dạy con ở bên *tê*; chú qua đó nói cô làm giấy,” tôi nhớ ra và nhắc chú. “Anh đi mau kẻo trễ; chúng tôi tạm cho em thi, hết giờ mà không có giấy tờ chứng minh thì không thu bài – kể như bỏ,” cô hối thúc. “*Tau* đi đây, *mi* rán làm bài *nghen*,” chú chạy bay ra cửa.

Bài thi còn dễ hơn bài buổi sáng nhưng tôi hồi hộp chờ chú Phu trở lại. Chỉ vài phút trước khi keng báo hiệu hết giờ, mặt đỏ mồ hôi, chú thở hổn hển cầm tờ giấy chứng nhận bước vào. Chú kể sang nhà cô Hà thì người nhà cho biết cô không có nhà mà đang đi sinh. Thời may, chú gặp thằng Đạm đứng xớ rớ gần đó, nó sốt sắng đạp xe dẫn chú tới nhà hộ sinh bên Gia Hội gặp cô. Tôi thầm cảm ơn thằng Đạm và nghe chú lầm bầm, “Đi *mô* cũng gặp *liền bà* đề!”

* * *

Ngày tôi đi thi Tiểu học mẹ sinh em trai, đứa thứ sáu trong gia đình, và đặt tên Lâm. Nhà hộ sinh ở gần Cửa Ngăn, cách nhà chừng năm cây số. Ba hôm sau, tôi và anh Quang đi *coi bảng*, tức là xem kết quả niêm yết trên bảng thông cáo. Tên tôi nằm đầu tiên trong danh sách thí sinh được chấm đậu với 87 điểm; người kế là một quân nhân được 62 điểm. Đi báo tin cho mẹ, tôi lúp xúp chạy theo xe đạp anh Quang chở thằng Sáng ngồi trên giá mang hành lý đằng sau; vừa “đi” ba anh em vừa trò chuyện huyền thuyên.

Căn phòng tối mù mù, em Lâm nằm trên giường cạnh mẹ, thân hình cuộn chặt trong khăn và đầu đội mũ len, thò ra khuôn mặt nhỏ tí đỏ hồng. Thấy chúng tôi, mẹ *la* (rầy), “Con trai con lú ra vô đây *mần chi*? Hai bữa nữa mẹ về nhà rồi.” “Thằng Bé đậu rồi, mà lại đậu thủ khoa,” anh Quang vội vàng nói. “Mẹ biết mà! *Hấn* học giỏi, *răng* mà không đậu cho được,” mẹ cười sung sướng. “Mẹ hứa thưởng cho con năm chục đồng, tiền *mô*?” tôi xòe tay đòi. “Thằng trâu lì *ni*, mẹ đi để làm chi có tiền đưa cho *mi*?” anh Quang nạt đùa khiến tôi cúi mặt tiu nghỉu. “Đừng *la* ‘chú tân khoa’ của mẹ mà *tội*. Để mẹ về nhà rồi tính nghe con.”

Qua giọng nói tôi biết mẹ không có sẵn món tiền thưởng đã hứa. Tôi nhớ những đêm cha về nhà theo mẹ nã tiền, những buổi trưa tôi đem *đọi* (tô lớn) lên nhà mợ Há xin mắm cà về ăn cơm, và những lần nghe mẹ chắt chiu tính toán từng đồng tiền chợ với chị ở. Năm chục đồng là

một tuần lễ tiền chợ của cả nhà. Và mẹ phải *nằm nơi* trong căn phòng hộ sản tồi tàn này! Nhìn khuôn mặt gầy yếu của mẹ, tôi lại gần rờ chân thằng Lâm qua lớp vải quấn bên ngoài,

“Mẹ thương tiền nhưng *tau* cho lại *mi*. Mai mốt lớn lấy mua sách học cho giỏi, mua truyện ba lớp anh Quang *đập chết đừng trách.*”

Trên đường về nhà lòng tôi vui như mở hội. Lời hứa của mẹ là phần thưởng quý giá nhất trong đời. Và tôi cũng thấy mình xứng đáng với phần thưởng ấy: Trong họ ngoài làng, nếu không kể thế hệ trước (của cha và cậu Há), tôi là đứa học trò duy nhất đã đi thi và thi đậu bằng Tiểu học.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 11 tháng Ba, 2015

Thằng Bé Gánh Thuốc Rong

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa hè 1958 mới đi qua một nửa, tôi mãi mê rong chơi cùng lũ bạn trong xóm thì kỳ thi đệ thất (lớp 6) tới nơi. Đó là kỳ thi tuyển, học sinh tranh đua với những người khác để được nhận vào trường trung học (đệ nhất cấp) công lập có sĩ số giới hạn. Thi rớt phải học trường tư phương tiện giáo huấn không đầy đủ và kỷ luật không chặt chẽ bằng trường công và nhất là phải đóng học phí hàng tháng.

Nữ sinh thi vào trường Đồng Khánh trong lúc nam sinh có ba trường để lựa chọn: Quốc Học (trước là Khải Định), Nguyễn Tri Phương, và Hàm Nghi. Chỉ một mình trường Hàm Nghi nằm ở tả ngạn sông Hương và gần nhà nhất, nhưng mẹ biểu anh Quang nộp đơn cho tôi thi vào Nguyễn Tri Phương,

“Trường *nó* gần nhà *o* Nậm dưỡng Tụng bên Xóm Chuối; mùa mưa lụt *gởi hấn* ở luôn bên nhà *o*.” *O* Nậm là em họ của cha; dưỡng làm trung sĩ Công binh ở Đà Nẵng, vừa về hưu và dọn nhà về Huế.

Học trò trường Thanh Long chỉ có tôi và thằng Chiên nhà bán thuốc bắc gần cầu Đông Ba thi vào trường Nguyễn Tri Phương nên chúng tôi thường gặp nhau nói chuyện thi cử. Trường có bốn lớp đệ thất lấy vào 240 học sinh mà nghe nói hơn 1,200 người nộp đơn. Học giỏi và cuối năm được lãnh phần thưởng, thằng Chiên tự tin,

“Mỗi thằng địch lại năm thằng; hai đứa mình dư sức qua cầu!”

“Không dễ ăn *mô*! Muốn đậu phải đề đầu hơn chín trăm rưỡi thằng khác,” tôi cãi.

“Nhớ đừng nói trước bước không qua; *mi* không được nói ‘đậu rồi’ mà phải *giả* đờ bị ‘đánh hỏng,’” nó khuyên tôi.

“*Răng rứa?*”

“Nói lái ‘đậu rồi’ thành ‘đội rầu’ tức là mang nỗi buồn rầu thi rớt trên đầu mà ‘đánh hỏng’ thành ‘đóng hãnh’ tức là mang niềm hãnh diện thi đậu vào mình,” nó cười đắc ý với cách nói ví tự nghĩ ra.

Đêm trước ngày thi, tôi ngủ lại nhà *o* Nậm. Đề thi cả hai môn Toán và Luận (Việt văn) không có gì khó mà nhiều người ngồi cắn bút rồi nộp giấy trắng ra về. Tôi làm bài suôn sẻ, trưa về khoe với *o* và được đãi một bữa bánh nậm (bánh lá) và bánh bột lọc no nê. Dưỡng Tụng dịu dàng,

“Dưỡng thăm chừng khi có *bảng* sẽ đi *coi* và báo tin vui.” “*Có bảng*” là kết quả được công bố và niêm yết trên bảng thông cáo, và “*coi bảng*” là đi xem kết quả.

Năm hôm sau, buổi chiều gần tối, dưỡng đạp xe sang nhà tôi với vẻ mặt buồn xo,

“Chị ơi, *thằng Bé* hỏng rồi! Trên bảng không có tên *hấn*.”

“*Chết cha! Răng rứa?*” mẹ la thất thanh.

“*Học tài thi phận*, con đừng buồn! Tương lai còn dài, hỏng keo này mình bày keo khác!” dưỡng an ủi tôi.

“*Ăn thua chi, con học đệ thất trường Bình Minh cũng được,*” tôi thất vọng vì mẹ buồn và mắc cỡ vì lỡ khoe với o dựng mình làm bài được.

Suốt bữa ăn tối cả nhà không ai nói một lời. Chưa tin *thằng Bé* thi rớt, mẹ ôm thằng Lâm (mới hơn một tháng) đi ngủ sớm nhưng nằm trằn trọc không yên. Khoảng chín giờ tối mẹ bỗng nhồm dậy gọi anh Quang,

“Con lên nhà cậu Há gấp, nhờ cậu lấy đèn pin đi *coi bảng* lại cho mẹ. Tên *hắn* có phải là ‘*thằng Bé*’ mô!”

Cậu Há và anh Quang tìm thấy tên tôi nằm đầu tiên trong danh sách các học sinh được thu nhận. Sau vụ lằm lẩn *thốt ruột* này, mẹ cấm không được gọi tên “*thằng Bé*” tôi mang từ hồi chập chững biết đi. Thay vào đó là tên “*Ba Hoa*” vì tôi là “*thứ ba*” trong gia đình và để biểu thị tính vụng về ít nói của tôi – ngược với “*ba hoa chích chòe*.”

* * *

Ôm chiếc cặp da “*to bằng người *hắn**” (lời của mẹ) đựng đầy sách vở, tôi rời nhà đi học lúc sáu giờ sáng. Mẹ cho hai đồng và dặn tới bến xe đò đầu đường Huỳnh Thúc Kháng thì xuống bến đò đi đò qua sông, vừa nghỉ chân vừa khởi đi xa. Nhưng tôi qua nhà thằng Chiên rủ nó đi học; nó không có tiền đi đò nên hai thằng theo đường Trần Hưng Đạo rồi qua cầu Trường Tiền tới trường. Tôi để dành tiền và cất kỹ, chờ đến Tết mua bộ truyện Tàu *Chung Vô Diệm* mơ ước từ lâu.

Anh Quang biết “*âm mưu*” này, theo năn nỉ mượn tiền chở tôi đi ăn *chè Ga* tức là chè bán ở ga xe lửa trên Bến Ngự, và hứa trả lại gấp đôi. Thèm ăn chè nhưng tôi nhất định không lòi tiền ra, mặc cho anh cười nhạo,

“*Mi là *thằng kẹo kéo* số một trên đời.*” Kẹo kéo bán rong màu trắng làm bằng mật mía hoặc đường cuộn đậu phụng rang chín bên trong. Kẹo kéo rất dẻo và dễ kéo dài thành thanh nhỏ nên “*kẹo kéo*” chỉ người hà tiện hay keo kiệt.

Tôi và thằng Chiên được học cùng một lớp; tôi ngồi bàn đầu bên cạnh thằng Liên Thân – họ Liên tên Thân – và thằng Chiên ngồi bàn thứ hai sau lưng tôi. Buổi học đầu tiên, thằng Thân hất hàm hỏi tôi,

“*Mi học trường mô?*”

“*Trường Thanh Long dưới xóm Ba Đình. Biết mô không?*”

“*Răng không biết. Học trò trường nhà quê *nớ* mà đậu nổi vô đây à?*”

“*Mi biết ai đậu đầu vô trường *ni* không?*” nghe chương tai thằng Chiên nói với lên.

“*Không... Thằng mô?*”

“*Hắn, *thằng Ba Hoa*, *chớ* ai!*” thằng Chiên cười hi hí.

Tối hôm ấy cậu Há đến nhà chơi tôi thắc mắc,

“*Lớp con có thằng Liên Thân người Minh Hương mà nói tiếng Huế *rành rỏi dễ sợ*.*”

“*Nói *tầm bậy*! ‘Liên’ không phải họ Tàu mà thuộc dòng dõi hoàng tộc *chớ* *nỡ* chơi mô.*”

“*Con nghe nói triều nhà Nguyễn đặt họ cho con trai là*

Miên – Hường – Ứng – Bửu – Vĩnh – Bảo – ...

mô có họ ‘Liên’?” anh Quang đứng gần xen vào.

“Hồi xưa vua Minh Mạng làm bài *Đế Hệ Thi* và mười bài *Phiên Hệ Thi* mỗi bài hai mươi chữ quy định cách đặt họ cho các thế hệ sau. Mấy họ *mi* nói là *Đế Hệ Thi* dùng cho con cháu của vua,” cậu giải thích.

Anh Quang hiểu ra,

“*Phiên Hệ Thi* dùng cho con cháu các hoàng tử con vua Gia Long, anh em của vua Minh Mạng.”

“Đúng rồi! Bài thứ nhất dành cho con cháu Hoàng tử Cảnh:

Mỹ – Duệ – Tăng – Cường – Tráng – Liên – ...

Liên Thân là cháu bảy đời, tính ra là anh họ của cựu hoàng Bảo Đại Vĩnh Thụy; cha *hắn* là Tráng Lữ học Khải Định với *tau*.”

“Ông Lữ *chừ mần to* (làm lớn) lắm!” anh gật gù; *hèn chi* thằng Thân đi học bằng xe hơi có tài xế mặc sắc phục cảnh sát đưa đón.

* * *

Một hôm từ trường về nhà, tôi và thằng Chiên hiểu kỳ dừng lại xem gánh thuốc rong cạnh những hàng quán lộ thiên trong khoảnh đất giữa cầu Trường Tiền và chợ Đông Ba. Một ông chừng ba mươi tuổi, quần áo chỉnh tề nhưng nhàu nát, nói tiếng Bình Định giả giọng Nam quảng cáo mỗ trăn,

“*Mại dzô! Mại dzô!* Thò tay ngọc bọc tay *dzàng*, mau mau *dzang* tay ra mà lượm! Thần dược do các danh y Ấn Độ khám phá ra mấy ngàn năm trước được đại lý chúng tôi tại Sài gòn độc quyền phân phối sẽ giúp quý bà quý cô tẩy lông và có làn da mịn màng trắng trẻo.”

“Đàn ông dùng được không?” một kẻ cò mồi đứng trong đám đông la to.

“Quý ông không nên dùng để trừ râu! Bôi vào, râu mọc *dza* không được sẽ mọc ngược *dzô* trong,” hình như ông nói đùa, nhưng tôi không thấy ai cười.

Tiếp theo, ông điều khiển con khi con mặc áo ngắn cũn cỡn đạp chiếc xe đạp tí hon và leo lên cái thang đồ chơi trẻ em nhào lộn, trong khi một thằng bé chừng sáu bảy tuổi mặt mày lem luốc ngồi chính giữa đánh trống liên hồi. Để chứng tỏ sự công hiệu của một “thần dược” khác là thuốc dán trị vết thương, chỗ phỏng, bệnh trĩ, v.v., ông biểu thằng bé vén tay áo và dùng dao sắc cứa một đường chừng ba phân trên cánh tay nó. Vết cắt rướm máu, thằng bé đau ứa nước mắt, nhưng ông thần nhiên lớn tiếng,

“Thuốc dán do ngự y của Tàn Thủy Hoàng bên Trung Hoa chế ra hơn hai ngàn năm nay. Dán lên vết thương thằng con *tui* sẽ cầm máu tức thì, và trong vòng một tiếng đồng hồ sẽ kín miệng và lành hẳn.” Người ta trầm trồ khen ngợi và chìa tiền mua thuốc, không ai quan tâm đến thằng bé.

Xem xiếc và chứng kiến cảnh rạch tay đến chiều thứ Bảy, ngày học cuối cùng trong tuần, tôi và thằng Chiên nán lại đợi đám đông giải tán và ông bán thuốc và mấy người cò mồi qua quán Lạc

Sơn uống cà phê, để lại thằng bé giữ đồ đạc. Nhai ngẫu nhiên miếng bánh đúc bằng nửa bàn tay, hình như đói bụng lắm, nó không thèm nhìn khi tôi hỏi,

“Cha *mi* cửa tay có đau không?”

“Hỏi gì kỳ, cửa tay mà không đau thì làm gì mới đau? Ông đó đâu phải cha *tui*!” nó trả lời bằng giọng Sài gòn lạ tai.

“Cha mẹ *mi mô*?” thằng Chiên ngạc nhiên.

“Đâu trong Xè *Goòng*! *Tui* ở nhà với tía má, xin tiền mua bánh mà má không cho, tức mình ‘bỏ nhà đi.’ Ra đường gặp *ông* cho tiền mua đồ chơi và ăn uống thả giàn. *Dzậy* là *tui* đi theo!”

“*Răng* không tìm cách trốn về nhà?” tôi hỏi.

“Làm sao *dzia*? Biết nhà đâu mà *dzia*?”

Rưng rưng nhìn khuôn mặt buồn khổ của thằng bé, tôi thò tay vào túi lấy cuốn giấy bạc một đồng để dành lâu nay giúi vào tay nó rồi kéo thằng Chiên đi thật nhanh. Suốt ngày hôm đó trong đầu tôi chỉ có một ý nghĩ duy nhất: làm sao giúp thằng bé kia về nhà với cha mẹ? Trước khi đi ngủ tôi khẩn,

“*Lạy Ngài*, xin *Ngài* linh thiêng chỉ cho con cách cứu *hắn*. Con hứa từ nay sẽ không cất dẫu tiền mẹ cho đi đò.” Đối với trẻ con Huế, “*Ngài*” là một đấng quyền năng luôn luôn đáp ứng những lời cầu xin.

Sáng hôm sau thức dậy, tôi ra vườn sau, lấy tờ giấy giữa trong cuốn vở vẽ khổ lớn, trải rộng ra, và dùng màu nước kẻ tấm biểu ngữ

Đả Đảo Mỹ - Diệt

Hồ Chí Minh muôn năm.

Sáng thứ Hai, trên đường tới trường tôi và thằng Chiên bàn thảo kế hoạch hành động. Nhân có giờ trống, chúng tôi mời thằng Thân ra cổng trường *ăn hàng* (ăn quà vặt). Tôi nịnh,

“*Cậu tau* nói *mi* là con nhà trâm anh thế phiệt, danh gia vọng tộc.”

“*Ông cố tau* là một tứ trụ triều đình, và gia đình ai cũng làm quan to,” *được nước* nó khoác lác.

“Trường Tiểu học Nam Giao của *mi* là nơi đào tạo nhân tài xứ Huế. Mai mốt thành *ông nọ ông tê*, đừng quên hai thằng *tau*,” thằng Chiên bơm vào.

Tôi *bao* (đãi) thằng Thân một cây cà rem và hai đĩa tôi phải chia nhau một thanh kẹo kéo vì mỗi thứ một đồng mà tôi chỉ có hai đồng. Hai đĩa thay nhau tâng bốc khiến nó khoái chí lên tận mây xanh; bỗng nhiên thằng Chiên tung ra một đòn bất ngờ,

“*Công nhận* cái *chi mi* cũng hơn tụi *tau*. Nhưng có một cái *mi* thua...”

“Thua *chi*?”

“*Tụi tau* ngày *mô* cũng *chộ* (thấy) Việt minh, còn *mi* ở trong tháp ngà mù tịt thế sự.”

“*Chộ* *hắn mô*?”

“*Gánh* cao đơn hoàn tán bán rong bên chợ Đông Ba đó.”

“*Nói phách tấu*, làm *chi* có *hắn* nơi chợ búa đông người?” nó làm ra vẻ không tin.

“*Mi* đừng *láng cháng* tới đó, bị bắt đem đi như chơi!” tôi dọa nó; “*láng cháng*” là xớ rớ, vờn vờ ở đâu mà không có việc gì làm.

Giờ học cuối thằng Thân ngồi nhấp nhồm không yên, mong cho hết giờ xe nhà tới đón. Tôi và thằng Chiên chạy lẹ tới gánh thuốc rong, đợi ông bán hàng đi uống cà phê, và trong khi thằng Chiên nói chuyện với thằng bé tôi mở cặp lấy tấm biểu ngữ *chuỗi* xuống dưới thùng đựng thuốc dán.

* * *

Một tuần lễ sau, cậu Há cầm tờ báo xuống nhà nói với mẹ.

“Tụi Vẹm *chừ* lộng hành quá sức! Cơ quan an ninh vừa tóm được đám cán bộ giả dạng bán thuốc dạo để liên lạc và tổ chức mạng lưới đặc công, ám sát và phá hoại.”

“Chỗ *mô rứa* cậu?”

“Ngay cạnh chợ Đông Ba – trên đường *thằng Ba Hoa* đi học hàng ngày. Bọn *hắn* nhẫn tâm bắt cóc con nít mang theo để lạm dụng và che mắt thiên hạ.”

“Đứa con nít bị bắt *chừ* ra *răng*?” tôi nôn nóng hỏi, quên mình cần giữ bí mật.

“Báo nói em *nớ* được Ty Xã hội chăm sóc và giúp tìm lại cha mẹ,” cậu nhìn tôi cười.

Mẹ suy nghĩ một hồi rồi nói,

“Hay là cậu xin cho cháu chuyển trường qua bên Hàm Nghi học cho *tui* yên tâm?”

“Chị không nói *tui* cũng tính đề nghị như *rứa*. Anh Lữ nói là cảnh sát đã biết và theo dõi từ đầu nhưng chưa bắt liền vì đợi tùm trọn ổ. Không dè ‘mật báo viên’ hấp tấp nên phải ra tay sớm, sợ lữ ác ôn nghi ngờ mà cao chạy xa bay, thành ra dư đảng chưa trừ hết.”

Như thế cậu giải thích cho tôi! “Mật báo viên” còn ai khác hơn tôi và thằng Chiên? Chúng tôi dùng thằng Thân đưa tin và định vu oan cho ông bán thuốc, mong là cơ quan an ninh điều tra sẽ tìm ra vụ bắt cóc thằng bé. Không ngờ ông ta và đồng bọn là kẻ gian thực sự, tấm biểu ngữ chống chính phủ (giả) gài dưới thùng thuốc dán đã khiến cho kế hoạch của cảnh sát suýt bị đổ bể.

Sau khi chuyển trường, ít khi gặp thằng Chiên nhưng tôi giữ lời hứa với *Ngài*: học Hàm Nghi không cần đi đò nên mẹ không cho tiền và khỏi cần cất dấu. Nghĩ tới thằng bé, tôi tự hỏi thuốc dán ông ta rao bán có chữa lành những vết cắt trên cánh tay nó hay không.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 01 tháng Tư, 2015

Nỗi Oan Không Ưc

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Học đệ thất (lớp 6) gần nửa niên khóa 1958-59 ở trường Nguyễn Tri Phương rồi chuyển sang trường Hàm Nghi, tôi là một trong số rất ít học sinh may mắn được học cả hai trường trung học mang tên hai vị anh hùng chống Pháp người Huế thương yêu và tôn thờ. Trước là trường tư thực Việt Anh, năm 1955 trường Nguyễn Tri Phương chính thức trở thành trường công lập với tên mới. Trước là trường Trung học Thành Nội thành lập vào mùa thu 1955, năm 1957 trường Hàm Nghi dọn về cơ sở trường Quốc Tử Giám của triều Nguyễn với danh hiệu mới. Ngày trước, trường Quốc Tử Giám, nơi học tập của con cháu các quan lại và người ngoài mà học giỏi, là trường đại học tại kinh đô và đã đào tạo nhiều vị khoa bảng ưu tú.

Ở phía trái đường Đinh Bộ Lĩnh chạy từ cửa Thượng Tứ vào Thành Nội, trường Hàm Nghi nằm ẩn mình dưới những tàn cây cao. Ngôi nhà trên thềm đá cao ở chính giữa làm bằng gỗ lim đen bóng có những cánh cửa chạm trổ ngày trước là *Di Luân Đường*, tức là giảng đường chính của Quốc Tử Giám, nhưng nay đóng cửa im lìm. Hai dãy nhà dài hai bên, ngày trước là *nhà học* tức là nơi học trò đọc sách và làm bài, nay dùng làm phòng học của các lớp đệ thất và đệ tứ (lớp 9). Sân trường rải rác một số tượng đá lớn bằng người thật tạc các quan văn võ đội mũ cánh chuồn mang hia mũi quắn như đang đứng trước sân chầu. Văn phòng trường và phòng giáo sư nằm phía sau dãy đệ thất, và các dãy nhà ngang dành cho đệ lục (lớp 7) và đệ ngũ (lớp 8) chạy dài phía sau dãy đệ tứ.

Lớp đệ thất 4 của tôi ở trong cùng dãy đệ thất và gần văn phòng nhất. Vách ngăn chia các lớp bằng gỗ đóng lưng chừng, chừa khoảng trống rộng bên trên vì trần nhà cong và rất cao, và hở bên dưới cách sàn nhà khoảng hơn một tấc. Tôi ngồi bàn thứ nhì, cạnh thẳng Phúc; nó cao và ốm và lớn hơn tôi chừng hai ba tuổi. Tôi mở lời làm quen,

“*Tau từ bên Nguyễn Tri Phương qua, không quen ai trong lớp ni.*”

“*Mới đầu tau cũng rứa; trước lạ sau quen,*” giọng nói của nó nhỏ nhẹ và từ tốn khiến tôi hết ngại ngùng.

“*Mi học tiểu học chỗ mô?*”

“*Tau ở ngoài làng La Chũ vô Huế học đệ thất,*” nó bẽn lẽn thú nhận. La Chũ, một ngôi làng nhỏ thuộc xã Hương Chũ, huyện Hương Trà, cách Huế không tới mười cây số.

“*Làng mi nổi danh là vùng đất học xưa nay, phải không?*” tôi nhớ lời bác Thang kể.

“*Thời xưa làng tau có tới mười tám cử nhân và tiến sĩ đậu đạt làm việc ở kinh thành,*” nó hãnh diện gật đầu.

Người Huế trọng chuyện học vô cùng; ai đỗ cao, học giỏi cả làng cả huyện đều biết, sung sướng, và tự hào. Giới khoa bảng xứ Huế gắn liền với bốn danh gia vọng tộc, trong đó có họ Hà làng La Chũ, được ca tụng qua câu:

Nhất Thân, nhì Đặng, tam Hà,

Thứ tư mới đến dòng nhà Nguyễn Khoa.

Đặc biệt nhiều người trong họ Thân và họ Hà học hành đỗ đạt ra làm quan và trở thành công thần của triều Nguyễn nên dân gian còn nói:

Thân vô gia, Hà vô dân

(Họ Thân không ở nhà riêng, họ Hà không làm dân).

Không ở nhà riêng như dân thường vì làm quan ở tại công đường – Bộ đường, Tỉnh đường, Phủ đường, hay Huyện đường; không làm dân vì ai nấy đều làm quan. Tôi chợt nhận ra họ “Hà Xuân” của người bạn mới và hỏi,

“Ở Huế mi ở mô”

“Tau ở với chú thím; chú tau làm cai trường trường Bình Minh được cấp nhà ở phía sau trường.” Thì ra nó ở gần nhà tôi, qua khỏi cầu Thanh Long là tới; *cai trường* có nhiệm vụ coi sóc và bảo trì đất đai và nhà cửa trong trường.

“Mi có hay về làng không?”

“Chùng đôi ba tuần hay nghỉ lễ, chú đạp xe đưa tau về thăm mạ. Mai mốt mi về làng tau chơi; gặp mi chắc mạ mừng lắm,” nó mời như đã quen từ lâu.

Vậy là chúng tôi thân nhau. Buổi sáng đi học tôi ghé qua nhà thằng Phúc gọi nó đi học; tan trường hai đứa cùng nhau đi về. Buổi chiều nó xuống nhà tôi cùng học Pháp văn vì nhà tôi có nhiều tự điển như Tự điển Pháp-Việt của Đào Đăng Vỹ, Từ điển Pháp-Việt và Việt-Pháp của Đào Văn Tập, và Tự điển tiếng Pháp Larousse, và Pháp văn của tôi khá vững vàng.

* * *

Trong lớp, mấy đứa học trò lớn tuổi đi học lấy có cho đến khi “thấy đời buồn thiu thì *đăng lính*” chiếm cứ dãy bàn cuối cùng, chuyên môn phá phách, và xem các giáo sư trẻ như không có kí lô nào cả. *Ngó tra dễ sợ* (trông già ghê lắm), thằng Lực và thằng Cử là hai đứa cao to và lớn họng nhất bọn. Thằng Lực đi giày da, mặc quần ống túm, và để tóc dài chải tém bóng loáng, trông như tài tử xi-nê trong phim Mỹ. Thằng Cử nổi tiếng giỏi võ Thiếu Lâm và sẵn sàng thách đấu với bất cứ ai trong trường; võ đài là góc đường Tống Duy Tân từ trường ra (đường Quốc Tử Giám và Tam Tòa cũ) và đường Nguyễn Hiệu (đường Âm Hồn cũ) bên hông Tòa án.

Trong giờ nghỉ, đám anh chị này tùm năm tùm ba kể chuyện trai gái tục tĩu và cười sằng sặc với nhau. Một hôm, thằng Chi học đệ thất 3 bên cạnh lớp tôi đến nhập bọn và phàn nàn,

“Đàn bà con gái mặt chữ điền xấu in mà nõ biết làm đày cho dễ coi.” “*Nõ*” là “không” hay “chẳng,” và “*làm đày*” là trang điểm hay làm dáng.

“Năm ni hấn mấy tuổi?” thằng Cử hỏi.

“Học Sư phạm một năm, ra trường mới dạy năm đầu tiên thì mười chín hai mươi là cùng – bằng tuổi... con em tau!” thằng Lực phá lên cười; Đại học Huế có chương trình Sư phạm một năm đào tạo giáo sư trung học đệ nhất cấp và Sư phạm ba năm đào tạo giáo sư trung học đệ nhị cấp.

“Từng nõ tuổi đầu mà miệng lưỡi cay đắng dễ sợ! Giảng bài lời lẽ chua hơn khế, cay hơn ớt, và khó nuốt hơn *mít đái*,” thằng Chi tiếp tục; *“mít đái”* là trái mít non bằng ngón tay cái, ăn sống thì chát và khó nuốt.

Tôi biết tội nó nói cô Tố Hường dạy bên đệ thất 2 và đệ thất 3. Thăng Lực chỉ mặt thằng Chi,
“Dạy hay hay dở *ăn thua chi tới mi? Mi học hành chi mô mà lo?*”

“*Bữa tề hần làm tàn kêu tau* đứng lên lập lại điều vừa giảng, *tau* cười cười không nói thì bị *xạc* một trận thiếu điều muốn độn thổ mà đi,” thằng Chi nhăn nhó; “*làm tàn*” là lên mặt ta đây là người giỏi mà phách lối với kẻ khác, và “*xạc*” là xài xể hay la mắng.

“Đáng đời *mi*! Ai biểu đem ‘cây si’ trồng vô chậu cứt chó *làm chi?*”

“Đừng *ngạo tau*! *Tụi bây* đứng đó mà *ngó tau* bị nhục.”

“Thằng Lực nói chơi thôi; *mi* để *tụi tau* tính chuyện *nớ*,” thằng Cử hứa hẹn.

Sáng hôm ấy, học Pháp văn hai giờ đầu và được nghỉ hai giờ sau, tôi nán lại giải thích cho thằng Phúc về số nhiều của chữ “*chou*” (nghĩa là cải bắp),

“*Hần* là một trong bảy chữ ngoại lệ tận cùng bằng ‘-ou,’ số nhiều thêm ‘x’ thành ‘*choux*’ *chớ* không phải thêm ‘s’ theo quy tắc thường.”

Ở cuối lớp thằng Lực và thằng Cử cười rúc rích ngoắt chúng tôi đến gần. Phía bên kia bức tường cuối lớp là bảng đen của đệ thất 3. Qua khoảng tường hở dưới sàn nhà, tôi thấy hai ống quần trắng lướt thướt che phủ đôi guốc cao gót – cô Tố Hường đứng dựa vách giảng bài. Thằng Cử đưa tay ra hiệu, và thằng Lực đưa mũi giày qua ấn lên mép ống quần cô, giữ chặt xuống sàn, và chờ đợi. Đột nhiên, tôi nghe tiếng la “*Ui cha!*” thật to, và cả lớp đệ thất 3 cười ồ – cô vô tình bước tới, ống quần bị giữ lại, và chiếc quần lưng dây thun bị kéo tụt ra đằng sau. Hai thằng đầu nêu vừa cười hô hố vừa hô to,

“Chạy mau *tụi bây* ơi...”

Vương vù chiếc cặp da lớn dựng sách vở tôi chạy không kịp và còn cười nghiêng ngã khi thầy Kiến trên văn phòng xuất hiện. Thầy giận dữ túm ngay lấy tôi,

“Phải *mi* không?”

“Dạ... dạ...” tôi không biết trả lời sao cho đúng vì tuy không trực tiếp tham gia tôi đã đứng nhìn và cười đồng lõa.

“Con nít ranh mới nứt mắt...”

“Con... con...” tôi run lập cập.

“Học trò mất dạy! Lên văn phòng *tau* trị cho *mi* biết tay,” thầy xách tai tôi kéo đi xềnh xệch.

Trong khi thầy vào phòng hiệu trưởng báo cáo tội trạng của tôi, tôi hoàn hồn sắp xếp trong đầu chuyện xảy để kêu oan. Nhưng tôi không có cơ hội biện bạch; thầy trở ra, biểu tôi đứng dậy, và gần giọng,

“Tội *mi* rành rành ra đó, nhưng thầy hiệu trưởng thương *mi* nhỏ dại không nỡ đưa ra Hội đồng Kỷ luật đuổi học. *Chừ* đi về, mai *tau* vô lớp trị *mi*.”

Hôm sau, thầy vào lớp với cây roi mây dài. Trước mặt toàn thể học sinh, thầy ra lệnh cho tôi nằm sấp trên bục gỗ dưới bảng đen và đánh ba roi về tội “vô lễ với giáo sư.” Tuy mông đau ê ẩm, tôi mừng vì không bị đuổi học và nhất là mẹ không hay biết. Phạt, đánh đòn, hay chửi mắng – làm gì cũng được – tôi chịu hết, miễn đừng cho mẹ biết mẹ buồn!

Một tuần sau, tôi đánh bi với thằng Phúc trong sân trường thì hai thằng quỷ sứ lại gần. Đưa tặng tôi một bao bi đủ màu, thằng Lực cười cười vỗ vai tôi,

“Thằng ni ngó bộ *rim rím* mà một *vịm troi* (thằng này trông tằm ngấm tằm ngấm mà đấm chết voi!)” Nghĩa đen “*rim rím*” là “riu riu” như khi kho nấu với ngọn lửa thật nhỏ, “*vịm*” là đồ đựng bằng sành hay đất nung có đáy cạn hơn cái chậu, và “*troi*” là con giòi.

“Phải công nhận *mi* là trang hảo hán; *tau phục cả toi cả nón*,” thằng Cử xun xoe khen ngợi.

“Bi của *mi tau* lấy *mần chi*?” tôi trả bao bi lại cho thằng Lực.

“Cầm đi, kể như *tau* đền ơn. Nghe nói *mi* bị *cha Kiến đần* (đánh) cho một trận và dọa đuổi học mà không hé răng khai *tui tau* ra.”

Thằng Phúc xen vào cho tôi... đi máy bay giấy như thường lệ,

“*Mi* không biết *thằng Ba Hoa* à? Ông Pháp văn *ác vô hậu* (dữ vô cùng) mà *hắn* coi như *pha*, *huống chi chuyện ba láp nó!*”

“Biết bọn *tau mần* mà không muốn đụng vô ổ rắn hổ nên chụp được *mi* là *cha nó sượng bất chết*, đề ra phạt cho vừa lòng *mụ o*,” thằng Lực nói thêm; “*sượng bất chết*” là khoái chí hay thích lắm.

“*Tau* mà bị thộp cổ và đuổi học thì sẽ ca bài ‘lên đường nhập ngũ tòng quân,’ *ăn thua chi!*” thằng Cử cười toe.

Tôi hiểu ra: tôi bị phạt oan mà... không oan tí nào vì thầy biết thủ phạm nhưng không truy cứu mà dùng tôi, một thằng bé mười tuổi mở miệng không ra, làm bung xung giờ đầu chịu báng. Ôi, thế giới người lớn sao mà phức tạp và phiền toái lạ lùng! Lạy Trời cho con không bao giờ thành người lớn...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 15 tháng Tư, 2015

Thằng Bạn Khác Phái

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa thu 1959 tôi học đệ lục (lớp 7) trường Hàm Nghi. Chú Phu đã nhập ngũ vào học Liên trường Võ khoa Thủ Đức trong Sài Gòn nên mẹ mời anh Tân về ở trong nhà dạy kèm cho anh em tôi. Anh là con bác Tống, người cùng làng và bạn thân của cậu Há; nhà ở Đà Nẵng, anh ra Huế học Đại học Sư phạm ba năm để thành giáo sư trung học đệ nhị cấp – đệ tam (lớp 10) đến đệ nhất (lớp 12). Khác với chú Phu, anh Tân hiền và ít nói, ít khi la mắng mà hay khen ngợi và khuyến khích chúng tôi.

Trong lớp tôi ngồi bàn thứ hai bên cạnh thằng Miên, một người bạn mới. Thằng Phúc bạn thân năm trước cao hơn nên ngồi ở bàn thứ ba. Thằng Miên người tròn trịa, nước da trắng, giọng nói trong và cao như con gái, và đặc biệt có chiếc mũi rất lớn, nhô hẳn ra đằng sau nên bị lũ bạn gọi đùa là “Miên Doi.” Nhà thằng Miên nằm giữa cửa Mang Cá gần nhà tôi và Bao Vinh là nơi sông Đông Ba (thường gọi là sông Đào) đổ ra sông Hương trở lại. Vì vậy ba thằng đi học về cùng đường: thằng Miên ở xa nhất rồi đến tôi và gần hơn là thằng Phúc, nó ở trọ nhà chú thím sau trường Bình Minh dưới chân cầu Thanh Long.

Trong các môn học, tôi sợ nhất là giờ Quốc văn vị giáo sư giảng dạy có tiếng là... Hán rộng nhất trường. Không phải vì thầy khó hay học khó mà vì giờ của thầy rất buồn ngủ. Trạc độ bốn mươi, dáng người tầm thước, và giảng bài nhát gừng, thầy thường ngồi trên bàn đọc những bài quốc văn có sẵn trong sách cho học trò chép và chỉ đứng dậy khi trống trường báo hiệu hết giờ hay để viết lên bảng một câu đối chữ Hán thật to, thí dụ như

Vũ vô kiểm tỏa năng lưu khách

Sắc bất ba đào dị nịch nhân

(Mưa không có then khóa mà có thể giữ được khách

Sắc đẹp phụ nữ không có sóng mà dễ nhận chìm người).

Thầy biểu chép lại các câu đối đó và về nhà tập viết cho thuộc lòng để tuần sau trả bài. Nhưng khi kê trả bài, thay vì gọi tên học sinh trong sổ điểm danh, thầy cho phép tình nguyện lên bảng viết đúng hết sẽ được hai mươi điểm (20/20), tức là điểm số tối đa.

Cũng như các bạn trong lớp, tôi thích học với cô Ngân Tiên nhất vì cô dạy hấp dẫn và dễ hiểu. Tốt nghiệp Đại học Sư phạm một năm, chương trình đào tạo giáo sư trung học đệ nhất cấp – đệ thất (lớp 6) đến đệ tứ (lớp 9), và mới dạy năm đầu tiên nên cô còn rất trẻ với mái tóc cắt ngắn, dáng điệu nhí nhảnh, nói năng cởi mở, và không giữ kẽ như thường thấy ở các cô gái Huế. Trông giống như cô nữ sinh trung học trong phim xi-nê ngoại quốc, cô là đối tượng mơ ước của đám học trò lớn tuổi ngồi ở dãy bàn cuối lớp đi học lấy có chờ ngày *đăng lính*, chuyên môn phá phách, và không nề vì các giáo sư trẻ. Có lẽ biết điều này nên cô thường khoe,

“Thầy hiệu trưởng là bạn thân của ông anh cả tôi nên thầy thương tôi như em.” Ông hiệu trưởng có tiếng dữ đòn nên học trò đưa nào cũng ngán và nhờ đó cô bớt bị chọc ghẹo.

Trước đây tôi đã nghe anh Tân và các bạn bàn tán rất nhiều về cô sinh viên tóc ngắn “*mi ngon*” nhất Đại học Huế ấy. “*Mi ngon*” do tiếng Pháp *mignonne* là nhỏ nhắn dễ thương. Nhiều nam sinh viên, trong đó có lẽ có cả anh Tân, đã trở tài “*cu*” nhưng không anh nào “*dính*,” và chưa ai lọt vào mắt xanh của nàng. Anh Tân hay kể lại dáng điệu, cách phục sức, lối trang điểm, và lối nói chuyện của cô nên tôi có cảm tưởng đã quen biết cô từ lâu.

* * *

Đối với tôi, thằng Miên rất thảo ăn và rộng rãi. Ở nhà *mạ* nó có quà bánh hay trái cây ngon, nó để dành và đi học mang theo cho tôi. Có được cuốn truyện hay sách học mới, nó đưa cho tôi dùng trước. Khi tôi hỏi mượn hay xin bất cứ món gì, nó đưa cho tôi mà không hề ngần ngại. Bình thường nó ân cần hỏi han tôi và chăm chú đến những chi tiết nhỏ nhất, nhưng đôi khi vui buồn bất chợt: có khi suốt đoạn đường đi học về trầm ngâm không nói một lời, có khi huyền thuyên *nói như sanh như sứa* (nói nhiều và dai). Thỉnh thoảng nó lại giận dỗi vì những duyên cớ không đâu.

Khi giận tôi, nó không thèm nói chuyện mà vào lớp khởi hấn cuộc “*khẩu chiến*” bằng cách công khai kêu tên cha – “*Thông*” – qua những câu hỏi nêu lên cho thầy trả lời. Thí dụ, nhân thầy Quốc văn cho học bài “*Thông Reo*,” một đoạn văn của Xuân Diệu, cho rằng

Thông reo không cần tới gió, mà gió thổi là nhờ thông reo,

thằng Miên nắm lấy cơ hội giờ tay hỏi,

“*Thưa thầy, cây thông *nó* là loại thông *chi*? Thông trồng chỗ *mô* mà *răng* thông reo không cần tới gió?*” Mỗi lần nói tiếng “*thông*,” nó liếc mắt nhìn tôi với nụ cười đắc thắng.

Để phản công, đợi đến giờ Sử ký thầy dạy về đời nhà Lý đạo Phật phát triển đến hồi cực thịnh, tôi giờ tay lên,

“*Thưa thầy, có phải Lý Thái Tổ lúc nhỏ đi tu trong chùa, đời nhà Lý các vị vua khuyến khích dân chúng xây dựng chùa chiền và tuyển mộ các thầy tu, và các thầy tu được đặc biệt trọng đãi? Thời xưa có phải như *chừ* thanh niên đi tu để khỏi đi lính?*” tôi nhìn thằng Miên nhấn mạnh từng tiếng “*tu*” – ba nó tên “*Tu*.”

Một buổi chiều ngoài giờ học, thằng Miên rủ tôi đi coi đá banh trường nhà đấu với trường Nguyễn Tri Phương. Trận đấu diễn ra trên bãi cỏ rộng ở trước trường dùng làm sân vận động cho học sinh. Sau trận đấu bóng, hai thằng chơi trò rượt bắt; tôi chạy nhanh, nó lại chạy nhanh hơn và bắt được tôi. Nắm hai tay tôi giăng ngang ra, đè tôi nằm ngửa trên cỏ, và ghì chặt tay và thân hình tôi xuống, nó ghé miệng trún nước miếng vào miệng tôi và cười rúc rích ra điều thích thú. Tôi lấy hết sức vùng ra, đập mạnh vào bụng nó, lấy tay quẹt miệng, và nhổ nước miếng xuống đất,

“*Tổ cha thằng ‘Tu Doi’ mất dạy! Đờ *nhơ nhóp*, không thềm chơi với đờ chó như *mi* nữa!*”

Nước mắt lưng tròng, thằng Miên quay mặt bỏ đi. Hôm sau, giờ Toán của cô Ngân Tiên, chúng tôi còn giận nhau. Không nhìn nó, tôi lặng lẽ gấp giấy làm “*máy chiếu phim*,” một “*phát minh*” tôi nghĩ ra nhân đọc lén sách học của anh Tân về nguyên tắc phim xi-nê: Chiếu lên màn ảnh

một chuỗi ảnh chụp riêng rẽ của một vật trong một thời gian ngắn sẽ tạo nên ảo tượng thị giác khiến khán giả thấy vật đó chuyển động liên tục. Ngoài ra, thầy Vạn vật nói trẻ sơ sinh “thở bằng bụng,” nghĩa là bụng em bé phồng ra thóp vào khi phổi thở, trong khi người lớn “thở bằng ngực,” tức là lồng ngực di chuyển.

Tôi lấy một dải giấy trắng bề ngang chừng năm phân, bề dài khoảng hai tấc, và xếp đôi lại thành hai tờ liền nhau – trước và sau. Trên mỗi tờ, tôi vẽ phác hình nhìn nghiêng của một phụ nữ khóa thân (với mái tóc dài và ngực nhọn); hai cái hình y hệt nhau ngoại trừ trong tờ trước phần bụng thóp vào và trong tờ sau phần bụng phình ra. Giữ cho tờ sau phẳng trên bàn, tôi dùng cán bút miết lên tờ trước nhiều lần đến khi tờ này cuộn tròn lại như một cái ống – chiếc “máy” của tôi sẵn sàng để dùng. Khi chơi tôi dùng cán bút gạt nhanh cho tờ trước gần phẳng với tờ sau rồi lúi lại để nó cuộn tròn như cũ; gạt lui gạt tới như thế thật nhanh sẽ khiến người xem thấy bụng người đàn bà di chuyển ra vào liên tục. Cuối cùng, tôi đặt tựa đề cho “cuốn phim” và ghi vào phần dưới tờ sau bằng mực đỏ: “Cô Ngân Tiên Thở Bụng.”

Buổi “chiếu phim” của tôi không kéo dài được lâu vì thằng Miên nảy giờ tức tối giật lấy món đồ chơi đem lên trình với cô. Chỉ cần thấy tựa “cuốn phim” là cô giận tái mặt; không thèm nói năng, cô đứng dậy nguýt dài một cái rồi ngoe nguẩy đi ra cửa – cầm cái “máy” lên văn phòng hiệu trưởng. Cả lớp nhốn nháo bàn tán ồn ào đến hết giờ mà không thấy cô trở lại.

Sáng hôm sau, trong giờ Quốc văn, ông hiệu trưởng cầm roi mây xuất hiện với cô Ngân Tiên đứng sau lưng. Không chất vấn kẻ phạm tội hay công bố tội danh phạm phải, ông nghiêm nghị ra lệnh cho tôi nằm sấp trên bục bảng đen, đánh ba roi vào mông, rồi biểu đứng dậy và gằn giọng,

“Về nói với phụ huynh lên xin lỗi cô Ngân Tiên rồi mới cho học.”

Tối hôm ấy, tôi kể mọi chuyện với anh Tân, nhờ anh đi xin lỗi cô Ngân Tiên, và năn nỉ đừng cho mẹ biết. Anh gật gù,

“*Không răng mô! Con nớ ngoài miệng đả đót ổng ẹo rứa chớ trong bụng hấn hiền và tốt vô số. Không chừng khi biết chuyện ‘máy chiếu phim,’ hấn phục cả tơi cả nón mà cho mi vài con hai chực (điểm) đó.*” “Tốt vô số” là “tốt ghê lắm” hay “tốt không thể tưởng.”

* * *

Tuần sau, trong giờ nghỉ, thằng Lực và thằng Cử – hai thằng cao to và lớn họng nhất đám phá phách ngồi ở cuối lớp – kêu tôi ra nói chuyện. Năm ngoái, sau lần tôi lãnh án oan về vụ phá cô Tố Hường mà chính chúng là thủ phạm, hai đứa này hết lòng cảm phục tôi. Thằng Cử, giỏi võ Thiếu Lâm và “một cây” nói tục, xun xoe như thường lệ,

“Tụi *tau* phải tôn *mi* làm đạ ca mới đúng. Con nớ thần thế như *rứa* mà *mi* coi như *pha*. Ngồi trên ổ kiến lửa mà không sợ phỏng dái!”

“*Tau* vẽ hình chơi mà cô hiểu lầm... *Có chi mô!*” tôi biết nó sẽ không tin.

“Chỗ anh em *tau* nói *mi* nghe... Thiếu chi người mà *mi* chơi với thằng lại cái phản bạn *nớ*,” thằng Lực hạ thấp giọng.

“*Mi* nói ai?”

“*Cô Miên ngủ một mình — còn ai trông khoai đất này?*” nó không nói tên mà trả lời bằng vẻ đối thầy Quốc văn dạy, theo đó “*cô Miên*” có thể là cô gái tên Miên hay là danh từ Hán-Việt “*cô miên*” có nghĩa là “*ngủ một mình.*” Thầy nói chưa ai đối được cho hoàn toàn chính.

Thằng Miên là “*con gái*” thật sao? Nhớ lại tuần trước nó đè tôi nằm trên bãi cỏ và cố... (*à phải rồi*) hôn lên môi tôi, và vì phản kháng mạnh mẽ khiến nó nổi cơn giận hờn mà tôi bị ăn... lươn mây của ông hiệu trưởng. Nhưng dù gì đi nữa, nó là bạn tôi. Và một khi đã kết bạn với nhau, tình bằng hữu tồn tục suốt đời. Lợi dụng cái danh “*anh hùng*” hảo được gán cho, tôi chỉ mặt hai thằng kia ra oai,

“*Nói cho tụi bây biết, thằng Miên là bạn tau. Đưa mô xú xớ nói chuyện tò le phao tin ba lớp sẽ biết tay tau.*” Tiếng Huế “*tò le*” (tiếng kèn thổi) là ngòi lê đôi mách, ưa nói đi nói lại chuyện của người này sang người khác.

Tôi và thằng Miên tiếp tục là hai thằng bạn thân trong nhiều năm... Cho đến khi vì chiến cuộc chúng tôi mất liên lạc với nhau, nó vẫn độc thân và chưa hề có bồ.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Năm, 2015

Như Một Cặp Vần

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong bốn năm trung học đệ nhất cấp ở trường Hàm Nghi của tôi, đệ ngũ (lớp 8) là năm học thoải mái nhất. Sau hai năm đệ thất (lớp 6) và đệ lục (lớp 7), tôi đã quen với trường, với thầy, với bạn, và với đời học sinh trung học. Học trò đệ ngũ được coi là lớp lớn nên giáo sư và giám thị nể trọng hơn, mà cuối năm không phải năm thi (lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp) như đệ tứ (lớp 10) nên tha hồ *ăn chơi*. “Đệ ngũ” nói lái thành một tiếng khá tục tĩu vì “*đi nghề*” tiếng Huế là đi ngấm phụ nữ, và khi nghe nói “học đệ ngũ” học trò Huế thường mỉm cười liên tưởng tới... chuyện khác.

Hai bên đường Tống Duy Tân trước trường, trước là đường Quốc Tử Giám, trồng toàn mù u, một loại cây to có lá dài hoa trắng và trái tròn to gần bằng quả bóng bàn với vỏ cứng mà mỏng. Lần nào đi trên đường này tôi cũng ngậm ngùi nhớ chuyện xưa kể rằng, khi dự trù kế hoạch đánh quân Pháp tại kinh đô năm Ất Sửu (1885), các quan ta nhận thấy lính Pháp lúc nào cũng mang *ghệt* (tiếng Pháp là *guêtres*) bọc đầu gối, cho là “Tây không có đầu gối,” và nghĩ kế rải trái mù u giữa đường cho chúng té ngã; khi đó ta tha hồ xông ra chém giết. Ôi thôi, phe ta đã làm to!

Học trò Hàm Nghi tự hào về nét trữ tình đặc biệt của hàng cây phượng vĩ hoa đỏ rực đầy trời mỗi khi hè về ở hai bên đường Đoàn thị Điểm bên hông phải của trường. Con đường ấy, trước là đường Hiến Nhơn vì chạy qua trước cửa Hiến Nhơn phía đông Đại Nội, sau này được một nhạc sĩ gọi là “*đường phượng bay*” mà không lối vào, hàng cây *thắm xanh gần với nhau*.

Nam sinh trường công đi học mặc đồng phục quần xanh đậm áo trắng mà học trò nhỏ tuổi như tôi thường hãnh diện, nhưng mấy đứa lớn hay hổ thẹn vì bị ép vào khuôn khổ và sợ con gái chê là *cù lằn* nên thỉnh thoảng phá rào mặc màu khác rồi bị thầy tổng giám thị đuổi về nhà. Năm nay bỗng có lệnh ngày thứ Hai chào cờ học sinh phải mặc quần trắng áo trắng. Thành Phúc, nhà ở làng La Chử lên Huế ở trọ học nhà chú thím, phải về quê để,

“Nói *mạ tau* bán thúng thóc giống lấy tiền may đồng phục trắng...” Hai năm nay, ngoại trừ tiền mua sách vở để học, tôi chưa hề thấy nó tiêu một đồng bạc nào.

Từ đó chúng tôi phải mặc đồ trắng trong mọi lễ lạt, chẳng hạn như đi dự *mít-tinh*, tức là các cuộc biểu tình ở Phú Văn Lâu trong đó các viên chức trên khán đài thi nhau đọc diễn văn, các đoàn thể xếp hàng phô trương biểu ngữ đằng trước, và lũ học trò nhỏ đứng ngay ngắn đằng sau không ai để ý tới. Hai cuộc *mít tinh* lớn nhất là lễ Song Thất, tức là ngày bảy tháng Bảy, ngày Cụ Ngô về nước chấp chánh; và lễ Quốc Khánh vào ngày 26 tháng Mười, ngày khai sinh nền Cộng hòa.

Nhưng giáo sư hướng dẫn mỗi lớp điểm danh và kiểm soát học sinh kỹ lưỡng nhất khi đi đón Cụ vào ngày mồng bốn tháng Giêng Dương lịch hàng năm; gần Tết trời mùa đông Huế mưa phùn và gió lạnh. Ngày mồng ba Cụ ăn sinh nhật của mình ở Sài Gòn, mồng bốn bay ra Huế thăm Cụ

Cố (bà mẹ), và mừng năm mừng sinh nhật của bà. Học trò Hàm Nghi tập họp ở trường lúc tám giờ sáng, đi hàng một ra Cửa Thượng Tứ, qua cầu Trường Tiền, và tới địa điểm chỉ định là góc đường Tự Đức chạy qua cầu Trường Tiền và đường Lê Thái Tổ dọc theo bờ sông Hương; đó là một trong những nơi xe Cụ sẽ đi qua từ phi trường Phú Bài về Phú Cam là nơi Cụ Cố ở.

Đứng ở hai bên đường, chúng tôi được phát cây cờ bằng giấy cầm tay và... chờ đợi. Đợi hoài đợi mãi đợi đến hai giờ chiều mà chưa thấy Cụ ra. Mẹ nói tôi *xấu máu đói*, nghĩa là khi đói bụng sinh ra cáu kỉnh, gắt gỏng, và nói năng *ấu tả*, nên hay trêu,
*Học trò đi học đã về,
Cơm canh chưa chín đã trề mui ra.*

Trong lòng tức tối nhưng tôi chỉ dám *càm ràm* với thằng Phúc và thằng Miên,
“*Họ đi thăm mẹ, việc chi tới mình mà phải đón rước, hành con người ta lạnh *cắm* (cẩn) rắng và đói meo như rí?*”

“*Mi đừng nói *rứa không nên*. Cự lãnh đạo quốc gia, dẫn dắt dân tộc...*” thằng Phúc kéo tay tôi can ngăn; người Huế nói “*không nên*” để chỉ lời lẽ hay hành động xúc phạm tới thần thánh hay kẻ khuất mặt khuất mày.

“*Nói như con *khệt* người ta! Mừng sinh nhật mẹ họ thì *can chi* tới việc lãnh đạo quốc gia?*”

“*Thôi... thôi... Cự tới rồi tề! Phất cờ mau mau rồi về...*” thằng Miên thúc dục.

Cuộc “*đón rước*” kéo dài không tới một phút. Đoàn xe *mô-tô* cảnh sát mặc đồ trắng, đội *kết* trắng, và mang găng trắng dài tới khuỷu tay hộ tống hai chiếc xe màu đen bịt bùng chạy vút qua như không biết có mấy ngàn học sinh đứng phất cờ hoan hô nhiệt liệt.

Tối hôm đó, tôi lên cơn sốt; mẹ lo lắng biểu anh Quang mời cậu Há đến thăm bệnh. Năm nay anh học đệ tam (lớp 10) trường Bán Công gần Ty Bưu Điện. Cậu sờ trán tôi,

“*Không rắng mô! Chỉ ấm đầu, uống Tiêu Ban Lộ là mai hết *đau* (bệnh).*”

“*Rằng con phải dầm mưa đi đón Cự Ngô mà anh Quang không đi?*” tôi ấm ức hỏi cậu.

“*Tau nghe nói những chuyện bợ đỡ điếu đóm *nớ* là do thằng cha Hay trên Nha Học Chánh bày ra.*”

“*Nha Học Chánh của chính phủ chỉ có quyền đối với các trường công, *chớ* trường tư như Bán Công của *tau* hay Bình Minh và Bồ Đề dù nhận được thông tư yêu cầu mà không thi hành thì Nha đành chịu *lếp* mà thôi,*” anh Quang cười đắc chí; *hèn chi* anh không phải mặc đủ thứ đồng phục như tôi.

Cậu Há nói thêm,

“*Hắn ngày trước học Khải Định sau *tau* hai lớp, học giỏi nhưng hữu tài vô hạnh, chuyên nịnh bợ giáo sư người Pháp, gièm siểm anh em bạn học, và do thám và báo cáo với mật thám Tây. Sau được học bổng qua Pháp du học, *hắn* về Huế *mần to* (làm lớn) oai quyền bao trùm Trung nguyên Trung phần nhờ thói nịnh nọt cấp trên và áp bức kẻ dưới.*”

“*Ông *nớ* được tài ra oai tác quái với học trò, ra đường thấy họ làm *chi* không ưng ý là dừng xe chặn lại bạt tai liền. Có ngày gặp con sẽ biết tay!*” anh Quang hậm hực.

Vài tuần sau, học trò Huế được lệnh mỗi chiều thứ Năm tập trung ở sân vận động Tự Do để tập thể thao với quần dài trắng, áo *may-ô* trắng hở nách, và giày *ba-ta* trắng. Thăng Phúc lại phải về làng,

“Nói *mạ tau* bán bớt con heo...”

Chúng tôi tập đi diễn hành, chân bước rập khuôn đều nhau, ngay hàng thẳng lối; vừa đi vừa hát bài “Khỏe Vì Nước,”

Khỏe vì nước kiến thiết quốc gia

Đoàn thanh niên ta góp tài ba

Tạo nguồn dân sinh mới

Hùng mạnh trong nam giới

Hợp lực xây hưng thịnh chung nước Nam...

Trong phần thể dục thao diễn, chúng tôi nằm trên cỏ thành hàng thẳng tắp rồi đồng loạt đưa tay đưa chân lên cao. Ông Hay ngồi trên khán đài quan sát cùng với các vị hiệu trưởng, cầm loa phát thanh đốc thúc, và thường kết thúc bằng lời mắng,

“Học sinh là rường cột quốc gia *chi* mà như các anh! Có mấy động tác thể dục căn bản mà tuần *ni* qua tuần *tê*, tập *hoài* không ra trò trống *chi* hết!”

Về trường có đũa thối mắc hỏi tập để làm gì thì được trả lời Nha dự định trình diễn trong dịp lễ phát phần thưởng cuối năm cho học sinh toàn tỉnh Thừa Thiên; có tin đồn Cụ sẽ ra chủ tọa. Chúng tôi tập được năm tuần thì được lệnh ngưng, và không ai nhắc tới chuyện tập thể thao ấy nữa. *Báo hại mạ* thăng Phúc mất toi con heo!

* * *

Hàng xóm sát vách bên phải nhà tôi là gia đình bác Luân làm công chức với sáu người con; hai cô con gái đầu là Bội Ngọc học đệ tứ (lớp 9) và Bội Hằng học đệ lục Đồng Khánh, còn lại là con trai còn nhỏ. Chị Bội Ngọc dáng người cao, da trắng, hơi đầy đà; mẹ nói,

“Con *nớ* mặt mà *phúc hậu*; ai có phước mới lấy được *hắn*.”

“Có phước vì khỏi mua giường nệm Hồng Kông,” anh Quang cười chúm chím; ý anh chê chị mập và thân hình như tấm nệm êm.

Chị Bội Ngọc học giỏi, luôn luôn đứng đầu lớp. Không đứng đầu lớp sao được: mỗi ngày thức dậy lúc ba giờ rưỡi sáng để học bài, chị đọc nghe rang rang tôi nằm ngủ bên này nghe chị học bài mà còn thuộc lòng, hướng chỉ là chị. Buổi sáng anh Quang đợi hai chị em lấy xe đạp ra khỏi nhà rồi mới đạp xe lẻo đẹo theo sau đến trường Đồng Khánh; hai cô vào trường anh mới quành xe ngược đường Lê Thái Tổ về trường Bán Công. Trưa bãi trường anh ra sớm vòng lên trường Đồng Khánh đợi và theo hai cô về nhà.

Tôi không hiểu tại sao anh lại theo đuôi chị Bội Ngọc như kẻ “trồng cây si” không được đáp lại; anh sang nhà chị lúc nào mà chẳng được. Tôi nghe bác Luân gái nói với mẹ,

“Con lớn nhà *tui*, thăng Quang chị ừ một tiếng là *tui* cho liền.”

“*Hắn* lớn hơn thăng của *tui* hai tuổi; nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một; tốt lắm đó!”

“Rứa chị tính tới đi, tui không đòi hỏi chị mô.”

“Hai đứa có tình ý với nhau lâu ni, nhưng mình cứ *rững rãi* đợi vài năm nữa cho tụi *hắn* học hành tới nơi tới chốn đã.”

Tôi đem điều thắc mắc hỏi anh Quang. Anh háy một cái thật dài, nhìn tôi với đôi mắt thương hại,

“Mi còn nhỏ, *nõ* biết chuyện yêu đương của người lớn mô. Mai mốt lớn lên đọc thơ tình Xuân Diệu *mi* mới hiểu được hình ảnh người học trò lững thững đi sau một thiếu nữ trên con đường tới trường hàng ngày đi về:

*Em bước điềm nhiên không vương chân,
Anh đi lững thững chẳng theo gần,
Vô tâm nhưng giữa bài thơ dịu,
Anh với em như một cặp vần.”*

(*Thơ Duyên - 1940*)

“Anh theo ve chị Bội Ngọc thì nói *toẹt* ra cho rồi, bày đặt thơ với thẩn!” tôi ngắt lời; “*ve*” là làm quen và tán tỉnh đàn bà con gái.

“Nói chuyện tình yêu với thằng *cù lần* như *mi* thì thà nói với đầu gối sướng hơn. *Tau* đạp xe theo Bội Ngọc để được gần *Em* thêm và để hai con tim hòa điệu *như một cặp vần*.”

Gần cuối năm học, học sinh Huế có thêm chỉ thị mới: khi ra đường, dù đi học hay đi chơi, phải mang “huy hiệu” – đúng ra là bảng tên cá nhân – thêu bằng chỉ màu xanh đậm may vào túi áo. Hàng đầu huy hiệu là tên họ học sinh, và hàng thứ hai ghi chữ viết tắt của “hiệu đoàn,” tức là tên trường, như “HN” (Hàm Nghi), NTP (Nguyễn Tri Phương), hay QH (Quốc Học). Hai bên chữ tắt của hiệu đoàn là các vạch ngang chỉ lớp học: một vạch là đệ thất, hai vạch là đệ lục, v.v.

Lần này thằng Phúc không về làng mà cầu cứu với tôi; tôi nhờ chị Bội Ngọc thêu giùm huy hiệu của cả hai đứa. Nghe chúng tôi than van bị đày đọa làm chuyện *tào lao*, anh Quang tùm tùm cười một mình. Tôi gạ hỏi anh mới tiết lộ,

“Hai tuần trước, theo sau chị em Bội Ngọc và lo *ngó* phía trước, *tau* đạp xe nghênh ngang giữa đường mà không nghe tiếng còi xe hơi inh ỏi sau lưng.”

“Chết cha! Anh *mần rãng*?”

“Chiếc xe *nớ* lách qua bên trái và chặn *tau* lại. Thằng *cha* Hay trên xe bước xuống, tùm tùm áo *tau* tát liền mấy bạt tai đau điếng.”

Không dè ông gặp phải anh Quang, một kẻ cứng đầu cứng cổ,

“Đừng *ỷ thế* đi xe chính phủ mà *làm trời*, giữa đường *đập* ai thì *đập*!”

“Học trò mất dạy! Biết *tau* là ai không?” ông giơ tay toan đánh nữa, nhưng anh kịp lùi lại.

“Ai mà không biết cái mặt *mo nớ* chuyên môn bợ dít người trên, dè ép kẻ dưới, và cầm c... cho Cụ Ngô đá!” Mắng xong anh quay xe đạp phóng ngược lên Bến Ngự, lách vô *đường kiệt* (ngõ hẻm), và trốn biệt trong nhà di Loan; di là bạn của mẹ thuở còn con gái.

Ba hôm sau tôi sang nhà chị Bội Ngọc lấy huy hiệu. Thấy cánh tay phải của chị bị trầy từ cổ tay đến khuỷu tay, tôi hỏi,

“Chị bị *tông* xe khi *mô rúa*?”

“Mình đi xe bị *bổ* (té hay ngã), nhưng *Ba Hoa* đừng nói với ai *nghen*.”

“Có phải chị *bổ* bữa anh Quang chạy trốn ông Hay không?”

“*Rúa Ba Hoa* biết chuyện rồi; anh to gan lớn mật *để sợ*! Mình phục và thương anh quá chừng,” chị rưng rưng nước mắt.

“Nhưng *răng* chị bị thương?”

“Khi anh cầm đầu cầm cổ đạp xe bỏ chạy, ông *nở* giận run hô tài xế quành xe đuổi theo. Sợ anh chạy không thoát, mình làm liều *bổ* xuống trước đầu xe nằm rên rỉ. Thấy mình bị thương bác tài xế ngừng lại, không dám chạy tiếp. Mình chờ tới khi không còn *chộ* (thấy) anh nữa mới *giả* ðò gượng đứng dậy...”

Như thế, anh tôi và chị mới đúng là *như một cặp vằn*! Nếu chị không nhanh trí và can đảm, không chừng anh đã bị ông Hay tóm được. Nếu vậy, có lẽ Nha Học Chánh đã không ra thông tư bắt học sinh mang huy hiệu để nhận diện. Nhưng họ không ngờ anh tôi học trường Bán Công – dù cho cuộc đụng độ tương tự tái diễn thì có bắt học trò trường công mang huy hiệu cũng như không mà thôi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 17 tháng Sáu, 2015

Thằng Lâu Bẻ Nhãn Lồng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Năm nay tôi học đệ tứ (lớp 9), năm cuối cùng ở trường Hàm Nghi, và cuối năm thi lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp, thường nói là “thi Trung Học.” Phúc là thằng bạn thân nhất và cũng ở gần nhất (nó ở trọ nhà chú thím sau trường Bình Minh) nên tôi thường đến chơi với nó. Thím thằng Phúc trạc tuổi mẹ, vui vẻ và hoạt bát, và lúc nào cũng dành thì giờ hỏi han và trò chuyện với tôi. Nhờ vậy, tôi dần dần thấy tự tin hơn và biết... ba hoa về những điều đã đọc và hiểu biết; thím nhận ra điều này,

“Thằng *ni* ở nhà bị anh ăn hiếp cho cố, hết mở miệng nổi; *chừ* ra ngoài *xả ga* nói như *quạ quạ bẻ bắp!*” “*Nói như quạ quạ bẻ bắp*” là nói nhanh và ồn ào.

“Con nói có sách mách có chứng, *chớ có phách tấu lá lay mô!*” tôi ngượng, rán chống chế.

“Thím nói *mi* như *chim sổ lồng cóc mở miệng*, hết còn *lút lít lựt lựt như đũa có tịt*. Là chuyện tốt, có *chi* mà *ốc dộc* (mắc cỡ)?” thím cười to.

“*Hắn khun nhà dai chợ!* Ở đây và trên đường đi học thì *nói như sanh như sứa* mà vô lớp thì *câm như hến*,” thằng Phúc xen vào; “*nói như sanh như sứa*” là nói nhiều và nói dai.

Tôi cũng thấy mình dạn dĩ hơn; thỉnh thoảng theo anh Quang sang nhà bác Luân hàng xóm chơi tôi không còn ngồi khoanh tay đợi chị Bội Ngọc gọi chuyện mới nói. Năm nay anh Quang học đệ nhị (lớp 11) trường Bán Công, và mối tình của anh và cô nữ sinh đệ tam (lớp 10) Đồng Khánh này ai nấy đều hay. Cô em Bội Hằng cũng học Đồng Khánh mà kém tôi một lớp – đệ ngũ (lớp 8). Thường đọc lén mấy tập thơ Xuân Diệu của anh Quang, tôi trở tài ví von nói chuyện thi cử,

*“Hết nợ thi rồi, đến nợ thi,
Than ôi khổ quá học làm gì!
Những chồng sách nặng khô như đá.”*

(Giới Thiệu – 1938)

Anh Quang phá lên cười,

“*Ai từng đời* thằng *cù lần* cũng biết *ba hoa xích đế*. Đầu hôm tới sáng thấy *mi* nằm đọc truyện xong là ngủ khì...”

“*Tui* học hết bài thì đọc truyện; ai nói *tui* không học thi? Không lý mỗi khi học bài xong *tui* phải trình với anh à?” bị “*quê*” tôi gân cổ cãi.

“Thì đừng làm bộ than khổ! Hay *mi* chỉ kiếm chuyện *lấy le* với o Bội Hằng?” anh cười to hơn; “*lấy le*” do tiếng Pháp “prendre des airs,” là làm bộ, vênh vang.

“*Ba Hoa* qua đây chỉ cho mình mấy bài toán bị *trịt* mấy bữa *ni*, đừng làm kỳ đà cản mũi hai anh chị tâm tình mà *lãnh đủ* đó,” Bội Hằng lên tiếng “*cứu bồ*”; “*trịt*” là bí, giải không ra.

Mùa thi, ban đêm học trò nghèo nhà ở sâu trong xóm không có điện hay nhà chật không có chỗ ngồi học thường ra ngoài đường nhựa đứng học bài dưới đèn đường. Dưới cột đèn gần nhà tôi

đêm nào cũng xuất hiện một anh chàng chừng mười tám, mười chín tuổi ăn mặc chỉnh tề cầm sách học rất chăm chỉ. Một hôm, *hắn* ngoắt tôi lại làm quen,

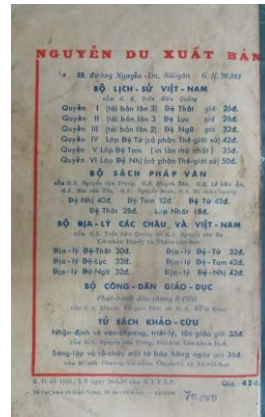
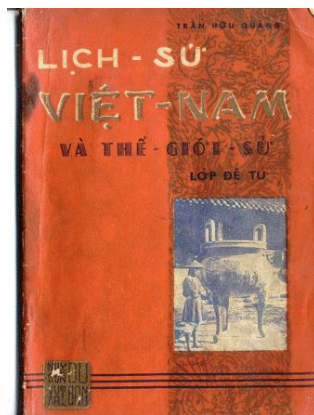
“Có phải *mi* là *Ba Hoa* học bên Hàm Nghi?”

“*Rằng mi biết?*” nhận ra cuốn *Lịch-sử Việt-nam và Thế-giới-sử Lớp Đệ Tứ* của Trần Hữu Quang quen thuộc trên tay *hắn*, tôi xưng hô ngang vai; tôi thường “*mi tau*” với mấy thằng bạn học lớn tuổi hơn, có khi đến năm sáu tuổi, mà đi học khai trụt tuổi.

“Tên tuổi của *mi* khắp Huế ai mà không biết.”

“Những chuyện đồn *nớ* không phải *rứa mô!*” tôi nhớ lại những vụ án phá phách tôi mắc hàm oan.

“Nghe nói *mi* giỏi toán ‘một cây,’ thầy bà *mô* cũng bị cãi *băng*. Toán là môn *tau ón* nhất.”



Vậy là chúng tôi quen nhau. Thằng bạn mới tự giới thiệu,

“*Tau* tên *Lâu* học bên Nguyễn Du, *mi* biết ở *mô* không?”

“Hè năm rồi *tau* bị mẹ bắt lên trường *nớ* học hè lớp Pháp văn của thầy Minh.”

“Thầy là hậu duệ của vị anh hùng chống Pháp Nguyễn Tri Phương và là một sáng lập viên và hiệu trưởng đầu tiên của trường. Thầy giỏi và dạy hay *để sớ!*”

“Ờ, nhưng *tau nhác nhớm* quen học một mình nên *nỡ* học thêm được *chi* nhiều.”

“Vị trí trường *tau* đặc biệt nổi tiếng qua câu:

Nguyễn Du dựng giữa Ngự Viên

Đầu kia O Rốt đàng này chề Thân.”

Thực vậy, Nguyễn Du là trường trung học tư thục tọa lạc giữa xóm Ngự Viên phía hữu ngạn sông Đông Ba, giữa cầu Gia Hội và cầu Đông Ba. Ngự Viên xưa là một vườn hoa do Phúc Quốc Công Hồ Văn Bôi, ông ngoại vua Thiệu Trị, lập ra vào đầu thế kỷ 19. Sau nhiều biến cuộc, vườn hoa không ai chăm sóc trở nên tàn lụi rồi biến thành bãi đất trống, và cư dân các nơi đến ở; nhà tích cũ, người ta đặt tên Ngự Viên cho xóm mới. Ngoài ra, có một “Ngự Viên” khác là khu vườn ở góc đông bắc của Tử Cấm thành trong Đại Nội; đó là Ngự Uyển hay Thượng Uyển, khu vườn các vị vua nhà Nguyễn thường dạo chơi, thưởng cảnh, và làm thơ. “Xóm Ngự Viên” được ghi nhớ qua bài thơ nổi tiếng:

Lâu nay có một người du khách

Gió bụi mang về xóm Ngự Viên

*Giậu độ dây leo suồng sã quá
Hoa tàn con bướm cánh nghiêng nghiêng*

...

*Hôm nay có một người du khách
Ở Ngự Viên mà nhớ Ngự Viên.*

(Nguyễn Bính – 1941)

Gần trường là hai hàng ăn nổi tiếng của Huế. Về phía cầu Gia hội là *O Rót*, gánh bún bò bán dạo bình dân của *Mụ Rót* sau này trở thành hiệu tiệm bún bò Huế lừng lẫy đất kinh kỳ và vươn xa tận Sài Gòn. Về phía cầu Đông Ba là *Chè Thân*, quán chè ông Thân có món chè đậu xanh hột nổi tiếng với đậu xanh mỡ hấp lá dứa thơm như mái tóc thề mới gội chanh, *chằm kết* (bồ kết).

Quen nhau được ít lâu, thằng Lâu rủ tôi cuối tuần đến nhà nó *học tổ*, tức là học nhóm, với các bạn đệ tử trong xóm và ngủ qua đêm. *Mẹ* nó là thương gia buôn gạo, nhà cửa khang trang *bắt điện* sáng trưng, và bà dành nguyên căn nhà trống bên cạnh cho chúng tôi tự do học hành. Tôi hướng dẫn các bạn cách giải những bài Toán Lý Hóa và nhớ những công thức cần thiết. Các bài phải học thuộc như Sử Địa, Công Dân, và Vạn Vật thì tôi làm dàn bài, viết lên bảng, và tóm tắt những điểm chính cần nhớ cho bạn. Đêm về, học hành xong là tới trò nghịch phá do thằng Lâu làm đầu nêu.

Người Huế hay bày bàn thờ cúng khuya ngoài trời; lễ vật gồm hương hoa trà nước, đĩa bánh in, và nải chuối, có khi có thêm con gà luộc. Thường đợi khoảng giữa tuần nhang gia chủ vào nhà lấy nước châm trà, thằng Lâu nháy bay ra xớt nhẹ nải chuối hay con gà luộc rồi biến mất trong màn đêm. Đôi khi gia chủ không chịu đi vào nhà, thằng Lâu đợi bà ta khẩu đầu khăn vái hay mài miết *xin keo* (xin quẻ bằng hai đồng tiền sấp ngửa) và ra tay lẹ như chớp; khi bà ngẩng đầu lên thì lễ vật trên đĩa đã không cánh mà bay.

Thỉnh thoảng một thằng bạn trong nhóm... lờ dại khoe nhà mình có cây hoa quý hay cây trái lạ, thế nào thằng Lâu cũng phải chiếm lấy cho bằng được, dù phải đột nhập vườn nhà bạn vào lúc nửa đêm và ẩn mình cả tiếng đồng hồ mới có dịp hành động. Nhưng công lênh hiển hách nhất là chuyển bẻ nhãn lồng ở vườn nhà ông Dân biểu Quốc hội, một dinh cơ rộng lớn nằm giữa Cửa Mang Cá và Bao Vinh, chung quanh xây tường gạch, và cổng ra vào có người canh chừng.

Khu vườn rộng có ba cây nhãn cao to, lá dày sum sê, và sai trái. Khi nhãn gần chín, để chim và dơi khỏi ăn, người ta dùng mo cau bao kín các chùm nhãn lại thành từng bọc lớn gọi là "lồng." Đêm đó, thằng Lâu vượt tường vào vườn và leo lên cây nhãn nhiều lồng nhất; người nhà ông Dân biểu như đã *chực* sẵn, mở đèn trong nhà sáng choang, ùa ra vây quanh gốc nhãn, và hô hoán,

"Ăn trộm nhãn, bữa *ni mi* chạy đằng trời cũng không lọt!"

Biết là trong đêm tối từ dưới đất không thấy rõ người ngồi trên cây, thằng Lâu ngồi im lặng và bình tĩnh bẻ nhãn bóc vỏ ăn. La lối đã đời mà không thấy động tịnh, rốt cuộc họ hết kiên nhẫn,

"Bộ *mi* muốn ngủ luôn trên *nớ* hay *răng*? Hay đợi tụi *tau* trèo lên *đần* cho một trận cho tởn tới *tra* (già)?"

“Các ông leo lên *đập* cho *tui* rớt xuống chết bỏ thì cứ ra tay đi,” bấy giờ nó mới lên tiếng.
“Thằng *ni* láo lếu, dám thách thức bọn *tau*! Chống mắt lên mà coi...” họ lớn tiếng nhưng không ai hành động.

“Nói cho biết, *tui* mà lỡ *sút tay bố* (té hay ngã) mất mạng thì ông Dân biểu không những mất chức mà còn ở tù về tội sát nhân.”

“*Mi* cả gan lý sự cùn...” nhưng bọn họ cứng họng.

Nghe tiếng ồn ào ông Dân biểu bước ra. Hỏi rõ đầu đuôi, ông ngược mặt lên cây ô tòn,

“Em cứ từ từ leo xuống, khéo *bổ* thì nguy. *Tui* không làm khó dễ *chi mô*!”

“Chỉ phạm tội leo lên cây nhãn mà người nhà của ông đòi *đập* chết *tui* – coi mạng người như cỏ rác? *Mô phải* nhà quan quyền là muốn giết ai thì giết?”

“Bọn họ nóng giận lỡ lời thôi, *tui* xin lỗi. Em chịu xuống chưa?”

“*Tui* không tin! *Chừ* ông với mấy người *tê vô* trong nhà tắt đèn đi ngủ. Khi *mô* biết chắc không ai còn rình rập làm khó dễ, *tui* mới xuống và đi về...”

Thằng Lâu thoát thân và mang về một lồng nhãn lớn, trái nào trái nấy *to đại mẹ* (rất to). Lần đầu tiên tôi được thưởng thức những trái nhãn có cơm dày, mọng nước, và thơm ngọt như thế!

* * *

Năm học đi qua thật nhanh và ngày bãi trường nghỉ hè đã đến. Hôm sau, thằng Lâu đến nhà tìm tôi đột ngột báo tin,

“*Tau* *đăng lính*; ngày mai đi trình diện.”

“*Chi lạ rứa*? Còn mấy tuần nữa thi Trung Học; *răng* không đợi thi xong rồi hay?”

“*Sách vở ích gì cho buổi ấy, áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già*. ‘Người ấy’ đã cự tuyệt tình ta!” nó cười gượng.

“*Chi* mà bi quan *rứa*? Tướng tá và bản lĩnh như *mi*, ‘cua’ con *mô* mà không ‘dính’?”

“Đời là *xe la vi* (c’est la vie), tình là *xe la mua* (c’est l’amour), biết *mô* mà lường!”

Vài ngày sau, chị Bội Ngọc nhắn anh Quang và tôi sang nhà chị chơi. Bội Hằng đợi sẵn, vội vàng kéo riêng tôi ra,

“Mình không *ưng Ba Hoa* chơi với ‘ông’ Lâu *nớ mô*...”

“*Răng rứa*?” Thêm một điều bất ngờ tới với tôi.

“Nghe đồn *hắn* dữ dằn lắm; chơi với *hắn* có ngày *Ba Hoa* mang họa đó!”

“Mình chơi với ai thì *ăn thua chi* tới Bội Hằng?” Nàng quên tôi là kẻ cứng đầu số một.

“Bữa *tê* mình đi học về, *hắn* đi theo *miết* nói chuyện yêu iếc *quàng xiên*, nói dai như giẻ rách, và dọa nếu không đáp lại sẽ *đăng lính* sống đời lang bạt kỳ hồ.”

Thì ra “người ấy” của thằng Lâu là cô hàng xóm bạn tôi. *Hèn chi* lâu nay *hắn* đứng học thi dưới cột đèn trước nhà nàng, thành tâm như một tín đồ ngoan đạo! Tôi buột miệng hỏi một câu rất vô duyên,

“*Răng* Bội Hằng lại từ chối?”

“*Ba Hoa* nói *rứa* mà nói được à?” nàng nói như khóc.

“Mình... mình... lờ lờ...” tôi *đực mặt* đờ người lấp bắp, quên nghề cãi bướng thường ngày.

“Biết là về mùa hè *Ba Hoa* hay bị sổ mũi, mấy *bữa ni* mình thức đêm thức hôm thêu mấy cái khăn *mù soa*...”

Nàng đưa cho tôi hộp khăn tay trắng rồi thút thít đi vào nhà trong. Ở góc những chiếc khăn ấy là hai chữ hoa BH thêu bằng chỉ hồng rất công phu. Tôi bâng khuâng tự hỏi BH là Bội Hằng hay *Ba Hoa*, nhưng quan trọng hơn là làm sao cho Bội Hằng hết giận tôi – thằng con trai ngu ngốc nhất thế giới.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 8 tháng Bảy, 2015

Các Pháp Do Duyên

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa thu 1961, học đệ ngũ (lớp 8) và đã hết *lạ nước lạ cái*, khi được nghỉ *giờ giữa* tôi và thằng Phúc và thằng Miên thường ra chơi ở ngôi nhà nằm phía bên trái Cửa Ngăn, tức là Cửa Thế Nhơn, gần trường Hàm Nghi. Khu này ít người lai vãng vì cửa thành đóng không cho xe cộ hay bộ hành qua lại. Ngôi nhà năm gian hai chái, chung quanh để hờ, là nơi để năm khẩu thần công ngũ hành bằng đồng đen có tên Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, và Thổ. Tại ngôi nhà này, tôi và thằng Hương quen nhau và trở thành đôi bạn tri kỷ – mê truyện mê sách như nhau.

Hơn hai năm học cùng “đệ” (đệ thất, đệ lục, và đệ ngũ) mà khác lớp và đã gặp nhau nhiều lần trong sân trường, nhưng cả hai thằng đều nhút nhát, không đứa nào làm quen trước. Hôm ấy, tôi thấy nó ngồi trên khẩu súng thần công ngoài cùng (gần cửa thành nhất) và say sưa đọc cuốn *Bàn Tay Máu* có tấm bìa trơn màu xanh đóng bằng tay ở nhà. Thằng này hẳn là dân mê đọc truyện *để sợ* vì đem truyện đi học là một điều cấm kỵ, thầy mà bắt được là tha hồ... ăn trứng vịt (bị điểm số không). Tôi lại gần chỉ vào cuốn truyện,

“Trong mấy truyện trinh thám của Phi Long, *tau* thích cuốn *ni* nhất.”

“Ờ, *tau* cũng có cuốn *Bàn Tay Sắt* mà không ‘đánh nhiều’ bằng, và cuốn *nó* cũng của *mi* đổi.” Thì ra nó cũng là dân đổi truyện như tôi.

“*Răng mi* biết truyện *nó* của *tau*?” tôi ngạc nhiên.

“Truyện của *mi* khi *mô* cũng đóng bìa đảng hoàng, ai mà không biết?”

Từ hồi nhỏ tôi đã học cách cắt giấy cứng làm bìa, dùng đinh đục lỗ, và dùng kèm cắt dây kẽm làm kim đóng sách để đóng lại sách cũ. Bà con họ hàng hễ ai có sách cũ, thường mất cả bìa trước lẫn bìa sau, thay vì vứt bỏ thì mang cho tôi; tôi ra công “chế biến” thành cuốn sách tươm tất để cất giữ.

Nhờ vậy, tôi có cả một thư viện sách cũ. Truyện tình cảm xã hội như *Bên Dòng Sông Trẹm* của Dương Hà; *Ngày Về, Hồng và Cúc*, và *Sau Dãy Nhà Lầu* của Ngọc Sơn; và *Lầu Tỉnh Mộng, Tình Duyên*, và *Hoa Tỉ Muội* của Bà Tùng Long. Tiểu thuyết trinh thám và phiêu lưu mạo hiểm như truyện của Phi Long (bút hiệu sau này của Ngọc Sơn khi ông không còn viết tiểu thuyết tình cảm) gồm *Bàn Tay Máu*, *Bàn Tay Sắt*, *Lưỡi Gươm Cứu Quốc*, *Hoàng Mộng Ngọc*, *Thám tử Trần Minh*, v.v. Truyện Tàu như *Phong Thần Diễn Nghĩa*, *Phong Kiếm Xuyên Thu Diễn Nghĩa*, và *Tây Du Ký Diễn Nghĩa*. Ngoài ra, có *Đoàn Ó Biển* của Lê Minh Hoàng Thái Sơn, *Thần Hồ* của Tchyá Đái Đức Tuấn, *Người Đi trong Bóng Tối* của Thanh Đình, *Lá Rụng Hoa Rơi* của Hồ Biểu Chánh, *Người Anh Cả* của Lê Văn Trương, và hàng chục cuốn khác nữa.

Thư mục của tôi thay đổi hàng ngày vì truyện đọc xong sẽ đem đổi với các bạn sưu tập sách cũ ở khắp Huế, từ Bao Vinh lên đến Bến Ngự và vào tận trong Tây Lộc. Cuộc mặc cả trao đổi thường khá gay go; mỗi bên ra sức ca tụng cuốn truyện của mình – truyện kiếm hiệp hay trinh thám thì “đánh nhiều” và truyện tình cảm thì “*tội* (nghịệp) *lắm*,” chê bai sách của đối phương –

sách cũ rách cũ rang, mất bìa, thiếu trang, v.v., và đôi khi làm găng đòi đổi một lấy hai. Nhờ phương thức đổi truyện mà dù rất ít khi có tiền mua tôi cũng được đọc hầu hết các truyện đã xuất bản.

Ngoài giờ học, tôi và thằng Hương cùng nhau đi đổi truyện. Em Bình, cô con gái duy nhất trong gia đình tôi nay lên bốn, đã biết chạy và thích đi chơi với tôi. Khi chúng tôi phải đi bộ xa, thằng Hương ôm sách, tôi cõng em trên lưng, và em thích chí cười nói bi bô; một lát sau tôi mới đổi ngược lại: tôi ôm sách, nó cõng em Bình, và em cũng vui vẻ bằng lòng. Các bạn đổi truyện thường nghĩ chúng tôi là ba anh em, và nhờ em kháu khỉnh dễ thương mà đôi khi chúng tôi được họ nhường cho phần hơn trong cuộc thương lượng đổi chác.



Nhà thằng Hương là ngôi nhà hai tầng ở mặt đường và cách xa nhà tôi chừng ba trăm thước. Gia đình nó có năm anh em: hai anh lớn làm công chức, chị Lan Chi, rồi tới nó và sau cùng là Kim Chi, em gái nhỏ hơn nó hai tuổi. Năm trước thi rớt Tú tài Toàn phần hay Tú tài II, chị Lan Chi tự học ở nhà để thi lại. Gặp chị tôi nhìn sững không chớp mắt – chị đẹp lạ lùng; chị cười dịu dàng,

“Chị nghe nói về *Ba Hoa* lâu rồi, bữa *ni* mới gặp.”

“*Tui* mới quen thằng Hương và tới đây lần đầu...” tôi thắc mắc.

“Anh Tân thường ghé chơi, lần nào anh cũng nhắc *Ba Hoa* nên chị thấy ‘quen’ lâu rồi,” chị cười thật tươi.

“Anh *nó* sắp thành anh rể *tau* rồi đó,” thằng Hương cười cười xen vào.

Năm ngoái, anh Tân con bác Tống, vị hôn phu của chị, trong lúc học trường Đại học Sư phạm Huế, đã ở trong nhà dạy kèm cho anh em tôi. Cuối năm ra trường anh được bổ dụng dạy trường Trung học Trần Quốc Tuấn trong Quảng Ngãi. Anh có chiếc xe Vespa, một phương tiện di chuyển đắt tiền ít người có, để đi lại và cuối tuần về Đà Nẵng thăm gia đình hay ra Huế thăm chị Lan Chi.

Dần dần tôi và chị Lan Chi trở nên gần gũi và thân thiết như hai chị em. Bên chị, tôi cảm thấy thoải mái và không ngần ngại chia sẻ những ý nghĩ trong đầu; ngược lại, chị kể tôi nghe những chuyện riêng tư mà chưa chắc anh Tân đã biết, biết chắc tôi sẽ không hé môi nói với ai, mà có

nói cũng không ai thèm nghe. Lô truyện tình cảm xã hội của tôi, ít khi được bọn con trai chiếu cố, lại được chị Lan Chi đặc biệt ưa chuộng và đổi cho tôi bằng những cuốn truyện Tàu mới tinh tôi đóng thêm bìa cho chắc chắn và cất giữ, không đổi với bạn.

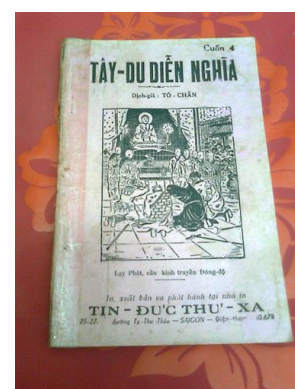
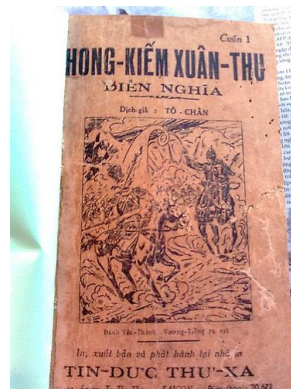
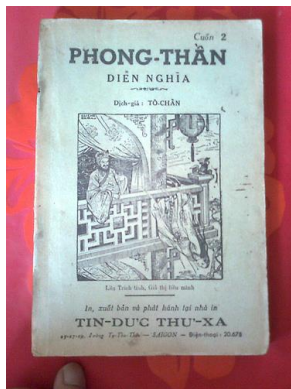
Một buổi sáng gần Tết, tôi đến tìm thằng Hương và như thường lệ chạy xồng xộc trên lầu, nơi chị em nó ngủ. Chị Lan Chi dậy trễ, còn *nằm nướng* trên giường. Nằm trong mùng, chị nói với ra,

“Ba Hoa đó hở? Thằng Hương lên chùa với *mạ* chị, trưa mới về. Vô đây ngồi nói chuyện với chị *nì*.”

“Chị đẹp như tiên giáng trần, anh Tân thiệt có phước!” tôi bỏ *xăng-đan* chui vào mùng vừa nói vừa cười; mái tóc dài của chị lỏa xỏa che phủ chiếc gối tai bèo màu hồng.

“Đừng cho chị leo cây *bổ* (ngã) xuống chết *ngay đơ cán cuốc chừ*! Chị may lắm mới lọt vô mắt anh Tân, mặc dù anh không phải là người chị thương...”

“Không thương *răng* chị bằng lòng cho anh cưới?”



Để trả lời câu hỏi ấy, chị nắm tay tôi,

“Hồi *tê* chị thương anh Phổ *chừ* dạy Quốc văn ở bên Quốc Học.”

“*Răng* không thành?”

“Anh cũng thương chị lắm, nhưng anh thương chuyện làm chính trị hơn...”

“*Có răng mô?*”

“Khổ nỗi anh làm đường lạc lối, bí mật cầm đầu bọn Việt Minh nằm vùng và chỉ huy chiến dịch Diệt Ác Ôn nhằm ám sát các viên chức Quốc gia. Biết được chuyện *nớ*, chị đoạn tuyệt liền. Ông nội và ba chị bị Việt Minh bắt đi tù tiêu mười mấy năm trước; *lý mô* chị lấy người như *rứa*.”

Chị khóc thút thít,

“*Cháy nhà mới ra mặt chuột*, năn nỉ chị trở lại không được, anh Phổ dọa sẽ ra tay trả thù khi chị lấy người khác. Tội nghiệp anh Tân, không biết mình thò tay vô hang rắn hổ...”

“*Răng* chị không báo cho *họ* bắt ông *nớ?*”

“Chị nữ lòng *mô*! Sợ miệng thế gian chê cười là không ăn thì đập đổ, bạc tình bạc nghĩa như vôi, hoặc là vu oan giá họa cho người cũ.”

“Rửa chị dành nộp mạng cho *thằng* cha Việt Minh nó?” tôi tức tối.

“Ba Hoa ơi, chị vững tin lời Phật dạy: *Các pháp do duyên*. ‘Các pháp’ là mọi trường hợp hay mọi điều xảy ra trên đời, và ‘duyên’ là điều kiện chín muồi theo nhân quả. Số phận đã an bài, *chạy trời không khỏi nắng*, lo *chi* cho mệt?”

Chị không lo, nhưng tôi phải làm một việc gì đó để giúp chị. Nghĩ mãi không ra, tôi lén vào trong am thờ Thiên Tiên Thánh Mẫu của bác Thang hàng xóm sau nhà thấp nhang khẩn vái,

“Lạy *Ngài*, xin *Ngài* linh thiêng chỉ cho con cách giúp chị Lan Chi thoát khỏi nanh vuốt kẻ ác. Nếu chị được tai qua nạn khỏi, con hứa sẽ cho bạn hết cả kho truyện, không giữ lại cuốn *mô* hết.”

Hôm sau lục lại sách cũ của chú Phu trên kệ sách, tôi thấy có cuốn sách chỉ dẫn viết đơn từ và thư tín thương mại của Đỗ Văn gồm các mẫu đơn và thư bằng hai thứ tiếng Pháp-Việt. Sau đó, đọc tạp chí Phổ Thông mới mua của anh Quang, tôi thấy phần sau có mục “Thư Bạn Đọc” gửi cho ông chủ nhiệm kiêm chủ bút Nguyễn Vỹ. Vậy là *Ngài* đã đưa đường chỉ lối cho tôi! Phỏng theo các mẫu đơn trong sách, tôi thảo thư nặc danh gửi Thiếu tướng Tư Lệnh Quân đoàn I, Đại tá Tư lệnh Sư đoàn 1 bộ binh, ông Tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên, ông Trưởng ty Cảnh sát Thừa Thiên, và ông Quận trưởng quận Tả ngạn:

Kính thưa (Thiếu tướng),

Chúng tôi ký tên dưới đây là một nhóm người dân ngụ tại phường Phú Bình quận Tả ngạn tỉnh Thừa Thiên xin trân trọng tường trình đến (Thiếu tướng) một vụ như sau.

Chúng tôi biết đích xác là ông ... Phổ, giáo sư Quốc văn tại trường Quốc Học Huế, là đầu đảng của bọn Việt Minh nằm vùng, âm mưu việc phá hoại và ám sát trong tỉnh Thừa Thiên. Kính xin (Thiếu tướng) cho điều tra và ngăn chặn những hành vi phạm pháp và nguy hại tới an ninh quốc gia của vị giáo sư này.

Trong khi chờ đợi sự chấp thuận của (Thiếu tướng), xin (Thiếu tướng) hãy nhận nơi đây lòng thành kính biết ơn của chúng tôi.

Kính đơn,

Viết thư trên giấy vở học trò thì dễ dàng, bì thư “mượn đỡ” của anh Quang (có nhiệm vụ hàng tuần viết thư báo cáo việc nhà cho cha, lúc ấy đổi vào Sài gòn làm việc), nhưng tiền tem gửi đi là cả một vấn đề. Tôi rình thấy mẹ cất xấp tiền chợ hàng ngày trong chiếc tủ đứng đựng áo quần, vuốt thẳng thớm và xếp theo trị giá từ nhỏ đến lớn. Mỗi đêm trước khi đi ngủ tôi lén rút tờ giấy bạc có trị giá thấp nhất nằm dưới cùng, mong mẹ sẽ không hay vì chỉ hụt mất số tiền nhỏ. Khi có đủ tiền tem, tôi mang thư đi gửi ở Ty Bưu Điện gần trường Bán Công của anh Quang.

Bác Tổng và *mạ* thằng Hương đi *coi ngày* và định ngày cưới là ba ngày sau ngày bãi trường nghỉ hè. Tôi không được dự đám cưới nên cuối tuần trước đó đến từ giã chị Lan Chi. Chị khóc tức tưởi,

“*Chừ* chị hết còn dịp *mô* tâm sự với Ba Hoa...”

“Chị vô trong Quảng Ngãi khi *mô* về biểu thằng Hương kêu *tui*, xa xôi *chi* mà lo!” tôi an ủi.

“Chị trả lại *Ba Hoa* các cuốn truyện đã đổi cho chị.”

Trong lô truyện tình cảm xã hội chị đưa, cứ mỗi cuốn truyện cũ của tôi lại có thêm một cuốn giống y nhưng còn mới và còn nguyên bìa. Thì ra chị đã có và không cần đọc truyện mà chỉ lấy có đổi để tặng các cuốn truyện Tàu tôi ưa thích.

* * *

Một tuần sau ngày cưới của chị Lan Chi, buổi tối cậu Há xuống nhà, mời mẹ, và gọi tôi vào phòng riêng,

“*Mi* viết thư tố cáo thằng cha Phổ, mẹ *mi* và *tau* biết hết...”

“Nhưng... nhưng...” tôi lắp bắp.

“Chuyện con làm, mẹ đã *chộ* (thấy) từ bữa đầu tiên; từng *ni* tuổi đầu mà không biết tiền chợ hàng ngày hụt mất hay *răng*? Mẹ báo cho cậu biết và biểu thằng Quang ngầm theo giúp con,” mẹ giải thích.

“*Tau* lên Ty Cảnh sát gặp anh Lữ thì được xác nhận *mi* tố cáo đúng. Thiệt ra, cơ quan an ninh đã điều tra, biết rõ hành vi tội lỗi của *hắn*, nhưng còn giăng bẫy để tóm trọn ố.”

Tôi mừng húm. Ông Tráng Lữ bạn cậu đã hay biết vụ này thì từ nay chị Lan Chi có thể ngủ yên, không còn lo lắng nữa. Nhưng giọng của cậu trầm xuống,

“Sau ngày cưới, thằng Tân đưa vợ về Đà Nẵng bằng xe Vespa. Vào giờ chót, nhân viên an ninh được tin *thằng cha* tê bố trí bộ hạ phục kích ở chân đèo Hải Vân để ám toán hai đứa *nó*; họ can thiệp nhưng không còn kịp.”

“*Rúa* là *răng*?” tôi la thất thanh.

“Mấy thằng Việt Minh bị bắt tại trận, nhưng trước đó chiếc xe Vespa đã bị bắn khiến thằng Tân lạc tay lái và cả người lẫn xe lăn xuống vực sâu. Hai vợ chồng không may...”

“Con đừng buồn, trên đời ai cũng có phần số của mình, cưỡng lại cũng không được,” mẹ vịn vai tôi.

Miệng khô rang, tôi không còn trông thấy gì ngoài màn nước mắt ràn rụa và không còn nghe thấy gì ngoài câu nói, “... chị vững tin lời Phật dạy: *Các pháp do duyên*,” văng vẳng bên tai. Thật vậy sao? Các kiếp trước chị đã làm gì mà kiếp này gặt lấy cái chết thảm thương?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 29 tháng Bảy, 2015

Tự Do và Quyền Bính

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mẹ kể thời cha đi học bậc trung học đệ nhất cấp gọi là Cao đẳng Tiểu học; các lớp gọi là đệ nhất niên, đệ nhị niên, v.v.; và cuối năm đệ tứ niên học trò thi lấy bằng Thành Chung hay *Đít-lôm*, từ tiếng Pháp Diplôme,

“Bằng *Đít-lôm* hồi *nó to* lắm; đậu rồi có thể làm thầy giáo dạy lớp Nhì hay lớp Nhất hay đi làm thông ngôn chánh và thông phán hạng nhất tòa Sứ.” Lớp Nhì và lớp Nhất là lớp 4 và lớp 5 ngày nay, và dưới thời Pháp thuộc, “tòa Sứ” là tòa hành chánh trực thuộc vị Công sứ người Pháp cầm đầu việc cai trị một tỉnh tại hai xứ bảo hộ Trung và Bắc kỳ.

“Hồi *nó* cha học tới *mô*?” tôi tò mò.

“Sau đệ nhất và đệ nhị niên, có tới một nửa học trò bỏ học đi *mần* (làm); hình như cha cũng *rứa*.”

“Sức học mấy người *nó* thua con *chừ* mà *mần* được *chi*?”

“Tuy mới đi học bảy, tám năm và có khi còn nói tiếng Tây *bồi* nhưng họ *mần* thư ký tại các cơ quan hành chánh trong tỉnh như sở lục lộ, sở kiểm lâm, nhà thương, kho bạc, và nhà giầy thép. Hồi *nó* có mấy người đi học *mô*!”

Năm nay tôi học đệ tứ (lớp 9) trường Hàm Nghi và tương tự như xưa cuối năm sẽ thi lấy bằng Trung học Đệ nhất cấp, thường nói là “thi Trung Học.” Nhưng có điều khác xưa là nếu không thi hay thi không đậu Trung Học, học sinh vẫn được tiếp tục lên đệ tam (lớp 10) và đệ nhị (lớp 11) rồi sau đó thi Tú tài Bán phần hay Tú tài I, nhưng thường thi cả Trung Học lẫn Tú tài I vì chương trình học của đệ nhị và đệ tứ gần giống nhau.

Đó là trường hợp anh Quang. Năm anh học đệ tứ, phong trào luyện tập thân thể và thể dục thẩm mỹ lên cao với thần tượng Nguyễn Công Áng đoạt giải nhất Lực Sĩ Đẹp Thế giới năm 1957. Anh miệt mài tập thể thao, vừa học vừa tập, rồi một hôm quay người trên xà ngang *sút tay* cầm đầu xuống đất học máu mồm. Bỏ lỡ kỳ thi Trung Học, anh không được vào đệ tam trường Quốc Học mà phải học trường Bán Công (ở Huế chỉ có hai trường này có bậc trung học đệ nhị cấp), và năm nay đã lên đệ nhị.

Nói chuyện thi cử, mẹ nhớ lại ngày tôi sinh ra ở ngoài làng,

“Ông nội chằm tử vi nói cung Quan Lộc của con có Cáo và Thai phụ, trong đời có công danh bằng sắc. Con lại có số Khoa bảng, tuy suốt đời vướng mắc thi cử mà có quý nhưn phò trợ nên thi *mô* đậu *nấy* – *tiền vận gian nan hậu vận thanh nhàn*.”

“Thiệt không mẹ?” chuyện này tôi mới nghe lần đầu.

“*Răng* không *thiệt*?”

“Mẹ thấy tử vi đoán có trúng không?”

“Cho tới *chừ* thì hơi trúng... nhưng phải đợi tới cuối năm *ni*...” Tôi nhận ra niềm ước mong của mẹ: có người trong gia đình đậu bằng *Đít-lôm*, và người đầu tiên sẽ là tôi.

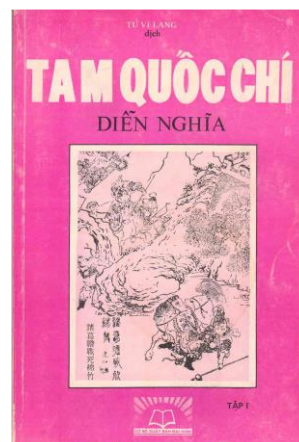
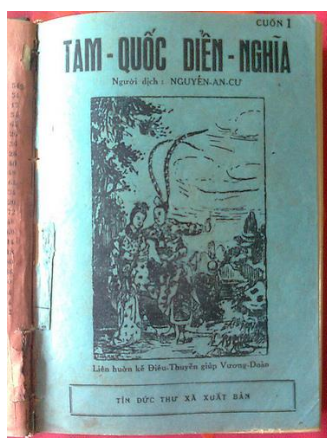
“Dù rằng đi nữa con cũng đậu Trung Học ngay kỳ đầu cho mẹ coi!”

Tôi buột miệng hứa với mẹ. Cũng như các kỳ thi Tú tài, kỳ thi Trung Học được tổ chức thành hai đợt vào khoảng đầu và cuối mùa nghỉ hè gọi là “khóa I” và “khóa II,” nhưng thường nói là kỳ đầu và kỳ sau. Nếu thi rớt hay vì một lý do nào đó không thi kỳ đầu, thí sinh có thể dự thi kỳ sau. Hứa cho mẹ vui lòng, nhưng hứa xong tôi lại lo. *Nói trước bước không qua*, lẽ Ngài không phò hộ như lá số tử vi tiên liệu thì sao? Tôi băn khoăn tâm sự với thằng Hương, thằng bạn tri kỷ cùng mê truyện mê sách; nó cười hăng hắc,

“Mi mà rớt thì khấp Huế ni ai đậu?”

“Mi nghĩ có cách chi chắc chắn cho *tau* đậu liền kỳ đầu? Khó cách mấy *tau* cũng không sợ.”

“Hi hi... Rứa là Lưu Bị mi vẫn kể quân sư Gia Cát Lượng là *tau* đây.”



Thằng Hương ví mình như Khổng Minh Gia Cát Lượng trong truyện *Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa*, bộ truyện Tàu ưa thích của hai đứa. Trong truyện, Lưu Bị “tam cố thảo lư,” tức là ba lần tìm đến lều tranh để thỉnh cầu Khổng Minh ra phò tá. Được gã đúng chỗ ngựa, tôi hứng chí đọc lớn đoạn văn ưng ý là lá thư Lưu Bị viết để lại cho Khổng Minh sau hai lần đầu không gặp,

Bị ngưỡng mộ cao hiền từ lâu, đã hai lần tìm đến ra mắt, đều chẳng gặp, phải về không, lòng buồn tủi khôn xiết. ...

Nay trước có vài dòng bày tỏ; rồi sẽ tẩm gội ăn chay, nay mai lại xin đến bái kiến Tôn nhan. Trước mặt tỏ lòng, mới giải bày hết nỗi niềm ngu khổn. Thiết tha mong Tiên sinh xét cho...

Vẫn giữ vai Khổng Minh nói chuyện với Lưu Bị, thằng Hương trở lại câu hỏi của tôi,

“Lượng lúc mô cũng đầy một túi mưu hay kế giỏi, chỉ sợ Chúa công không dám *mần* theo mà thôi.”

“Rằng *tau* không dám? Mi nói ra coi...”

“Để *tau* nói *mi* nghe, muốn *chắc cú* thi đậu một trăm phần trăm thì phải bảo đảm bài thi *mô* mình cũng làm trúng, phải không?”

“Đúng *rứa!*”

“Dù cho chương trình học và cách thi thay đổi hàng năm, đề thi phải lấy trong cuốn sách *mô* đó *chớ* không phải tự nhiên trên trời rớt xuống. Nếu *mi* học hết tất cả các sách hiện có thì bài thi *mô* *mi* cũng làm được, *mần rãng* mà trượt vở chuối như Tú Xương,

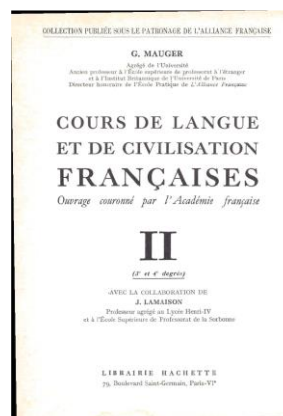
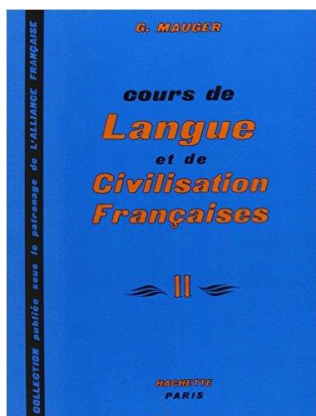
Mai mà tở hồng, tở đi ngay,

Giỗ Tết từ đây nhớ lấy ngày.

Học đã sôi cơm nhưng chưa chín,

Thi không ăn ớt thế mà cay.”

Thằng này vậy mà có lý! Nói “học hết sách” nghe thì... oai mà thực ra không hẳn là một nỗ lực khác thường. Sách giáo khoa (dùng trong lớp và bắt buộc phải có) mỗi môn chỉ có một cuốn: sách Quốc văn của Trần Ngọc Trụ, Nguyễn Quý Bính, và Hoàng Đình Tuất; sách Toán – Hình học và Đại số – của Đinh Quy, Lê Nguyên Diệm, và Bùi Tấn (thầy Diệm làm hiệu trưởng trường Hàm Nghi); sách Vạn vật của Nguyễn Cửu Triệp (thầy dạy trường Hàm Nghi, vẽ hình trên bảng đẹp *đẽ* sợ, và kể chuyện hay *vô số*); sách Điện học của Bùi Hữu Đột; sách Hóa học của Bùi Hữu Sùng; sách Việt sử và Thế giới sử của Trần Hữu Quảng; và sách Pháp văn là cuốn *Cours de Langue et de Civilisation Françaises - Tome II* (Bài học về Ngôn ngữ và Văn minh Pháp - Cuốn II) của Gaston Mauger. Thành ra tôi chỉ cần học kỹ từ đầu đến cuối các sách có sẵn là yên chí lớn.



Môn thi đáng lo nhất là Quốc văn. Năm nay bộ Quốc gia Giáo dục thay đổi cách ra đề thi: thí sinh không còn làm luận văn mà trả lời chi tiết một số câu hỏi, do đó chưa thể đoán trước bài thi sẽ như thế nào. Lĩnh vực văn chương quá bao la, học mấy cũng không vừa, tôi dùng thêm bộ *Việt Nam Thi Văn Giảng Luận* của Hà Như Chi trước đây là sách giáo khoa và bộ *Việt Nam Văn Học Sử Giảng Ước Tân Biên* của Phạm Thế Ngũ anh Quang dùng học thi Tú tài I. Ngoài ra có một số “luận đề,” tức là các tập sách nhỏ nói về một tác giả hay một đề tài riêng biệt như Luận đề về Nguyễn Công Trứ, về Trần Tế Xương, hay về Nguyễn Khuyến; với cách thi mới “luận đề” có thể lỗi thời, nhưng tôi đọc hết tất cả – như đọc truyện, có hại *chi!*

Trong bộ sách giáo khoa Toán do Đinh Quy, Lê Nguyên Diệm, và Bùi Tấn biên soạn, mỗi chương gồm phần lý thuyết và phần bài tập không có lời giải để học sinh tự giải lấy. Sách toán có bài giải thật hiếm hoi. Từ lúc lên trung học, nhờ khá tiếng Pháp tôi học bộ sách bài giải của *Une Réunion de Professeurs* (Một Nhóm Giáo sư) mỗi cuốn *Geométrie* (Hình học) và *Algèbre* (Đại số) dày bằng cuốn tự điển, gồm có toán kèm theo bài giải từ dễ đến khó.

Nhiều học sinh dùng sách bài giải của “giáo sư” Hảo (không phải tên thật) người ta nói gia đình làm nhà in và nhà xuất bản, và học đệ lục (lớp 7) ông làm sách đệ thất (lớp 6), học đệ ngũ (lớp 8) ông làm sách đệ lục, v.v. trích dịch từ bộ *Une Réunion de Professeurs*. Sách của ông in đẹp và trình bày rõ ràng và dễ hiểu nên rất thông dụng, bán chạy hơn hai cuốn sách luyện thi là *Toán Hình Học* của Một Nhóm Giáo sư gồm 100 bài toán và cuốn *Toán Đại Số* của Nguyễn Đình Hàm gồm các bài toán chọn lọc... rất khó, khó đến nỗi thằng Hương nói đùa,

“Sách của thầy Hàm hiệu trưởng trường Quốc Học có ít nhất là hai người mua.”

“*Răng* có tới hai người *lặng*? *Mi* mua có một cuốn hai thằng mình học chung,” tôi cười rúc rích và làm bộ căi; giống như đi đổi truyện, tôi và thằng Hương cùng nhau tìm kiếm sách học và thi đua học hành.

“*Đúng rứa!* Người thứ hai mua sách là thầy Hiến...”

Thầy Hiến dạy tôi cả Toán lẫn Công dân Giáo dục, thường gọi là “Công dân.” Chương trình Công dân gồm các bài học về cơ cấu quốc gia và thể chế dân chủ với *chính phủ của dân, do dân, và vì dân*. Sách giáo khoa chính thức chưa có nên bài học do thầy soạn ra căn cứ theo bản Hiến pháp Việt nam Cộng hòa ban hành ngày 26 tháng Mười, 1956 và các sắc luật hiện hành.

Thầy còn trẻ, vừa đi dạy vừa học ở trường Đại học Luật khoa Huế, và dạy rất tận tâm; thầy soạn bài kỹ lưỡng và giảng bài không cần nhìn sách hay giấy ghi chép. Thầy thường tìm toán khó cho học trò tập làm; nhưng khó bao nhiêu thì khó, thầy chưa viết xong đề toán trên bảng là tôi có bài giải – tôi đã học và làm trước rồi. Thầy hãnh diện gọi tôi lên bảng giải toán; tôi cầm phấn viết một mạch rồi về chỗ ngồi.

Một hôm trong giờ Công dân, thầy khoanh tay đứng sát vào bàn đầu ngay trước mặt tôi và hăng say giảng về các quyền tự do dân chủ: tự do tư tưởng, tự do ngôn luận và báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do hội họp, tự do đi lại, và tự do sinh sống và làm việc. Cao mà mãnh khảnh, thầy mặc quần kéo đáy lên cao khiến phần phồng ra ở hạ bộ lộ rõ ra và vô tình tựa lấp lửng lên mép bàn. Một ý nghĩ tinh nghịch nảy ra, tôi lấy hai ngón viết xếp châu đầu thành hình mũi tên đặt trên mặt bàn chỉ vào “chỗ ấy.” Cả lớp trông thấy cười vang; thầy đỏ mặt cười bẽn lễn, quay lưng bước nhanh lên bảng.

Ngày mồng hai Tết năm ấy, thằng Miên rủ tôi đến nhà thầy Hiến chơi. Gia đình ở Quảng Nam, thầy ra Huế thuê nhà ở để đi dạy và đi học. Thầy ăn Tết một mình nên tỏ ra mừng rỡ khi chúng tôi đến thăm. Thầy đãi hai đứa ăn đủ thứ mứt bánh và hỏi tôi,

“Ban đêm em học bài tới mấy giờ mà giỏi toán như *rứa*?”

“Dạ con thường thức đến hai giờ sáng,” tôi thành thực thưa.

“*Rứa* hỉ? *Răng* thức khuya *dữ rứa*?” thầy có vẻ không tin.

“Dạ, toán thì không có *chi* khó, mà mấy môn *tê rãng* học hoài không hết.”

Ba thầy trò vừa ăn vừa nói chuyện và chơi đồ cá ngựa cho đến chiều; trước khi chia tay thầy chúc chúng tôi may mắn trong kỳ thi sắp tới. Chưa có cái Tết nào tôi được vui vẻ đến thế!

* * *

Dân Huế trọng việc học và, giống như mẹ, ai cũng cho bằng Trung Học là cái mốc học vấn quan trọng trong đời học sinh. Vì sách luyện thi không có, một nhóm giáo sư Huế đứng ra ấn hành một nguyệt san gọi là “Học báo,” và trong mỗi số báo giáo sư các môn được mời đăng “bài tử” của mình cho học trò học. Học báo được ủng hộ nồng nhiệt, và số thứ tư trong niên khóa này phát hành trước Tết với bài Công dân do thầy Hiến đóng góp.

Trong bài, thầy giải thích Dự (hay Sắc lệnh) số 53 do Tổng thống ban bố vào ngày 6 tháng Tám, 1956 cấm Hoa kiều tham gia mười ba nghề – buôn bán cá và thịt; buôn bán chạp phô (tạp hóa); buôn bán than củi; buôn bán xăng, dầu lửa, và dầu nhớt; cầm đồ bình dân; buôn bán vải sồi, tơ lụa, và chỉ sợi; buôn bán sắt, đồng, và thau vụn; nhà máy xay lúa; buôn bán ngũ cốc; v.v. – hạn chế một số quyền tự do hiến định. Một bài học nghiêm chỉnh về hiến pháp và quyền công dân, bài Công dân ấy nêu lên điểm sơ hở trong chính sách của Cụ Ngô và được học sinh và giáo sư Huế quý trọng.

Nhưng số Học báo ấy là số cuối cùng, sau đó không còn được phép xuất bản. Ra Tết, tôi không còn thấy thầy Hiến ở trường Hàm Nghi; hai giáo sư khác thay thầy phụ trách dạy Toán và Công dân lớp tôi. Mùa hè năm ấy, các đề thi trong kỳ thi Trung Học không có câu hỏi nào về môn Công dân. Tôi đậu kỳ đầu với hạng Bình và có điểm số cao nhất hội đồng Hàm Nghi, không biết nhờ cái số Khoa bảng hay vì

*Xưa nay những kẻ siêng đèn sách,
Vẽ sáng soi gần sạch vết đen.*
(Hồ Xuân Hương)

Nguyễn Ngọc Hoa
Ngày 12 tháng Tám, 2015

Mang Nghiệp Vào Thân

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Gần bốn năm học trường Hàm Nghi, ngày hai lần tôi đi về trên đoạn đường Tống Duy Tân trước mặt Pháp đình nhưng chưa bao giờ vào bên trong. Đoạn đường này dưới thời Pháp thuộc mang tên *đường Tam Tòa* vì trong khuôn viên có ba tòa nhà lớn: tòa ở giữa làm Cơ Mật Viện là nơi các quan đại thần triều Nguyễn bàn việc quốc gia đại sự, tòa bên phải phía đường Nguyễn Huệ là Nha Hội lý là cơ quan cố vấn của chính phủ Bảo hộ cạnh lục bộ của triều đình, và tòa bên trái phía đường Đinh Bộ Lĩnh là nhà trưng bày của viện Bảo tàng Kinh tế.

Buổi chiều cuối cùng trước ngày bãi trường nghỉ hè cuối năm đệ tứ (lớp 10), tôi rủ thằng Miên và thằng Phúc vào xem khu Pháp đình. Thằng Phúc chỉ cho tôi hai tòa nhà hai bên dùng làm văn phòng các cơ quan tư pháp tỉnh Thừa Thiên và thành phố Huế, và tòa nhà chính giữa dùng làm tòa án xét xử các vụ án từ sơ thẩm đến thượng thẩm. Đã nghe nhiều giai thoại về “thầy kiện,” hay luật sư, có tài cãi đen thành trắng khiến kẻ phạm tội thành vô tội và trắng án, tôi lắc đầu,

“*Miền (làm) thầy kiện khó lắm; tau chịu, không *miền* nổi!*”

“*Mạ tau nói luật sư không những phải rành rõ luật pháp mà còn biết bẻ cong luật lệ cho hợp với tình trạng của khách hàng.*”

“*Và cần nhất là nói láo cho giỏi! Tau chê nghề *nó* và sẽ học bác sĩ để cứu nhân độ thế nên lên đệ tam Quốc Học *tau* học Ban A.*” thằng Miên chen vào; đệ tam là lớp 10 ngày nay và sau đó là đệ nhị (lớp 11).

Sau bậc trung học đệ nhất cấp, chúng tôi phải chọn ban để dự bị lên đại học: Ban A tức Ban Khoa học Thực nghiệm chú trọng vào Vạn vật, Vật lý, và Hóa Học; Ban B tức Ban Khoa học Toán chú trọng vào Toán, Vật Lý, và Hóa Học; và Ban C tức Ban Văn chương chú trọng vào Văn chương và sinh ngữ như Anh và Pháp ngữ. Ngoài ra có Ban D tức Ban Cổ ngữ chuyên về cổ ngữ như Hán tự và La tinh nhưng ít người học và không mấy trường dạy. Thằng Phúc nhăn nhó,

“*Tau ngán *tụng* Vạn vật mà không giỏi toán như thằng *Ba Hoa* nên đành qua Ban C *miền* bạn với Văn chương, chỉ cần *dợt* thêm Pháp văn và Anh văn.*”

“*Mai mốt *mi* tính *miền chi?*” tôi hỏi.*

“*Đậu Trung Học, *tau* thi vô Sư phạm Cấp tốc đi học có học bổng hàng tháng cho *mạ tau* bớt *cực*. Học một năm ra dạy tiểu học, có lương có phạn đỡ đần *mạ* nuôi mấy đứa em.*”

“*Lỡ không đậu thì *răng?*”*

“*Năm *ni* không đậu thì năm tới, hay năm đệ nhị, thi lại. Còn *mi?*”*

Câu hỏi giản dị này chưa ai hỏi và tôi chưa hề nghĩ tới câu trả lời,

“*Chắc *tau* học ban B nhưng chưa biết mai sau làm *chi*. Nghề bác sĩ máu me ghê thấy mồ *tổ*, không có *tau!*”*

“*Mi có thể dạy toán...*”

“*Hà hà... *Thầy bà* mong *dối trá* kiếm ăn. Nghề *gõ đầu trẻ* như *mi* có *chi* hay *ho?*”*

Sau khi tôi may mắn đậu thủ khoa hội đồng Hàm Nghi trong kỳ thi Trung Học, cậu Há hãnh diện tuyên bố, “thằng *ni* học giỏi nhưt làng mình,” và từ đó cái tên *Ba Hoa* “học giỏi” thay thế cho các tên “thợ ăn,” “trâu lì,” và “*cù lằn*.” Kèm theo lời khen tặng là nhiệm vụ mới,

“*Mi* dạy mấy đứa *tê* học hè. Mẹ *mi* đã cho dọn căn phòng cạnh nhà bếp làm phòng học. Mỗi ngày dạy nửa buổi, còn nửa buổi *tê* muốn làm *chi* thì làm.”

Lớp hè tại gia là thông lệ của họ hàng nhà tôi: học sinh học cao nhất đứng ra dạy các đứa khác trong lúc trường nghỉ hè. Mẹ và cậu đã quyết định thì khó lòng thay đổi, nhưng tôi rán cãi,

“Dạ... nhưng có nhiều người lớn hơn và học cao hơn con...”

“Không đứa *mô* học giỏi bằng *mi*. Lớn hay nhỏ *ăn thua chi*; *mi* là thầy thì mấy đứa *tê* phải vâng lời, nhác học thì phạt. Cứ *đập* thẳng tay cho *tau*,” cậu cam kết.

Vậy là tôi làm thầy giáo! Kể cả hai em kế tôi là thằng Sáng mười một tuổi và thằng Triết chín tuổi, lớp học có chín đứa học trò. Đứa lớn nhất là thằng Hối, con dì Nậm bên xóm Chuối, tuổi thật hơn tôi hai tuổi mà hết hè mới lên đệ lục (lớp 7); dì dưỡng gửi nó sang ở nhà tôi ở để học, cuối tuần mới về nhà. Hai đứa nhỏ nhất là thằng Chố và thằng Hẹ, cùng bảy tuổi và hết hè lên lớp Tư (lớp 2) trường Thanh Long. Kể vai vế thì thằng Chố, con một ông anh họ tôi, nhỏ nhất và phải gọi tôi và mấy đứa kia bằng “chú” và xưng “con.” Thằng Hẹ là con út cưng của cậu Há, ngoài cậu không ai dám la mắng hay đánh đòn.

Học trò tôi vâng lời hết mực, không cãi bướng, và không hề oán thán khi bị phạt đòn. Thằng Hối hay bị khẻ tay vì làm bài không ra, có lẽ tại nó mất căn bản do dì dưỡng dờn chỗ ở luôn, và ngồi khóc thút thít khi bị phạt. Thằng Chố ít nói và chịu khó, ngày nào cũng thuộc bài trờn tru và làm bài đàng hoàng, và bao giờ cũng xin phép trước khi chạy đi chơi. Ngược lại, thằng Hẹ không bao giờ học bài trước, chuyên môn làm bài lấy lệ rồi tự ý ra sân chơi. Phạt quỳ hay đánh roi mây vào mông, nó coi như pha; hình như nó đợi tôi chịu thua rồi để nó tự do tung hoành như hè năm trước. Tôi hăm,

“*Mi* mần chú mà học thua thằng Chố; có ngày bắt *mi* bú c... *hấn* cho biết tay!”

Thằng Hẹ trơ mặt ra như không nghe thấy. Một hôm tôi nổi giận, biểu thằng Chố đứng trên ghế dài và kéo lưng quần trẻ xuống tới nửa *trấp bả* (bắp vế) thò bộ phận con trai ra, đẩy thằng Hẹ đứng đối diện ngang tầm, và ra lệnh thi hành lối phạt tối hậu ấy. Không ngại ngừng, thằng Hẹ lằm lì há miệng nghiêng đầu về phía trước. Tôi hoảng hồn vội vàng kéo nó lui ra; nó tỉnh bơ như không có gì xảy ra.

Tôi đổi chiến thuật: theo sát không rời và bắt phải làm bài xong mới cho đi chơi. Làm toán cộng trừ thì bắt đếm đầu ngón tay và viết kết quả vào vở. Chép bài thì canh chừng từng chữ từng câu và bắt đọc lớn những chữ khó. Nhờ vậy tôi tìm ra nó không nói được vần “ui” mà đọc thành ra vần “u.” Thí dụ như “lui cui” nói thành “lu cu.” Tôi viết ra những chữ có vần “ui” như *lùi xùi*, *túi bụi*, và *thui thúi* và bắt đọc đến khi thật đúng mới thôi. Nhưng nó cố tình đọc ngọng khi bị mấy đứa kia thay nhau bắt đọc hai chữ *đùi đụi* và *lụi đụi* thành tiếng tục tĩu để cười chơi.

* * *

Thằng Miên lên nhà tôi khoe tờ bạc hai chục đồng mới toanh *mạ* nó thường thi đậu Trung Học và rủ tôi đi coi phim *Hercule à la Conquête de l'Atlantide* (Hercules và Chiến thắng Atlantis) ở rạp Tân Tân đường Trần Hưng Đạo. Rạp *xi-nê* sang trọng với phòng ốc đẹp đẽ, âm thanh nổi, và máy chiếu phim tối tân dùng ống kính *CinemaScope* chiếu lên màn ảnh *đại vĩ tuyến*. *Hercule* là phim màu *Technicolor* lộng lẫy thực hiện bởi đạo diễn người Ý, nói tiếng Pháp, và phụ đề Việt ngữ. Xem xong, nó còn đủ tiền mua mỗi đứa một cây cà rem, vừa đi vừa mút trên đường về. Nó vốn tinh tế và chú ý đến những chi tiết nhỏ nhất,

“Phim *Ec-Quynh* hay *quá sá* và hình ảnh đẹp *để sợ* mà *tuồng như mi* không thích?” nó đọc “*Hercule*” theo tiếng Pháp với âm “h” câm không đọc.

“Trong phim thời sự có cái *chi* không ổn, *mi* thấy không?”

Bắt đầu buổi chiếu phim, khán giả đứng lên chào cờ với lá quốc kỳ chiếu phất phới trên màn ảnh, và tiếp theo là phim thời sự đen trắng do Bộ Thông tin thực hiện, phần *chiếu dạo* chiếu quảng cáo vài cảnh trong những phim mới sắp tới, và cuối cùng mới tới phim chính. Phim thời sự ghi lại vài hoạt động chính thức của *Cụ Ngô* như đi kinh lý các tỉnh hay tiếp đón phái đoàn ngoại quốc tại dinh Độc Lập. Thằng Miên nhớ lại,

“Ờ, *Cụ* đi kinh lý ở Khu Trù mật hay Dinh điền *mô đó*; có nhiều *ông to* (ông lớn) đi theo lắm.”

“*Mi* thấy *chi* nữa?”

“Có một *khúc Cụ* chỉ tay về phía vườn cam và gật gật đầu tỏ vẻ hài lòng. À... mấy cây cam *nó* dường như thấp hơn cam làng An Lỗ quê *tau*.”

“Đúng *rứa!* Cây thấy thấp hơn vì không có *cội* (gốc), và cành cam thì mọc xéo từ dưới đất lên chớ không phải từ thân cây ra. *Tau* nghi *nõ* phải cây cam thiệt...”

Tối hôm sau nhân cậu Há xuống nhà hỏi han về lớp hè, tôi đem chuyện cây cam hỏi cậu. Cậu không một chút ngạc nhiên,

“Cây *nớ* là cây giả; khắp cả nước ai cũng biết mà không ai dám nói ra...”

“*Răng lạ rứa?*”

“*Cụ Ngô ưng* dân chúng canh tác và trồng trọt, nhất là trồng cây ăn trái. Ngày trước khi *Cụ* tới, quan chức địa phương sai người chặt cành cây đã có trái ở nơi khác đem tới cắm vào vườn tại các địa điểm *Cụ* sẽ đi qua để tăng công, qua mặt vị lãnh đạo quốc gia *cái ào; thiệt lạ!*”

Cậu cười nửa miệng đổi đề tài,

“*Mi* thông minh, có óc nhận xét, và có khả năng thấy được những chuyện mà người khác không thấy. Nhưng lần *ni mi* không phải là đứa thứ nhất.”

“Ai thấy chuyện *nớ* trước con?”

“Tuần trước *tau* đưa thằng Hẹ đi *xi-nê*; khi về, *hắn* cũng nói như *mi*...”

Thì ra, thằng Hẹ không kém thông minh như mọi người nghĩ. Nó giả vờ ngu để khỏi phải học.

* * *

Ba năm liên tiếp, thằng Phúc thi vào trường Sư phạm Cấp tốc mà không lọt. Nó tiếp tục học và theo Ban Việt Hán ở Đại học Văn khoa Huế đến khi bị động viên nhập ngũ vào trường Bộ binh

Thủ Đức. Đậu Tú tài Toàn phần hay Tú tài II, thăng Miên vào Sài Gòn ghi danh học *Lý Hóa Nhiên* hay *SPCN* (viết tắt tên tiếng Pháp Science, Physique, Chimie Naturelles) ở trường Đại học Khoa học để sửa soạn thi vào Đại học Y khoa, ba lần thi không thành công, và cũng bị động viên.

Hai năm cuối cùng ở bậc trung học, tôi được vinh dự đề cử dạy Việt ngữ cho vài nhân viên người Mỹ trong Tổ chức Thanh niên Chí nguyện Quốc tế, một cơ quan tư nhân quốc tế (nhiều quốc gia) tương ứng với Đoàn Hòa bình của chính phủ Hoa Kỳ. Trong lúc học ở trường kỹ sư, ngoài việc dạy kèm tư gia như nhiều sinh viên khác, tôi được nhận dạy Toán và Vật lý trung học đệ nhị cấp tại một trường tư thục ở Sài Gòn trả tiền dạy giờ hậu hỉ, và tuổi của hơn nửa học trò trong lớp ít nhất là xuyết xoát ngang với thầy. Sau đó, tôi quyết định học Cao học rồi được mời làm giảng viên tại một số Đại học ở thủ đô.

Xem ra, cái “nghiệp” dạy học đã đeo đuổi tôi như thế

Đã mang lấy nghiệp vào thân,

Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

(Nguyễn Du - *Truyện Thúy Kiều*)

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 2 tháng Chín, 2015

Đệ Nhất Cao Thủ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Mùa thu năm 1962, tôi học đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học. Mang chiếc áo sơ-mi trắng trên túi áo thêu “huy hiệu” (tức là bảng tên cá nhân) với một *quec* (vạch) ngang dùng để chỉ lớp nằm hai bên “hiệu đoàn” (tức là tên trường) Quốc Học, tôi ưỡn ngực hãnh diện là học sinh của ngôi trường trung học xưa nhất và nổi tiếng nhất ở Trung và Bắc kỳ.

Trường thành lập và khai giảng cuối năm 1896, mang tên *Pháp Tự Quốc Học Trường* với vị Chương giáo (tức là hiệu trưởng) đầu tiên là cụ Ngô Đình Khả, thân sinh Ngô Tổng thống. *Pháp Tự* là “chữ Pháp” vì ban đầu mục đích chính là dạy tiếng Pháp cho học trò, và *Quốc Học* là gọi tắt của bốn chữ *Quốc gia Học đường* nghĩa là “trường học quốc gia.” Đến niên khóa 1935–1936, khi mở thêm các lớp *chuyên khoa*, tức là bậc trung học đệ nhị cấp, trường đổi tên thành Lycée (Trung học) Khải Định. Sau Hiệp định *Giơ-Neo* (Genève), niên khóa 1955–1956 trường đổi tên là Trung học Ngô Đình Diệm để đánh dấu một thời kỳ mới, và nhờ đó ông hiệu trưởng được tưởng thưởng chức quyền cao hơn.

Nhưng cái tên mới này không tồn tại được lâu. Chuyện kể rằng, vào cuối năm 1956 nhân lễ kỷ niệm 60 năm thành lập trường với sự tham dự của Cụ Ngô, ông hiệu trưởng mới bắm với Cụ, *Cụ là nhân vật quan trọng phải để dành tên cho việc lớn lao chứ thay tên vua Khải Định bù nhìn ở trường này e không xứng. Nếu không đồng ý với tên Quốc Học cũ, xin lấy tên cụ cố Ngô Chương giáo đầu tiên.*

Cụ Ngô đồng ý cho phục hồi tên Quốc Học, nhưng ông hiệu trưởng chỉ tại vị đến cuối năm học.

Tôi được xếp ngồi cạnh thằng Công nhau ở dãy bàn đầu lớp đệ tam B3; trong số mười ba lớp đệ tam Ban B (tức là Ban Khoa học Toán), B1 đến B6 là lớp Pháp văn sinh ngữ chính, B7 đến B13 Anh văn sinh ngữ chính. Thằng bạn mới gầy mà chắc chắn, khuôn mặt khắc khổ, giọng Huế trầm và chậm rãi mà cương quyết. Năm ngoái nó học lớp đệ tứ cuối cùng ở Quốc Học, bắt đầu năm nay chỉ còn đệ nhị cấp, trong lúc tôi từ trường Hàm Nghi sang. Mới gặp nhưng nghe tiếng đã lâu, chúng tôi thân nhau từ ngày đầu tiên.

Hai đứa đều học giỏi, giỏi toán hết chỗ chê. Giờ ra chơi, chúng tôi dắt nhau đi quanh sân trường “luận anh hùng.” Những học sinh đệ tam có tiếng học giỏi như thằng Đình cùng lớp B3, thằng Thiện B7, thằng Kim B9, v.v. đều được xếp vào “cao thủ hạng ba,” nhưng không có hạng nhất hay hạng nhì. Vì hai đứa chúng tôi không biết ai giỏi hơn!

Đệ tam là lớp “ăn chơi” vì không phải năm thi và chương trình học không liên quan trực tiếp đến lớp thi là đệ nhị (lớp 11) và đệ nhất (lớp 12). Tuy nhiên, tôi và thằng Công ngày đêm thi nhau học “gạo”... chết bỏ, cố gắng vượt qua bạn mà ngoài mặt làm bộ nhớn nhạo ta đây không thèm học.

Tôi có khiếu học sinh ngữ, tiếng Anh hay tiếng Pháp chỉ nghe giảng hay xem tự điển một lần là nhớ, không bao giờ quên. Mỗi ngày thức dậy vào lúc bốn giờ sáng để học sinh ngữ, mỗi câu tôi

đọc đi đọc lại hàng trăm lần, cho đến khi nhập tâm, nói ra không cần suy nghĩ. Để tận dụng sở trường của mình, tôi quyết tâm rèn luyện Pháp văn và Anh văn hết sức mình.

Nhờ cái tên “*Ba Hoa học giỏi*,” tôi thừa hưởng các sách học, bằng tiếng Việt hay tiếng Pháp, của bà con họ hàng; ai có sách không dùng đều mang đến cho tôi. Trong cái kho sách ấy, tôi tìm ra bộ *Học báo Pháp ngữ* do giáo sư Phạm Tất Đắc biên soạn và nhà Tân Học báo Tuần san xuất bản hàng tuần vào khoảng đầu thập niên 1950 dưới hình thức một tập sách nhỏ 16 trang. Một ông chú họ mua tất cả các số Học báo, đóng bìa da gáy mạ chữ vàng thành hai tập, mỗi tập có chừng 25 hay 26 số, nhưng không hề dùng tới và hai tập sách còn mới tinh nguyên. Bài đầu tiên của bộ Học báo này là một đoạn văn của Alexandre Dumas Con (1824-1895), lời khuyên một người bạn trẻ, tôi nhớ đời:

Marche deux heures tous les jours, dors sept heures toutes les nuits; couche-toi, toujours seul, dès que tu as envie de dormir; lève-toi dès que tu t'éveilles; travaille dès que tu es levé. Ne mange qu'à ta faim, ne bois qu'à ta soif, et toujours lentement. ...

(Mỗi ngày đi bộ hai tiếng đồng hồ, mỗi đêm ngủ bảy tiếng; buồn ngủ thì đi ngủ ngay, luôn luôn một mình; tỉnh giấc thì thức dậy ngay; thức dậy thì làm việc ngay. Chỉ ăn khi thấy đói, chỉ uống khi thấy khát, và lúc nào cũng chậm rãi. ...)

Thấy tôi vác hai tập Học báo dày như cuốn hai tự điển ra học, anh Quang le Lưỡi đũa,

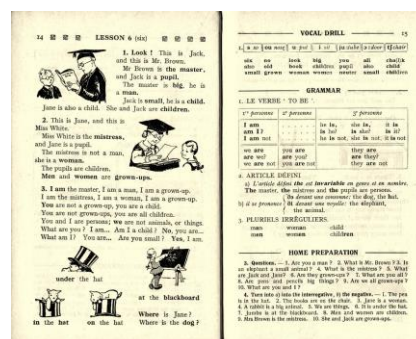
“Lớp đệ nhất của *tau* có thầy dạy Pháp văn rồi, không cần *mi* dạy mô; đừng học mất công!” Năm nay, sau khi đậu Tú tài Bán phần tức là Tú tài I, anh được nhận vào đệ nhất Quốc Học, và hai anh em học cùng trường.

Tôi nhận thấy thầy Biễn dạy Pháp văn không giỏi như lời đồn đại. Học trò đệ tam Ban B kháo nhau tuy thầy chỉ có bằng Tú tài Toàn phần tức Tú tài II nhưng lúc nhỏ thầy được gửi sang Pháp chữa bệnh và sống ở Paris mấy năm nên thầy rất giỏi tiếng Pháp. Thầy còn trẻ, chưa tới ba mươi; tuy nói tiếng Pháp rất âm Huế, không có tí giọng *Parisien* nào, nhưng thầy tự hào nói với học trò,

“Các anh biết ai có chữ Pháp nào không biết, đem tới đây tôi chỉ cho làm phước.”

Một hôm tôi gơ tay hỏi thầy trong tiếng Pháp “*cạn*” như trong thành ngữ *sông cạn đá mòn* là gì. Thầy đỏ mặt lúng túng và giả vờ không nghe thấy. Hai tuần sau thầy chỉ mặt tôi mắng,

“Học trò lấu cá, trong tiếng Pháp không có chữ ‘*cạn*’; muốn nói ‘*cạn*’ ta phải nói là ‘*không sâu*’ – *pas profond*.” Tôi bị mắng cũng đáng đời vì làm thầy *ốc dộc* (mắc cỡ) và mất hai tuần lễ tìm tòi.



Cô Miên Diễm dạy Anh văn khoảng dưới ba mươi tuổi và còn độc thân; cô giảng bài dịu dàng và đọc tiếng Anh bay bướm và nhẹ nhàng như đọc thơ. Anh văn là Sinh ngữ hai (ngoại ngữ phụ) nên năm nay chúng tôi mới bắt đầu “học ABC,” tức là bắt đầu học các câu chào hỏi thông thường trong bộ *Let's Learn English* (Chúng ta Học Anh ngữ) do Audrey L. Wright và James H. McGillivray biên soạn. Bộ sách này mới được dùng và thay thế bộ *L'Anglais Vivant* (Anh ngữ Sinh hoạt) cổ điển do ông bà Pierre và Madeleine Carpentier-Fialip người Pháp biên soạn mà mùa hè tôi đã lấy ra mà mò học một mình.

Học trò Huế thường học Anh văn theo lối “từ chương”: thâm nhập nhiều ngữ vựng, học thuộc quy tắc văn phạm, và tập dịch Anh-Việt và Việt-Anh để đi thi. Ngược lại, bộ *Let's Learn English* chú trọng vào lối đàm thoại hàng ngày; tác giả không những chú trọng đến cách đọc và dấu nhấn của mỗi chữ mà đặc biệt quan tâm đến *ngữ điệu*, tức là âm thanh lên xuống trong mỗi câu. Theo lời chỉ dạy của cô Miên Diễm, tôi học cách đọc các lối *phiên âm*, nhờ đó phát âm chính xác, và tập đọc cả câu theo đúng ngữ điệu giống như lối nói chuyện bình thường của người Mỹ.

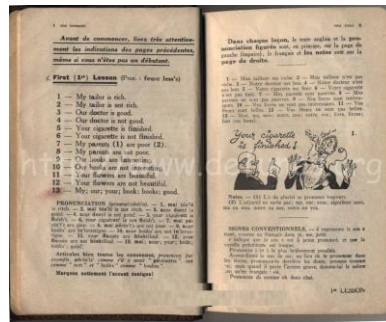
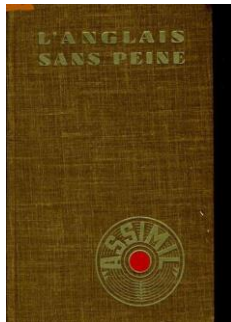


Nhịp độ học Anh văn trong lớp chậm như rùa; qua tháng thứ tư tôi đã tự học hết *Let's Learn English* cuốn II dành cho đệ nhị và bước qua cuốn *L'Anglais Sans Peine* (Học Anh văn Không Khó nhọc) của cha để lại. Cuốn này, viết cho người Pháp tự học tiếng Anh, gồm những bài học ngắn giản dị và dễ hiểu và thỉnh thoảng kèm theo một bức tranh hí họa liên quan đến bài học. Thí dụ khi học về cách nói giờ, bức tranh vẽ một bà đứng trong ga xe lửa hỏi mấy giờ xe lửa tới và ông xếp ga trả lời như tiếng còi tàu,

From two to two to two to two

(Từ hai giờ kém hai phút đến hai giờ hai phút).

Cơ hội thực hành Anh ngữ xảy đến khá bất ngờ. Một buổi chiều, vào giờ Vật lý, thầy Vật lý ra lệnh cho cả lớp đi vào phòng thí nghiệm, tòa nhà trệt luôn luôn đóng cửa im lìm nằm cạnh tường rào phía đường Phan Bội Châu. Chúng tôi chia thành nhóm bốn năm người, mỗi nhóm đứng quanh một chiếc bàn có những dụng cụ thí nghiệm không ai giải thích là gì. Đột nhiên ba thanh niên người Mỹ trạc độ hăm ba hăm bốn tuổi từ bên ngoài bước vào. Họ thuộc Đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế (International Voluntary Service hay IVS), một cơ quan tư nhân quốc tế (nhiều quốc gia) tương ứng với Đoàn Hòa bình (Peace Corps) của chính phủ Hoa Kỳ không hiện diện tại Việt nam.



Thầy Cụ dạy Anh văn lớp anh Quang hướng dẫn phái đoàn IVS, thao thao trình bày bằng tiếng Anh với giọng Huế *nặng trĩch*, và hươ tay chỉ trở mà mấy anh Mỹ ngẩn mặt ra không chịu hiểu. Đợi thầy ngừng lại, họ chia nhau đến các “bàn thí nghiệm” thăm hỏi khiến bọn học sinh nhút nhát sợ điếng người. Khi anh chàng tóc vàng có khuôn mặt thật thà như trẻ con lại gần, tôi đánh bạo,

“Chào anh. Anh ở đâu tới?”

“Chào em. Tôi là Michael từ tiểu bang Michigan, Hoa kỳ. Em tên gì?”

“Tôi là *Ba Hoa*. Anh đến đây để làm gì?” tôi tiếp tục hỏi.

“Chúng tôi tình nguyện sang đây để giúp đỡ người Việt nam.”

“Các anh sẽ làm gì để giúp trường chúng tôi?”

“Chúng tôi chưa biết và đang tìm hiểu nhu cầu của các em.”

Mọi người đứng vây quanh bàn tôi; các bạn há hốc nhìn, không tin chuyện xảy ra trước mắt. Anh chàng mắt xanh tóc nâu, hình như là trưởng toán, xen vào,

“Tôi là Daniel nhưng em cứ gọi tôi là Dan. Tôi thấy phòng thí nghiệm trường em khang trang và đầy đủ. Em vào đây học hàng tuần?”

“Hôm nay là lần đầu tiên tôi được vào đây,” tôi nhìn thấy ánh mắt giận dữ của thầy Vật lý và thầy Cụ.

“VẬY các em vào đây để làm gì?”

“Tôi không biết. Chắc để đón chào các anh!”

Một tuần sau, sau bữa cơm tối, anh Quang cười chúm chím kéo tôi ra trước hiên nhà,

“Tuần trước *mi* gây ra đại họa, biết không?”

“*Tui* làm *chi* mà mang họa?” tôi sùng sộ.

“Giáo sư trong trường ghét *mi* vì làm thầy Cụ mất thể diện. Sáng *ni* vô dạy lớp *tau*, nghe học trò xầm xì chê thầy nói tiếng Anh không bằng thằng học trò đệ tam, thầy tức mình xách cặp bỏ xuống văn phòng.”

“Thầy nói tiếng Anh Mỹ không hiểu, *răng đố hô* cho *tui*?” “*Đố hô*” là đố thừa, hay đố lối cho người khác.

“Tội nặng nhất là *mi* nói huych toẹt vụ dàn cảnh làm thí nghiệm khiến mấy thầy và ban giám hiệu *mất mặt bầu cua*.”

“*Có răng tui* nói *rứa*, ăn gian nói dối *chi mô*? Từ bữa *ni* vô lớp *tui* cầm cái *mở* chó lại là xong,” tôi ức lòng muốn khóc.

Cuối năm học tôi đứng hạng mười trong lớp 62 học sinh, dưới cả mấy đứa “vô danh tiểu tốt” chưa bao giờ tôi để mắt tới. Ngày bãi trường nghỉ hè, thằng Công siết chặt tay tôi từ giã,
“Công nhận *mi* là học trò học giỏi nhất trường Quốc Học...”

Bạn tôi chịu phục và chấp nhận tôi là... đệ nhất cao thủ. Đó là phần thưởng quý giá nhất của một năm khổ luyện miệt mài, tôi cần gì hơn?

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 16 tháng Chín, 2015

Bội Hằng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Lên đệ tam (lớp 10) trường Quốc Học, các bạn thân từ Hàm Nghi lên không đứa nào được xếp cùng lớp đệ tam B3 với tôi, duy có thằng Lực và thằng Cử, hai đứa lớn tuổi và chuyên môn phá phách, xuất hiện ở dãy bàn cuối cùng. Hai thằng này ngoài miệng bắt cần đòi nhưng về nhà chăm lo học hành như mọi người nên thi Trung Học Đệ nhất cấp đệ *Bình Thứ*, nghĩa là hạng khá.

Lớp tôi nằm trong dãy nhà trệt sát tường thành phía đường Nguyễn Trường Tộ chạy giữa Quốc Học và Đồng Khánh với hàng cây long não ở hai bên. Chuyện kể rằng, trên con đường này, có chàng nhạc sĩ hằng ngày ngẩng nhìn *một người con gái rất mong manh, đi qua những hàng cây long não lá li ti xanh mướt để đến trường*, yêu thương nàng mê mẩn nhưng không được đáp lại, và sau đó để nhớ một kỷ niệm *đáng nhớ nhưng cứ phải quên* làm ra bài hát

*... Mưa vẫn hay mưa trên hàng lá nhỏ
Buổi chiều ngồi ngắm những chuyến mưa qua
Trên bước chân em âm thầm lá đổ
Chợt hồn xanh buốt cho mình xót xa. ...*

Mỗi khi vắng bóng giáo sư và giám thị, thằng Lực và thằng Cử cùng với đồng bọn chen nhau đứng trên thành cửa sổ, khoát tay la lớn, và nham nhở chọc ghẹo các nữ sinh Đồng Khánh. Thằng Công, học giỏi và bạn thân nhất của tôi, ghét cay ghét đắng cái trò đứng cửa sổ ấy và khi hết chịu nổi nhờ tôi can ngăn. Hai thằng kia vốn hết lòng cảm phục tôi nên chịu nghe lời, nhưng có ác cảm với thằng Công ra mặt.

Cô bạn hàng xóm sát vách, Bội Hằng, lớn hơn tôi một tuổi và học đệ tứ (lớp 9) Đồng Khánh. Nàng là con thứ hai của bác Luân, kể chị Bội Ngọc; chị là người yêu của anh Quang và học đệ nhị (lớp 11) Đồng Khánh. Chuyện tương lai của anh chị đã được mẹ y ước,

"Hai đứa học hành thành tài là tui xin con nớ cho thằng của tui."

"Tui không đòi hỏi chi mô; chỉ cần ba miếng trầu với be rượu lễ ông bà là tui cho hấn về làm dâu nhà chị," bác gái hoan hỉ.

Tôi và Bội Hằng lớn lên kề bên nhau, giúp nhau học hành, chăm sóc nhau, và gần gũi gắn bó; tình cảm đậm chồi nảy nở tự nhiên mấy năm qua khiến hai đứa cảm thấy duyên phần như đã dành sẵn cho mình từ kiếp trước,

*Ai ai cũng có duyên phần,
Bôn chôn mặc kẻ, tảo tần thân ai.*

(Ca dao)

Bội Hằng hàng ngày giúp *mẹ* và chị lo việc nhà và săn sóc các em, và đồng thời rán sức học, nhất quyết cuối năm phải đậu Trung Học. Đối với nàng, thi đậu không chỉ là một thành công trên đường học vấn mà còn là một bước tiến tới mục tiêu "học hành thành tài" mẹ đề ra. Mỗi tuần

chúng tôi chỉ gặp nhau vào chiều Chủ Nhật, khi tôi sang nhà bác Luân giúp nàng học Toán Lý Hóa. Nhớ và nghĩ tới nhau thường xuyên, chúng tôi dùng hai cuốn vở học trò, hàng ngày viết thư cho nhau trong cuốn vở của mình, rồi hàng tuần đổi vở cho nhau; cuốn vở mang những câu chuyện kể nhau nghe sang tay qua lại. Nàng làm bài xong, hai đứa tiếp tục tâm tình và nhắc lại những thư trước,

“Tuần trước *Ba Hoa* viết bài thơ tiếng Anh hay dễ sợ,

*Roses are red,
Violets are blue,
Sugar is sweet,
And so are you.”*

(Hoa hồng màu đỏ,
Hoa tím màu xanh,
Đường thì ngọt,
Và em cũng thế.)

“Cô Miên Diễm dạy trong lớp đó,” tôi hãnh diện khoe.

“Cho mình *biên* ra cho mấy con bạn trong lớp đọc *ké nghen*.”

Thực ra, chúng tôi có thể gặp nhau hàng ngày: buổi sáng cùng đạp xe đến trường và chiều bãi học tôi đón nàng cùng về, như anh Quang và chị Bội Ngọc. Nhưng chỉ nghĩ tới bọn lâu la trong lớp bắt gặp hai đứa đi xe sóng đôi ngoài đường không thôi tôi cũng đã sợ điếng người. Mới vài tuần trước, thằng Công kể cuối tuần về quê ở làng Phú Lộc gần núi Túy Vân ban đêm đưa cô bồ ra đụn cát ngắm trăng, và cùng nhau đi lễ chùa Túy Vân; thằng Lực nghe được liền rêu rao,

“Thằng *cù lẩn* mới có bồ tụi bây ơi; *sướng bất chết!*” “*Sướng bất chết*” là khoái chí lắm hay thích vô cùng.

“*Hấn* đem con *tê* ra ngoài *động* rờ rẫm lú lo, ‘*may ngón tóc*’ lia lịa, khiến cho con c... *hấn* to bằng c... ngựa, phải xin tiền *mạ* mua quần *ka-ki* dày mặc bó lại cho khỏi phồng lên,”

thằng Cử, “một cây” nói tục, la oang oang; hôm ấy thằng Công mặc chiếc quần *ka-ki* mới.

“Để khỏi mất một thằng học giỏi, mình phải góp tiền mua vài chục hộp Tam Tinh Hải Cầu Bồ Thận Hoàn cho *hấn* uống,” thằng Lực cười ha hả.

Bọn kia cười hô hố làm bộ hỏi lại,

“Cái *chi* mà tá hỏa tam tinh?”

“Môn thuốc *nớ* là *them-thinh-hai-cao-bỏ...ỏ...ỏ-thơn-hoen* do nhà thuốc Võ Văn Vân dùng các món quý của hải cầu bào chế ra. Vào mùa hải cầu rập, con đực có thể đạp mái mấy chục con cái mà sức lực không hao mòn,” thằng Lực nhại giọng Anh đọc chót chát tên thuốc với dấu nhấn ở âm “*bỏ*.”

“Thuốc *nớ* chữa bệnh *chi*?”

“Tam tinh là mộng tinh, di tinh, và huyệt tinh. Mộng tinh xảy ra khi *hấn* về lại Huế mà còn nướ tiếc chuyện *tê* nên ban đêm ngủ *nằm chộ* (nằm mơ) ăn nằm với đàn bà con gái mà xuất ra, ướt quần *dơ òm*.”

Thằng Cử giảng giải; bọn học trò mới lớn chúng tôi đứng quây quần lắng nghe,

“Di tinh là bệnh xuất ra bất chợt, khi không chảy ra ướt quần; và huyệt tinh hay hoạt tinh là bệnh xuất ra dài dài. Mộng tinh là cái thùng tràn, di tinh là cái thùng lủng, và huyệt tinh là cái thùng không đáy.”

“Tại *rằng* bị di tinh và huyệt tinh?” tôi tò mò hỏi.

“Thằng bạn nối khố của *mi* tối ngày nghĩ đến chuyện dâm lạc mà *may tay* quá độ, khiến bộ thận suy yếu mà sinh bệnh.”

“*May tay*” là tiếng lóng chỉ hành động dùng tay tự thỏa mãn của bọn con trai; từ đó thằng Công bị gọi là “Vua *May Tay*,” *chết tên* suốt đời. Một hôm, sau buổi học chiều Chủ Nhật, Bội Hằng cười chúm chím,

“*Ba Hoa* biết là *bữa tê* (ngày kia) là ngày *chi* không?”

“Là thứ Ba.”

“Trật rồi, cho nói lại đó.”

“Chịu thôi, không biết *mô*!”

“*Ba Hoa* không thèm biết *chi hết*; sinh nhật người ta mà không thèm nhớ,” nàng hờn giỗi.

Nhìn nét nặt phụng phịu của Bội Hằng, tôi biết khó lòng cưỡng lại ý nàng nhưng cố cãi bướng,

“Người mình ai mà ăn sinh nhật như Tây với Đằm?”

“Mai mốt lớn, nhà mình đông người *Ba Hoa* không nhớ cũng được, nhưng *chừ* là lần đầu tiên,” nàng nắm tay tôi.

“Ờ, Bội Hằng *ưng chi*?” tôi xúc động nghẹn ngào vì câu nói dễ thương của nàng.

“Trưa học ra *Ba Hoa* qua trường đón mình rồi hai đứa lên *Ga* ăn bánh bèo, bánh bột lọc, và chè đậu xanh.” Toàn mấy món ăn khoái khẩu của tôi; “*Ga*” là *Ga Huế*, ga xe lửa nằm ở cuối đường Lê Thái Tổ.

“Nhưng...”

“Đừng lo! *Mạ* cho tiền để hai đứa đi ăn; bác gái nói *Ba Hoa* là ‘thợ ăn’ nên đưa thêm tiền để ‘*hấn* ăn cho đã thèm’ nữa,” nàng bụm miệng cười.

Sáng thứ Ba, cô giáo Địa lý bị *đau* (ốm) nên lớp tôi bất ngờ được nghỉ hai giờ sau. Bọn lâu la lên lăng Minh Mạng chơi và rủ tôi đi theo. Tôi miễn cưỡng nhận lời vì từ chối sẽ *lòi đuôi* có hẹn với bồ, nhưng lăng ở xa, thế nào cũng về trễ.

Trên đường về nhìn mặt trời đã đi qua khỏi đỉnh đầu, tôi cầu mong Bội Hằng thấy tôi trễ hẹn, không đợi mà bỏ về. Đạp xe như bay tới trước trường Đồng Khánh, tôi chạy vào căn nhà nhỏ vuông vức dùng làm trạm gác ở bên phải cổng trường quét vôi hồng pha sắc tím. Bội Hằng kiên nhẫn ngồi đợi; thấy tôi đến, nàng lấy khăn *mù-soa* đưa cho tôi,

“*Tội chưa tề*! Mồ hôi mồ kê ướt cả mặt *Ba Hoa*. Mình ngồi *trong im* đợi mấy cũng được, *gấp đương chi*.” “*Trong im*” là trong bóng dâm hay bóng mát che khuất ánh sáng mặt trời.

“*Tui* đói bụng rồi. *Tại* mình lên *Ga* tìm cái *chi* ăn *hỉ*?” tôi yên lòng vì nàng không giận.

“Từ hồi tới *chừ* mình chưa đi ăn ngoài *một chắc* nên *nõ* biết kêu đồ ăn *mô*,” nàng cười e thẹn; “*một chắc*” là một mình.

“*Tui* cũng *rứa*! Tới đó hỏi *họ*; lo *chi*!”

Sau bữa ăn mừng sinh nhật Bội Hằng, mỗi ngày hai đứa cùng nhau đạp xe đi học và về nhà. Để nàng vui lòng, tôi sẵn lòng bị chế nhạo – bị gọi bằng tên gì cũng chịu. Thăng Lực và thăng Cử thấy hết, nhưng bọn quý sứ để tôi yên.

* * *

Bác Luân là công chức chuyên nghiệp. Hai năm trước, bác được bổ nhiệm làm Đại diện Hành chánh ở Nam Đông, một địa điểm miền núi cách Huế chừng 50 cây số về hướng tây nam. Được thành lập khoảng cuối thập niên 1950, Nam Đông là một “đơn vị hành chánh” thuộc tỉnh Thừa Thiên, thay vì phường hay quận vì ban đầu dân số người Kinh chỉ gồm ông Đại diện Hành chánh và một nhóm nhân viên trực thuộc, cộng với trung đội Bảo An Đoàn trấn đóng.

Trong tuần bác ở Nam Đông làm việc và cuối tuần về Huế với gia đình. Đôi khi bận công việc, bác không về thì bác gái hay hai chị em Bội Hằng lên đó nấu nướng và dọn dẹp phòng ốc cho bác. Mỗi lần đi Nam Đông về, bác gái mang về biếu mẹ các thổ sản miền núi như bắp trồng trong rẫy người Thượng, măng mây, và mật ong rừng.

Chiều thứ Sáu hai tuần sau Tết Nguyên Đán, bác Luân cho người đón hai cô con gái lên Nam Đông ở lại cuối tuần. Chiều Chủ Nhật vắng nàng, tôi đạp xe lang thang, quen đường trở lại ngôi trường cũ là Hàm Nghi, rồi theo *đường phượng bay* là đường Đoàn thị Điểm vào thăm Đại Nội; các cung đình miếu vũ xưa nếu không bị tàn phá còn trơ nền gạch thì đóng cửa im lìm không cho phép vào xem. Trơ trọi một mình, tôi nhớ Bội Hằng vô kể.

Nắng chiều vừa tắt lúc tôi về đến nhà. Mẹ khóc thút thít, và anh Quang ngồi bất động, mắt thất thần nhìn vào khoảng không. Tôi không dám mở lời, đi tìm chị ở để hỏi chuyện; hình như chị sang nhà bác Luân. Tôi gặp thăng Cử đứng ở phòng khách nhà bác, mắt đỏ hoe. Tôi hỏi ngay,

“Mi làm chi ở đây?”

“*Tau* là anh chú bác của mấy đứa *ni*. Nghe tin dữ, *tau* với ba *tau* vội vàng lên đây.” Nhà nó ở dưới làng Tiên Nộn, quá Bao Vinh là nơi sông Đông Ba đổ ra sông Hương trở lại.

“Có chuyện *chi*? Bội Hằng *mô* rồi?” tôi hoảng hốt la lên.

“*Túi* (tối) qua, Việt Cộng tấn công đồn lính và văn phòng hành chánh. Chú Luân bị *hấn* sát hại. Đây là lần đầu tiên bọn *hấn* đánh phá tỉnh mình,” nó nói mà như khóc. Chiến tranh đã bắt đầu ở tỉnh nhà.

“Chị Bội Ngọc và...” tôi nóng lòng.

“*Họ* nói hai đứa *nớ* chạy lạc vô rừng mất tích, nhưng ai cũng biết bị bọn *hấn* bắt đi, không có ngày về.”

Tôi ôm mặt... Cả vũ trụ sụp đổ trước mắt tôi... Bội Hằng tội tình gì mà bọn người tàn ác kia bắt đi, cướp đoạt ước mơ của chúng tôi – “mai mốt lớn, nhà đông người”? Tôi lảo đảo bước ra, trên tay cầm chiếc khăn *mù-soa* bên góc thêu hai chữ BH. Ước chi tôi khóc được lúc này...

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Chín, 2015

Ngón Tay Cái Nhỏ Bé

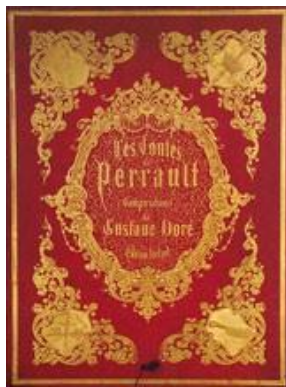
Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Trong các tiểu thuyết tình cảm xã hội đã đọc, tôi thích nhất cuốn *Người Anh Cả* của Lê văn Trương kể chuyện anh Vượng, cha mẹ mất sớm, một mình dẫn dắt nuôi nấng đàn em. Anh làm thư ký sở tư và phải giặt gấu vá vai để lo cho em ăn học và cửa nhà đầy đủ. Về sau các em đều thành đạt và leo lên thang danh vọng. Về già anh lấy một ả cô đầu, sống lẻ loi già yếu, và bị các em xa lánh, nhưng không lấy làm oán giận mà vẫn rộng rãi đối với em.

So với anh Vượng trong truyện, anh Quang của tôi đáng phục hơn nhiều. Ngày mẹ đưa ba anh em tôi (lúc ấy chỉ mới có ba thằng con trai đầu) di cư từ làng quê ngoài Quảng Bình vào Nam, anh mới mười tuổi mà đã phải gánh vác trách nhiệm người đàn ông trong gia đình. Anh giúp mẹ quyết định những chuyện quan trọng nhất, từ nơi ăn chốn ở đến việc học hành tương lai của các em, và hàng ngày dìu dắt và bảo vệ các em; trong khi cha như một người khách lạ, lâu lâu xuất hiện, theo mẹ nã tiền và gây sóng gió, xong rồi đi.

Thấy mình học trễ, anh quyết định *bằng* không học đệ thất (lớp 6) và lại bị *đau* (ốm) gần hai tháng vào cuối năm đệ tứ (lớp 9) nên – anh nói – anh thiếu căn bản và học hành chật vật. Nhưng chị Ngọc Liên, bạn học cùng lớp đệ tam (lớp 10) và đệ nhị (lớp 11) với anh ở trường Bán Công, lại tiết lộ,

“Anh học giỏi nhất trường! Từ thầy hiệu trưởng tới các giáo sư ai cũng khen anh thông minh, hiểu rộng, và giỏi ứng biến; anh nhỏ tuổi nhất lớp, *bé hột tiêu*, nên được thầy phong là *Le Petit Poucet*.”



Le Petit Poucet hay *Chú Bé Tí Hon* (dịch sát nghĩa là “Ngón Tay Cái Nhỏ Bé”) trong một truyện cổ tích cổ điển của Charles Perrault (1628-1703) là con út trong gia đình bảy người con của người thợ rừng rất nghèo khó. Lúc mới sinh ra chỉ lớn bằng ngón tay cái nên có tên là *Chú Bé Tí Hon*; cậu là đứa bé tinh tế, thông minh, và tài trí. Nhờ vậy cậu đưa các anh về nhà khi bị bố mẹ bỏ rơi trong rừng sâu; lần sau không tìm được đường về mà đi lạc vào nhà gã yêu tinh, cậu cứu các

anh khỏi bị gã ăn thịt; và khi cùng các anh chạy trốn, cậu lấy được đôi hài bầy dậm và tài sản của gã và đưa các anh an toàn trở về trong sự hân hoan chào đón của mọi người.

Cái danh hiệu ấy thực hợp với anh tôi; mới nghe lần đầu, tôi ngạc nhiên,

“Anh học giỏi *rửa* mà có thềm cho ai biết *mô*!”

“Chị nghe anh khen *Ba Hoa* hoài, nhưng chị nghĩ hai anh em học giỏi như nhau; mỗi người một vẻ,” chị Ngọc Liên khéo léo trả lời.

“Nói *rửa* là Liên chưa biết thằng *Ba Hoa* *ni*. Ngoài mặt ngó *hắn* ngu ngu *rửa*, mà ngó kỹ thì *hắn*... ngu thiệt – ngu hơn Albert Einstein!” anh cười lớn.

“Đừng cho *tui* đi máy bay giấy. Có *mấy* tiền để dành *tui* mua truyện hết rồi!” Cứ mỗi lần anh khen thì y như rằng anh sẽ gạ mượn tiền của thằng em nghèo mặt rệp.

“*Biết* rồi, *khổ* lắm, *nói* *mãi*! *Mi* là thằng *kẹo* kéo số một trên đời...”

Thực vậy, trong nhà ai cũng cho tôi là đứa keo kiệt; mẹ nói, “không ai ăn được của thằng *nó* một *trụ*,” vì tôi rất ít khi có tiền mà truyện và sách (không phải sách học) thì luôn luôn cần mua nên nhất quyết *đồng tiền liền khúc ruột*, không *lòi ra* tiêu vào chuyện khác bao giờ. Mẹ nói chị Ngọc Liên tuổi Mùi, lớn hơn anh Quang một tuổi, và con nhà trâm anh thế phiệt ở cổ đô. Từ trên Kim Long, mỗi chiều Chủ Nhật đạp xe xuống nhà thăm, chị thường nói chuyện với mẹ nhiều hơn với anh Quang. Vẻ đẹp thùy mị, cử chỉ dịu dàng, và tính nết đoan trang của chị đã chinh phục được lòng mẹ; mẹ nói với cả nhà,

“Tau chấm con *ni* rồi. Được cả người cả nết, công dung ngôn hạnh vẹn toàn!”

* * *

Đậu Tú tài Bán phần tức là Tú tài I, anh Quang được nhận vào học đệ nhất trường Quốc Học. Lần đầu tiên học trường công, chàng *Le Petit Poucet* bực bội vì phải tuân theo các luật lệ cứng nhắc trong truyền thống lâu đời của trường, điển hình là các chỉ thị cho học sinh thầy Huy lập đi lập lại sau mỗi buổi lễ chào cờ hàng tuần. Học trò kháo nhau thầy *ác để sợ* (khó tính vô cùng), rất ghét học trò mang guốc hay dép Nhật (dép có quai xẻ) hay mang giày không *tốt* (vớ), và thường *hành* kẻ vi phạm *te tua*.

Một hôm gần Tết, trời mưa dầm, đôi *xăng đan* của tôi thấm nước cả tuần lễ. Sáng thứ Hai đi học, xỏ chân vào thì hỡi ôi, keo dán các quai da vào đế của chiếc giày bên phải rã ra, không còn mang được nữa. Quýnh quáng sợ trễ giờ học, tôi mang đôi guốc đi ở nhà đến lớp (thực ra, đi bộ hay đạp xe đi học vào mùa mưa thì guốc là loại giày dép tiện lợi nhất). Hôm ấy, các thầy trên văn phòng xuống “*bổ ráp*” kiểm soát đồng phục (áo trắng quần trắng để chào cờ), huy hiệu thêu trên túi áo, và giày dép với mục tiêu “*càn quét*” là các lớp đệ tam phần lớn gồm học sinh mới và nhỏ tuổi nhất trường. Thầy Huy chỉ huy cuộc “*tảo thanh*,” tóm được hơn một chục thằng điệu lên văn phòng.

Hầu hết “*phạm nhân*,” sau khi bị cảnh cáo qua loa, đều bị đuổi về nhà thay quần áo hay giày dép. Có lẽ vì nhỏ nhất bọn, tôi bị thầy giữ lại để tra vấn,

“*Mi* cả gan không tuân theo kỷ luật của trường...”

“Thưa thầy, đi guốc thì tội lệ *chi*?” tôi cứng đầu như thường lệ.

“Đi guốc kêu ồn ào, không cho người ta học...”

“Nhưng guốc của con không kêu,” tôi lật đáy guốc lên cho thầy xem hai miếng vỏ xe đóng dưới đế cho khỏi khua vang khi bước đi.

“*Mi* cứng đầu... Về kêu cha *mi* tới rồi mới cho học lại.”

“Thưa thầy, cha con đi *mần* xa. Anh con *chừ* học ở đệ nhất B4, thầy kêu anh thay cha con được không?”

Không muốn cho mẹ biết, tôi xuống nước năn nỉ thầy. Anh Quang tới, anh cũng mang đôi guốc trong chân. Thầy càng giận dữ,

“Không có cha tụi *mi* tới xin lỗi, *tau* đuổi học cả hai thằng...”

Ra khỏi văn phòng, anh trấn an tôi,

“Vô lớp ngồi học đi; mọi chuyện để *tau* lo. Mẹ không biết *mô!*”

Hai tuần sau, không thấy cha phải bỏ công việc ở Sai gòn về và cũng không thấy thầy Huy đến lớp hành tội, tôi đánh bạo hỏi anh Quang. Anh đắc ý cười chúm chím,

“*Mi* mắc *tau* hai chục đồng. Khi *mô* mẹ thưởng tiền, phải trả lại *tau*.”

“Tiền *chi* rứa?” Dễ dãi gì mà moi được tiền tôi!

“Đòi kêu cha tới mà cha không tới được thì *tau* ra trước cổng trường thuê ông đập xích lô, trả hai chục đồng biểu ông học thuộc lòng mấy câu rồi dắt vô xin lỗi.”

“Không lý anh gạt được ông *nớ* dễ dàng *rứa?*”

“*Mô* có... Dễ dàng thì cần *chi* tới anh *mi?*”

Ngay khi anh Quang và ông xích lô ra khỏi cửa, thầy xem lại hồ sơ cá nhân của anh em tôi và nhận ra mình bị lừa. Thầy gọi giật anh lại và đập bàn la lớn,

“*Mi* gan cóc tía, dám gạt cả *tau*...”

“Thưa thầy, nếu cha tới đây thì không những em con bị đòn đau mà không khéo thầy cũng bị phiền phức. Không tin, thầy coi lại...” anh bình tĩnh thưa.

“À... à... *mi* dọa *tau*...” nhưng giọng nói của thầy dịu lại.

“Thầy coi chức vụ và nhiệm sở của cha con và sinh quán gia đình con... Cha là chức sắc trong Hội Đồng Hương Quảng Bình, quê của cụ Ngô; thầy biết...” anh bỏ dở câu nói nửa chừng, để thầy tự suy diễn những “bí mật” không ghi trong hồ sơ nhưng trong tình thế chính trị hiện tại có khả năng gây nguy hại cho địa vị của thầy.

“Thôi được! Nghĩ tình cha *mi*, *tau* tha cho hai anh em *mi*...” thầy xếp hồ sơ lại và cho phép anh về lớp.

Cuối năm, anh Quang đậu Tú tài Toàn phần hay Tú tài II; chị Ngọc Liên cũng đậu. Mẹ mở một buổi tiệc đãi bà con họ hàng mừng anh thi đậu. Tiệc xong, khách khứa về hết, chỉ còn cậu Há, mẹ gọi anh ngồi vào bàn và mở lời,

“Con là chim đầu đàn trong gia đình và người đầu tiên trong họ đậu bằng Toàn phần; phải tính chuyện tương lai...”

“Chị đã nhờ *tau* viết thư bàn với cha *mi* và hỏi ý kiến nhiều người khác. Ai cũng *khuyên mi* học lên đại học và chọn một ngành có thu nhập khá để phụ giúp cha mẹ nuôi dạy *em tam*,” cậu Há tiếp lời mẹ; người miền Trung nói “*em tam*” để chỉ chung các em trong nhà.

“Dạ...” anh ngần ngừ.

“Ở Huế *chừ* thiếu nhà thuốc Tây, *mi* học Dược là *đánh nắm chí tay*. Điều kiện nhập học của Đại học Dược khoa Sài Gòn tương đối dễ dàng: chỉ cần có một dược phòng nhận làm *stage* trong lúc học. Chú con Ngọc Liên là dược sĩ có nhà thuốc lớn ở ngay đường Lê Lợi Sài Gòn, ông *nớ* sẵn sàng thu nhận.”

Cậu xoa tay bằng lòng; “*đánh nắm chí tay*” là chắc ăn lắm, và “*stage*” tiếng Pháp là thời kỳ tập sự hay tập nghề. Anh cố cầm nước mắt,

“Cám ơn mẹ và cậu đã khổ công lo cho con. Nhưng ý con đã quyết...”

“Con tính *răng*?” mẹ thất vọng, nhưng biết tính của anh nên không hề ngạc nhiên.

“Chín năm qua, từ ngày bước chân lên tàu di cư vô Nam, con đã nuôi mộng cầm quân trở về giải phóng quê hương và trả thù cho nội. Dưới chiêu bài cải cách ruộng đất, *tụi hần* đã dã man đầu tở và giết chết nội để cướp đoạt tài sản. Nợ nước, thù nhà; trai thời loạn làm *răng* yện phận sống đời dân sự bình thường?”

Anh đưa ra tờ lệnh gọi nhập ngũ,

“Con đã hoàn tất thủ tục khám sức khỏe và đã được nhận vô trường Võ bị Quốc gia. Thứ Hai con trình diện Tiểu khu Thừa Thiên, và họ sẽ cung cấp phương tiện di chuyển lên Đà Lạt.”

* * *

Cuối hè năm 1970, chàng cựu sinh viên sĩ quan Võ bị Quốc gia khóa 20 mang cấp bậc đại úy chỉ huy toán thám báo gồm “năm thằng đệ tử” chuyên hoạt động trong lòng địch ở vùng Cao Nguyên với nhiệm vụ dò tìm căn cứ đóng quân, kho hậu cần, và đường chuyển quân của Cộng quân để báo cáo về cho đại quân. Các anh có thể *tàng hình*, tức là “nằm tại chỗ” chỉ điểm máy bay oanh tạc hay hỗ trợ các đơn vị chủ lực tấn công địch; *làm phép*, tìm cách phá hủy kho hậu cần hay hoạt động quấy rối như phục kích nhỏ lẻ, bắn sê, và gài mìn bẫy; *độn thổ*, tìm đường rút lui về căn cứ an toàn; hay *thăng thiên*, khi gặp may tìm được địa điểm và thời điểm thuận lợi cho trực thăng đáp xuống “bốc” về.

Người ta nói xác suất tử vong của người lính thám báo cao hơn năm mươi phần trăm trong năm đầu tiên. Anh Quang đã sống sót qua hết năm thứ hai, và rốt cuộc tin dữ đến. Sau khi hoàn thành sứ mạng, toán thám báo bất ngờ bị địch phát giác và sát hại trên đường về. Mẹ khóc khản tiếng bên chiếc mũ gấn lon thiếu tá vinh thăng tại mặt trận đặt cạnh tấm hình trên quan tài phủ cờ của anh.

Tiền đưa anh lần cuối vào một buổi sáng đầu thu lạnh lạnh của núi rừng Ban Mê Thuột, chị Ngọc Liên – chị dâu tôi – rũ người khóc sướt mướt trên vai tôi. Ra đi để lại ba đứa con thơ dại, anh mãi mãi là người anh hùng “*Ngón Tay Cái Nhỏ Bé*” của chị. Và suốt đời tôi.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 14 tháng Mười, 2015

Ngày Hè 63

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Năm nay mùa hè đến sớm hơn mọi năm. Mới đầu tháng Ba, trời xứ Huế đã chia tay với cơn mưa phùn gió bắc và đón những đợt gió Lào nóng tràn về hong chín trái cây sau vườn. Những trái cam, quýt, bưởi, và thanh trà đang còn non, nhưng vải đã vào mùa và nhãn bắt đầu được cho vào lồng để dưỡng ngọt. Những cánh sen trắng nõn nà lú lên khỏi mặt hồ (tức là hào nước quanh thành), rập rình giữa thảm lá xanh, và đong đưa với bóng nước. Những nụ hoa đỏ nhú ra mời gọi tiếng ve mùa hè trên hàng cây phượng vĩ dọc theo đường đến trường.

Năm đệ tam (lớp 10) “ăn chơi” sắp chấm dứt, tôi háo hức nghĩ tới những buổi chiều sẽ đạp xe đi lang thang trên những con đường rợp bóng cây trong Thành Nội, xem các nhà vườn đầy cây ăn trái trên Kim Long, viếng chùa Thiên Mục cổ kính, và ghé thăm lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn với phong cảnh hữu tình và chạm khắc tinh xảo hòa hợp với thiên nhiên. Hay ra sông Đào trước nhà bơi lội chơi đùa thỏa thuê với lũ bạn trong xóm, và đôi khi bám theo ghe chèo ngược dòng lên tới cầu Đông Ba rồi thả mình theo dòng nước trở về bến cũ. Hoặc buổi tối đàn đúm với bọn thằng Miên, thằng Hương để “chửi” nhau, nghĩa là tìm khuyết điểm của bạn để “hạ” hay sỉ mạ, cười cợt hồn nhiên và thoải mái, và sau đó quên đi tất cả. Ngày hè rong chơi của tôi hầu như bất tận; mẹ “kể như để *luống* cái thằng *luông tuồng* và lóc lách *nớ*” (lời của mẹ), ít khi chất vấn tôi đi đâu hay làm gì, và để dành phần cơm nếu tôi không về nhà đúng bữa.

Nhưng tôi sẽ không được gặp thằng Công, bạn thân nhất học cùng lớp, để giờ ra chơi cùng nhau đi quanh sân trường tranh luận về các bài toán. Nó hơn tôi một tuổi, quê ở Phú Lộc gần núi Túy Vân, sống ở Huế từ lúc sinh ra, và được nung đúc thành một phật tử thuần thành. Cha nó làm công chức trong Phong trào Cách mạng Quốc gia và hay trò chuyện và rất gần gũi với con. Cha tôi là một sĩ quan cao cấp đóng đồn ở Ban Mê Thuột; chẳng mấy khi tôi có dịp gặp ông.

Mùa hè sẽ không có những buổi chiều sau giờ học tôi theo thằng Công lên chùa học đạo với thầy. Nó say mê nghiên cứu Phật pháp; tôi hay chất vấn làm sao đạo Phật áp dụng vào đời với những câu hỏi tưởng là *hắc búa* được thầy từ tốn giải thích đến khi không còn thắc mắc. Ngày bãi trường nghỉ hè chúng tôi đến học buổi cuối cùng và tỏ vẻ bịn rịn, thầy khuyên,

“Phật dạy: *Các pháp do duyên*. ‘Các pháp’ là mọi trường hợp hay mọi điều xảy ra trên đời, và ‘duyen’ là điều kiện chín muồi theo nhân quả. Nghĩa là mọi việc đã an bài sẵn, thầy trò mình có ‘duyen’ thì sẽ gặp lại, *lo chi!*”

Thấy tôi có vẻ nghi ngờ, thầy cười – nụ cười bao dung và hiền hòa,

“Thầy biết, chưa có bằng chứng rõ ràng thì con chưa tin, phải không?”

“Dạ...” tôi bẽn lẽn thú nhận.

“Thầy đã nghĩ ra cách chứng minh bằng toán học. Lấy thí dụ là một *kết cuộc* (outcome) đơn giản là *bữa ni* thầy trò mình gặp nhau học hỏi Phật pháp. Để đưa tới kết cuộc *nớ*, phải có ít nhất là mười *biến cố* (event) chính xảy ra liên tiếp như một đoạn dây xích, thiếu một mắt hay

không đúng thứ tự sẽ không thành. Thí dụ như con thi đậu Trung Học, vô trường Quốc Học, được xếp ngồi cạnh Công trong lớp, làm bạn với *hấn*, theo *hấn* lên chùa gặp thầy, v.v, rồi mới tới *bữa ni*. Đó là thầy lược giản hàng triệu lần, và mặc dù mỗi biến cố còn tùy thuộc vào hàng triệu hay hàng tỷ biến cố khác, nhưng để giản lược tối đa, hãy giả sử các biến cố ấy *độc lập* (independent), xảy ra hoàn toàn *tình cờ* (random), và gọi lần lượt là A, B, C, v.v.”

Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng cũng hiểu ra,

“*Xác suất* (probability) để một biến cố khác biệt nào đó xảy ra hoàn toàn tình cờ cho một người trên địa cầu vào một lúc nào đó là một trên ba tỷ (1 trên 3,000,000,000, viết theo ký hiệu khoa học là $3 \times 1.0E09$, nghĩa là có chín con số không theo sau số 3) vì ba tỷ là dân số của toàn thế giới năm 1960, phải không thầy?”

“Đúng rồi! Xác suất để A xảy ra là $1/3 \times 1.0E09$, nhưng để A và B cùng xảy ra theo thứ tự ấy thì xác suất là $1/9 \times 1.0E18$, và xác suất để cả A, B, và C cùng xảy ra theo thứ tự ấy là $1/27 \times 1.0E27$, v.v. Đến biến cố thứ mười, xác suất để có kết cục như đã xảy ra là $1/5.905 \times 1.0E94$, tức là một trên 5905... với thêm chín mươi mốt con số không theo sau.”

“*Thiệt* không ngờ con số dưới mẫu số to như *rứa!*”

“To không thể tưởng tượng nổi! Người ta ước lượng số nguyên tử trong vũ trụ là $1.0E80$, con số $5.905 \times 1.0E94$ còn cao hơn số nguyên tử ấy nhân với số giây đồng hồ trong 18 triệu năm. Với xác suất ấy, một kết cục đơn giản như *bữa ni* không thể xảy ra tình cờ mà phải có một sự xếp đặt nào đó.”

Trên đường về, tôi le lưỡi thán phục,

“Thầy đi tu mà *răng* giỏi toán để *sợ rứa?*”

“Chuyện, cử nhân toán Đại học Sorbonne bên Tây về mà! Thầy là bạn thân của ông *rốp tau* từ hồi còn để chỏm,” thằng Công hãnh diện đáp; học trò Huế nói “*ông rốp*” để chỉ cha mình, tương tự như “ông *bô*” hay “ông già.”

* * *

Đối với dân Huế, Phật đản là ngày lễ trọng đại nhất trong năm, trước cử hành vào ngày mồng tám tháng Tư Âm lịch, nhưng Đại hội Phật giáo Thế giới lần thứ sáu họp tại Nam Vang, Campuchia năm 1960 ấn định lại là ngày rằm tháng Tư Âm lịch. Mùa Phật đản, trong gia đình Phật tử các em *oanh vũ* (từ năm đến mười ba tuổi) tíu tít tập hát và học kinh, trong khi các anh chị *thiếu, thanh, và huynh trưởng* trang trí xe hoa của *khuôn hội* để dự lễ chùa Diệu Đế và diễu hành qua phố lên chùa Từ Đàm. Trong xóm tôi, bà con góp công góp của trang trí mặt tiền cửa tiệm bán đồ phụ tùng và sửa xe đạp ở góc đường vào Cửa Mang Cá thành căn phòng trưng bày hoạt cảnh Đức Phật đản sanh trong vườn Lâm Tỳ Ni.

Ngày Phật đản tôi thức dậy thật sớm, lên chùa Diệu Đế dự lễ, và theo đoàn xe hoa rước lễ lên chùa Từ Đàm. Dưới ánh nắng chói chang, tôi đứng trong sân chùa Từ Đàm nghe bài diễn văn của Thượng tọa chủ trì và dự lễ Phật đản chính thức cho đến gần hai giờ chiều. Buổi tối, cùng các bạn Phật tử tụ tập trước đài phát thanh Huế ở chân cầu Trường Tiền để chờ nghe bài diễn văn Thượng tọa, tôi chứng kiến biến động tại đây từ đầu đến cuối. Sau đó chúng tôi biểu tình phản đối trên cầu Trường Tiền; thằng Lực bạn cùng lớp với tôi ở Quốc Học, lớn tuổi và to con

nhất lớp, gương cao lá cờ lá Phật giáo và hùng dũng đi đầu; và tôi đi sau lưng nó và đứng giáp mặt với vị sĩ quan chính phủ phái tới điều đình. Hai giờ sáng, tôi về đến nhà; mẹ vẫn còn thức và chong đèn đợi cửa.

Vì những điều tai nghe mắt thấy không phù hợp với những điều “mấy thầy” tuyên bố hay chính phủ thông tin qua đài phát thanh, trong những ngày kế tiếp tôi gân cổ cãi nhau với người lớn về những sự kiện thực sự xảy ra và nhiều lần bị đe dọa. Lo sợ cho sự an toàn của thằng bé, mẹ đi tới một quyết định quyết liệt: đưa gia đình vào Ban Mê Thuột ở với cha.

Trước khi rời Huế, tôi lên nhà thằng Công trên Nam Giao từ giã; *mẹ* nó nói nó đi chùa. Lên chùa gặp thầy, tôi tức tối kể lại những chuyện đã trông thấy,

“Mấy ông *to* trong chính phủ nói láo đã đành, mấy thầy đạo cao đức trọng *răng* không nói thật?”

“Cõi đời *sắc sắc không không. Sắc tức thị không, không tức thị sắc*; tất cả hình trạng trong vũ trụ đều là bào ảnh hay ảo mộng, và không có gì là thật. Điều con thấy chưa chắc là thật,” thầy chậm rãi nói.

“Bạch thầy, nhưng...”

“Để thầy lấy thí dụ. Con ngồi trong căn phòng kín mít tối đen, trên trần có một lỗ nhỏ li ti để ánh sáng lọt vào, và con nhìn thấy với đôi mắt mình. Tia sáng đó, thay đổi hay biến mất tùy lúc trong ngày, tự nó có phải là chuyện thực sự xảy ra bên ngoài căn phòng hay không?”

Thầy đợi cho tôi dịu lại rồi tiếp,

“Phương chi bên ngoài là cả vũ trụ thành hoại theo *nhân quả*, duyên kiếp truyền nối luôn do *nhân* đã tạo ở đời trước để hưởng hoặc chịu *quả* ở đời sau. Những sự kiện xảy ra ở đài phát thanh chỉ là khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi trong biển chuyển dài lâu đó, làm sao con biết đó là sự thật?”

“Xin thầy chỉ dạy...”

“Tôn giáo Tây phương cực kỳ chú trọng việc bành trướng và thu nạp thêm tín đồ nên từ thế kỷ 16 đã gây ra xung đột khi các giáo sĩ Dòng Tên từ Âu châu sang nước mình truyền giáo. Chúa Nguyễn Ánh cầu viện người Pháp mang quân sang giúp đánh nhà Tây sơn, cũng về nhà hai lực lượng hùng mạnh: lính Pháp ôm sủng ống tối tân đi trước, và cố đạo cầm thánh kinh theo sau. Sự cấm đạo của vua Minh Mạng và các vua đời sau hiến cho người Pháp cái cơ tiện lợi nhất để xâm chiếm Việt nam, và Giáo hội Tây phương nhờ đó thiết lập cơ sở vững vàng và phát triển quyền bính. Trong một trăm năm đô hộ của người Pháp và mấy năm gần đây, *Gia tô* hay *Ki tô giáo* (đạo của Ngài Christ) đã biến thành *Thiên Chúa giáo* (Ngài Christ là chúa Trời của mọi người) và *Công giáo* (tôn giáo của quốc gia), điển hình là đại diện Giáo hội tại Sài gòn là niên trưởng ngoại giao đoàn, đứng trên hơn sáu mươi đại sứ của các nước công nhận Việt nam Cộng hòa.”

Thằng Công nãy giờ lắng nghe, lên tiếng,

“Bạch thầy, ngoài mặt thì *rứa* mà họ có mấy người theo *mô*...”

“*Tại rứa* mà chính quyền thi hành các biện pháp cưỡng ép như quân nhân công chức muốn được thăng thưởng hay giữ chức vụ quan trọng thì gia đình phải theo đạo và con cái phải

học trường đạo, trong quân đội chỉ có cha tuyên úy mặc dù phần lớn binh sĩ theo đạo Phật, và gây khó khăn ngăn cản tín đồ Phật giáo hành đạo.”

“*Té ra là hình thức cấm đạo đảo ngược!*” tôi bắt đầu hiểu.

“Khi người Pháp rút lui, các thế lực quốc tế đưa *Cụ Ngô* về nước cầm quyền vì *Cụ* là một giải pháp chính trị thích hợp và cũng là phương tiện hoàn hảo để đưa quốc gia vào tôn giáo phương Tây. Cử *Đức Cha* anh *Cụ* về cai quản địa phận Huế, cứ địa đầu não của Phật giáo Việt nam, có lẽ họ tin *Cụ* sẽ thành công trong việc tạo dựng một chế độ tương tự như các nước Âu châu vào thế kỷ thứ 16 và 17, thời kỳ quyền tôn lập vua chúa nằm trong tay Giáo hội. Nhất là dưới thời vua Louis XIII (1610–1643) của Pháp, các hồng y làm thủ tướng hay ‘quốc sư’ mà nổi tiếng nhất là Hồng y Richelieu (1585-1642).”

“Có phải vị hồng y *nớ* là nhân vật Alexandre Dumas mô tả trong truyện *Les Trois Mousquetaires* (Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ)?”

Thầy không trả lời, đặt tay trên vai tôi, và cười nhẹ,

“Thầy kể chuyện này để con thấy mình may mắn...”

“Bạch thầy, vì *răng?*” buồn vì sắp xa bạn, thầy Công ngạc nhiên.

“Sự kiện xảy ra đêm Phật đản chỉ là bắt đầu của ‘cái’ *quả* gây nên từ ‘cái’ *nhân* đã mọc mầm, sinh sôi nảy nở, và biến hóa hơn bốn trăm năm qua. Cơ pháp nạn mới bắt đầu và sẽ còn dài lâu; nhờ bà mẹ sáng suốt, *Ba Hoa* sẽ được xa lánh cõi hỗn loạn và yên tâm học hành.”

“Con cảm ơn thầy,” tôi chấp tay cúi đầu từ giã.

Tôi rời Huế một buổi sớm mai sương mù còn phủ dày mặt sông; hàng phượng vĩ nở hoa đỏ rực bên đường. Tôi nhìn cầu Trường Tiền và dòng sông Hương lần cuối. Đó là hình ảnh của thành phố Huế ghi vào tâm khảm, vì sau đó tôi không có dịp trở lại đất cố đô – cho đến bốn mươi hai năm sau.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 28 tháng Mười, 2015

Bùn Đỏ Bụi Hồng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối tháng Năm 1963, mẹ đưa anh em tôi vào Ban Mê Thuật (BMT) ở với cha. Anh Quang giúp mẹ và các em dọn nhà, ở lại một tuần, và sau đó trở về Huế trông coi nhà cửa và chuẩn bị thi Tú tài Toàn phần hay Tú tài II. Cao nguyên bắt đầu đi vào mùa mưa; buổi chiều trời mưa như cầm chính đổ và kéo dài đến khuya hay rá rích đến hôm sau. Mưa rùng rồ ào ào trên những rặng cây cao, và nước mưa nhuộm màu đất đỏ tuôn trào trên mặt đường. Sau cơn mưa, đường sá trở nên lầy lội, bùn đỏ dẻo như đất sét dính chặt vào giày dép của khách bộ hành, và nhà nào cũng có cái bàn cạo đóng trên mặt đất trước nhà để cạo bùn trước khi vào nhà.

Cha ở trong cư xá sĩ quan gồm chừng hai chục căn nhà xây từng cặp chung vách dọc theo đường Lê Lợi và quanh qua đường Đinh Tiên Hoàng. Hàng xóm sát vách của cha là gia đình dưỡng Đan và o Năm; o là em họ của cha. Mới hăm tám tuổi, dưỡng là vị trung tá trẻ tuổi nhất của Quân đội và giữ chức vụ tham mưu trưởng Sư đoàn XX Bộ binh. Dưỡng có tiếng hiếu học: ghi danh học ở Đại học Luật khoa Sài gòn, nhờ người lấy *cua* (“cours” tiếng Pháp là bài giảng in thành tập hay sách) về tự học, và đã đậu ba “chứng chỉ” Luật, nghĩa là đang học năm thứ tư. Trong họ nhà tôi, dưỡng là thần tượng của lớp trẻ và là người đọc nhất được cha (có vai vế cao nhất) kể vì.

Cha sống một mình ở nhà trên gồm phòng ngủ chính, phòng tắm, và phòng khách. Nhà dưới dành cho gia đình anh Kiền, anh họ xa của tôi và là hạ sĩ quan hầu cận của cha. Được cha tín cẩn, anh thường hãnh diện kể lại những cuộc chiến đấu vào sinh ra tử bên cha. Chị Chờ vợ anh là người cùng làng, lấy chồng và sinh con sớm, và được hai đứa: con Đà bảy tuổi và thằng Chóá bốn tuổi. Trước đây, cùng với chị người làm khoảng mười bảy mười tám tuổi, chị Chờ lo nấu nướng cơm nước cho cha.

Cuộc sống “độc thân” của cha không hề thay đổi vì sự hiện diện của mẹ và sáu anh em tôi. Bảy mẹ con chen chúc vào nhà dưới với gia đình anh Kiền trên hai chiếc giường ngủ kê sát nhau không có lối đi: bốn thằng con trai lớn ngủ một giường, và mẹ, thằng Trọng út ba tuổi, và em Bình con gái ngủ giường kia.

Cha vẫn ăn cơm một mình trên phòng khách; nay mẹ quán xuyến việc bếp núc, và tôi thay anh Đổ tài xế trong nhiệm vụ bưng cơm nước từ nhà bếp lên. Cha cẩn thận chi li và đòi hỏi mọi thứ phải đúng theo thứ tự và vị trí định sẵn, thí dụ như chén đĩa phải dọn ra trước tiên và đôi đũa phải đặt bên phải cái chén ăn cơm. Tôi không quen việc và vụng về nên ban đầu ngày nào cũng bị chửi “ngu như bò” và thỉnh thoảng lãnh một cú *can* giáng vào đầu đau điếng tới tận gót chân. *Can* (“canne” tiếng Pháp) là cây gậy ngắn, đôi khi bịt kim khí ở đầu và đầu lưỡi lê bên trong, được các sĩ quan cao cấp cầm tay trong lúc duyệt binh hay đứng chỉ huy.

Khi cha ở nhà, anh em tôi cũng như chị em con Đà phải im lặng tối đa, vì cha không thích ồn ào. Khi cha ngủ, nhất là ngủ trưa, thằng Trọng mà ho hay khóc thì mẹ phải bồng chạy ra ngoài thật xa để cha không nghe thấy.

Nhưng có một chuyện cha thay đổi; chị Chờ kể riêng với tôi,

“Trước khi *mi vô* đây, tuần *mô* chú cũng đưa đàn bà về quần thảo trên nhà. *Tau* bắc ghế đứng *ngó chùng* qua khe hở trên cửa.” “*Ngó chùng*” là xem lên hay nhìn trộm.

“Chị biết *rứa* rồi, *ngó mần chi?*”

“Để coi mấy *mụ* bồ của chú. Có *mụ* thì đẹp, nhưng cũng có *mụ tra khăng*, không biết *răng* chú *ưng* được? Một bữa anh Kiên đi chơi về bắt gặp và đập cái ghế khiến *tau* *bổ* (té) xuống đất *trặc cẳng* đi cà nhắc cả tháng trời; khi *nớ* mới *tởn*,” chị cười hì hì; “*tra khăng*” là già lắm.

Tôi chợt hiểu ra: mẹ đưa anh em tôi rời Huế vì sự an toàn của tôi sau biến cố ngày Phật đản (thằng bé cứng đầu khăng khăng cãi với người lớn về những sự kiện thực sự xảy ra và nhiều lần bị đe dọa), nhưng vào BMT sống bên cha là để bảo vệ cuộc hôn nhân của mẹ và tương lai của các con. Không có anh Quang trông nom và quyết định, tôi là con chim đầu đàn bất đắc dĩ vì chính mình còn là một chú bé ngây ngô; tôi tự hứa sẽ vì mẹ và các em mà kiên nhẫn chịu đựng hết mình.

* * *

Rời bỏ đất cố đô, nơi tôi nhận làm quê hương và lớn lên gần mười năm qua, tôi vào thành phố lạ này – không bạn bè, không người quen, và ngơ ngáo như chú Mán về thành. Một hôm mẹ thấy tóc dài đưa tờ bạc hai chục đồng biểu đi *cúp đầu*. Tôi đi quanh phố không thấy có quán hớt tóc bình dân như ngoài Huế, nhưng trên đường Ama Trang Long gần nhà có một cửa tiệm sang trọng, thấp đèn nê-ông sáng trưng, và có bảng hiệu khá lớn với chiếc ống sọc trắng và đỏ xen kẽ quay vòng vòng. Tôi tò mò ghé nhìn vào thì được một ông ăn mặc khá lịch sự mời vào ngồi trên chiếc ghế nệm xoay trước giàn gương lớn gắn khắp tường. Lần đầu tiên được mời chào trịnh trọng như thế, tôi chỉ nói được một câu,

“Chú làm ơn *cúp* thiệt ngắn như trước.”

Ông thợ ân cần vồn vã vừa làm vừa khen, “anh chàng này đẹp trai như tài tử xi-nê”; tôi biết ông nói xạo nhưng cũng khoan khoái trong lòng. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, nhìn trong gương thấy một thằng Tây đen với mái tóc quăn tít và xịt keo cứng ngắt, tôi ức lòng,

“Chú *cúp* *chi lạ ri*, *tui* có *ưng rứa mô?*”

“Hót, gội, và uốn cả thảy sáu chục đồng,” ông thợ tính tiền.

“*Tui* có muốn gội với uốn *mô?* Làm hư đầu *tui*, chú phải đền!”

Phen này sẽ bị vạ to – gội đầu và uốn tóc quặt, không có tiền trả, nào phải chuyện thường! Tôi mếu máo cãi vã bù lu bù loa; không biết ông thợ có hiểu hay không mà sau cùng ông cười xòa,

“Thôi tính tiền hớt tóc hai chục; chịu chưa?”

“*Tui* trả tiền cho chú đây,” tôi nhẹ nhõm cả người, nhưng còn tiếc rẻ vì mẹ dặn còn dư tiền thì đem về.

Nơi duy nhất tôi lai vãng đến là nhà sách Vân Hải trên đường Phan Bội Châu. Đáng người nhỏ thó mà thanh tú, ông chủ người Huế chưa tới ba mươi tuổi dẹt dẹt và niềm nở, và khi biết tôi ở Huế vào,

“Huế mình *chừ* mùa hè trời đẹp *ghê gớm lắm*, có *mô* mưa thành suối thành sông như xứ *ni*, kêu là *Buôn Muôn Thuở* là phải *lắm!*” Người Huế nói “*ghê gớm lắm*” để chỉ những điều hay, đẹp, hoặc tốt vô cùng.

“Dạ, trời mưa hoài...”

“Nhưng được cái ở đây yên ổn, không *chộn rộn* như ngoài *nớ*. Anh có mấy người cháu ngày *mô* cũng đi biểu tình, xuống đường xuống sá, không học hành *chi hết*. Và cũng không cho ai *mần ăn* sinh sống!”

“Cũng tại chuyện lộn xộn *nớ* mà *tui* vô đây,” tôi rụt rè góp ý.

Ông chủ nhà sách dễ dãi cho tôi lựa khiêng về một lô sách giáo khoa đệ nhị (lớp 11), hẹn hôm sau mang tiền ra trả. Có hôm trời mưa sợ ướt sách, ông gọi xích lô chở tôi về nhà mẹ trả tiền, và tôi được đi xích lô lần đầu tiên. Mẹ yên lòng khi thấy tôi miệt mài trong sách vở, cách duy nhất tôi giữ đầu óc bận rộn trong những ngày lạc lõng và tù túng.

Tôi học bài và làm toán hầu như 24 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Khi chưa giải được bài toán, tôi ghi hay vẽ lại trên tờ giấy, xếp bỏ túi; rảnh rỗi mở ra xem, và nhiều khi cách giải hiện ra trong giấc ngủ. Buổi tối, để khỏi gây tiếng động phá giấc ngủ cả nhà, tôi mặc áo len và đội mũ trùm đầu ra ngoài *ga-ra* đứng học; *ga-ra* có mái mà không có vách. Nhiều đêm tôi vào ngồi trong xe *Giép* (Jeep, đọc theo tiếng Pháp) của cha nghỉ mệt và tránh gió rồi ngủ quên đến sáng.

* * *

Anh Quang viết thư nói đã gửi hồ sơ chuyển trường từ Quốc Học vào từ đầu mùa hè; cuối tháng Chín (thường mọi năm trường đã khai giảng) tôi đánh bạo lên trường Trung học BMT hỏi thăm. Trường còn nghỉ hè, sân trường vắng vẻ, và trong văn phòng chỉ có mỗi một ông đeo kính gọng vàng ăn mặc diêm dúa đứng trước cái bàn giấy lớn. Thấy tôi vào, ông hất hàm hỏi oang oang,

“Anh đến đây làm gì?”

“Thưa, xin hỏi vụ chuyển trường về trường *ni*,” tôi rụt rè, không biết phải xưng hô thế nào cho đúng.

“Tên gì, chuyển trường từ đâu, lớp mấy?” ông nói to như nạt.

“Dạ ... *Ba Hoa*, từ trường Quốc Học Huế, xin vô đệ nhị.”

“Không thấy hồ sơ chuyển trường nào cả,” ông trả lời ngay.

Tôi tần ngần định quay lưng ra về thì ông kêu giật lại mắng,

“Anh đi xin học mà đứng thế kia, không lẽ phép gì cả!”

“Thưa, đứng làm *răng* mới là lẽ phép?” tự nhiên tôi đâm ra bướng bỉnh, mặc dù nhận ra trong lúc ngỡ ngàng tôi đã cho hai ngón tay cái vào túi quần và đứng thẳng người như nói chuyện với kẻ ngang hàng.

“Ăn nói như thế thì ai cho anh vào học? *Tiên học lễ hậu học văn...*”

Ông tiếp tục bài giảng luân lý khiến tôi đờ người nhưng đâm ra hy vọng: biết đâu trường này không nhận và mình được trở về Huế học? Tối hôm ấy tôi kể lại cho mẹ và thử xin,

“Hay mẹ cho con về Huế lại?”

“Không được! Để mẹ lo...” mẹ mím môi.

Tuần sau, dưỡng Đan đưa gia đình đi ăn ngoài cuối tuần và mời tôi đi theo. Lần đầu tiên tôi được ăn cơm tiệm, mà lại là nhà hàng Mỹ Lâm sang trọng trên đường Quang Trung. Dưỡng đưa tôi lại quầy tính tiền giới thiệu với cô gái tóc dài mặt trái xoan xinh xắn,

“Đây là Cẩm Liên, nữ sinh xinh đẹp nhất trường Trung học Ban Mê Thuật.”

“Dạ Trung tá đừng nói vậy. Em mới học đệ ngũ, mấy chị lớp trên la em chết,” Cẩm Liên vui vẻ trả lời; đệ ngũ là lớp 8 bây giờ.

“*Ba Hoa* cháu tôi ở Huế vào và sắp học trường Trung học đó,” dưỡng chỉ sang tôi.

“Chắc anh học giỏi lắm?” Cẩm Liên cười thật tươi; tôi ngượng nghịu không trả lời.

Bữa cơm ê hề thức ăn ngon lành với món tráng miệng là mẩu cầu dai (quả na) ngon ngọt mà – lần đầu tiên – tôi được thưởng thức nguyên trái. Tôi nhớ lại lời dưỡng nói với Cẩm Liên,

“*Răng* dưỡng biết con sắp học trường Trung học?”

“Dưỡng mới đi xin cho con, không biết thì ai biết?” o Năm tùm tùm trả lời thay.

“Con tưởng cha lo...” tôi ngạc nhiên hơn.

“Mấy tháng *ni*, o dưỡng thấy con và các em bị hành hạ cực khổ, xót xa và buồn lắm mà không dám nói ra. Anh làm tình làm tội đủ cách vì muốn tống khứ chị và các con về Huế lại để sống một thân một mình *thong dong tự tại* như trước, chị nhất định không chịu thua, và các con ở giữa – *trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết.*”

“Con biết...”

“Tuần rồi, được biết anh chưa nộp hồ sơ chuyển trường cho con, chị mới *chịu lép* sang nhờ dưỡng khuyên lơn anh; việc học của con cái quan trọng hàng đầu, không thể trễ nải. Anh nể lời và đồng ý để dưỡng giúp lo cho con.”

Vài hôm sau, một toán thợ đến nhà xây thêm căn gác gỗ bên trên nhà bếp. Căn gác khá lớn dành cho tôi và hai đứa em kế là thằng Sáng và thằng Triết; tôi tha hồ học bài, làm toán, đọc Pháp văn và Anh văn lớn tiếng suốt ngày đêm mà không làm phiền ai. Hết mộng tưởng chuyện về Huế, tôi an phận chờ ngày đi học.

Sau những biến cố chính trị sôi động ở Huế và Sài gòn khiến trường học tiếp tục đóng cửa nghỉ hè, trường Trung học BMT khai giảng năm học mới vào trung tuần tháng Mười Một. Mùa khô đã bắt đầu trên Cao nguyên; buổi chiều nắng lên cao, gió thổi bụi đất đỏ bay mù mịt che phủ bầu trời. Ban Mê Thuật, xuất phát từ tiếng Ra-đê có nghĩa là "bản (làng) của cha thằng Thuật," nhưng thời tiết Cao nguyên *mưa bùn đỏ, nắng bụi hồng* đã nảy ra thêm cái tên *Bụi Mù Trời*.

Tôi không gặp lại ông thầy khó tính ở văn phòng trường Trung học, nghe nói thầy đã bị động viên nhập ngũ. Sau năm học đầu tiên, được những người bạn mới yêu thương và mền phục, tôi cảm thấy gần gũi, gắn bó, và thân thiết với thành phố này lạ lùng. Với tôi, BMT trở thành *Bé Mà Thương!*

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Mười Hai, 2015

Mê Bạn Bạn Mê

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày khai trường niên khóa 1963-64, tôi rụt rè bước vào lớp đệ nhị B (lớp 11 ban Khoa học Toán) duy nhất của trường Trung học Ban Mê Thuật (BMT). Trường cũng chỉ có mỗi một lớp đệ nhị A (ban Khoa học Thực nghiệm). Hai lớp đệ nhị A và B học chung Sinh ngữ (tức là ngoại ngữ): gộp chung rồi chia hai theo Anh văn hay Pháp văn là Sinh ngữ chính. Trong lớp, các nữ sinh ngồi ở hai ba dãy bàn đầu, và tôi thường chọn bàn ở khoảng giữa lớp. Lạ trường lạ lớp, nhưng những người bạn mới thân thiện và cởi mở khiến tôi an lòng và phấn khởi.

Người bạn BMT đầu tiên là một cô gái Huế. Từ bàn thứ hai, Kiếm, học đệ nhị A, bước xuống niềm nở,

“Ba Hoa nì, tui là Kiếm em anh Nam đây.”

Anh Nam học cùng lớp với anh Quang ở trường Quốc Học Huế, gia đình dọn vào BMT vài năm trước nhưng anh ở lại Huế học. Trước khi tôi rời Huế, anh cho địa chỉ của Kiếm và dặn phải ghé thăm, nhưng tôi nhát (gái) và nhác (lười biếng) nên không tìm gặp. Gia đình anh quê làng Nam Phổ sản xuất cau ngon nổi tiếng được truyền tụng qua bài hát ru em,

*Ru em, em théc cho muồi
Để mạ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán chợ Cầu
Mua cau Nam Phổ, mua trầu chợ Dinh
Chợ Dinh bán áo con trai
Triều Sơn bán nón, Mậu Tài bán kim.*

“Théc cho muồi” là ru em bé ngủ cho say. Gặp được Kiếm tôi mừng rỡ nhưng lại lúng búng vụng về,

“Té ra chị người Nam Phổ, con gái Nam Phổ ở lổ trèo cau.”

“Ở lổ” là ở trần truồng, không mang quần áo gì cả. Như không nghe câu nói vô duyên của tôi, Kiếm tíu tít,

“Anh Nam nói Ba Hoa học giỏi lắm, tui rán mà bắt chước. Khi mô rảnh ghé lại nhà chơi nghen; ba mạ tui gặp người Huế mình sẽ mừng lắm.” Kiếm cười thật tươi, để lộ má lúm đồng tiền, khoe hàm răng trắng đều, và hơi nheo mắt tạo thành ra vết nhăn duyên dáng bên khóe người Huế gọi là *mắt có đuôi*.

Cùng lớp đệ nhị B, cao hơn tôi hơn một cái đầu, và giọng nói oang oang, thằng Kha làm quen và chỉ dẫn đường đi nước bước cho tôi ở thành phố *Bụi Mù Trời* này. Nó đưa tôi về nhà dưới khu Trần Hưng Đạo gồm hầu hết là người Bắc di cư và giới thiệu với gia đình. Bố mẹ thằng Kha rất quý tôi và gặp bữa thường giữ lại ăn cơm, và nhờ đó tôi làm quen với nếp sống người Bắc. Thí dụ, tiếng “quý” dùng để chỉ sự yêu mến mà người Huế nói là “thương,” và tiếng “thương” của người Bắc nghiêng về tình yêu trai gái hơn. Trước khi ăn cơm phải mời,

Mời ông xơi cơm, mời bà xơi cơm, mời bố xơi cơm, mời mẹ xơi cơm, mời anh xơi cơm, ...

Cô em út năm tuổi của thằng Kha, nhỏ nhất nhà, phải mời mọi người mới được ăn. Cô bé đói bụng vội vã nói lia lịa,

“Ông *câm*, bà *câm*, bố *câm*, mẹ *câm*, anh *câm*, ...” Ai nấy đều thành “*câm*”!

Nhờ thằng Kha tôi mới biết đi ăn phở ngoài tiệm, thường nó đãi vì tôi không có tiền túi. Một hôm trong tiệm phở, nó chỉ cho tôi con sâu nhỏ trong đĩa rau xà lách dân BMT ăn chung với phở. Bắt chước nhân vật trong chuyện khôi hài đọc trên báo về hoàn cảnh tương tự trong nhà hàng bên Mỹ, tôi hung hăng,

“Gọi bồi bàn tới mắng cho một trận, bảo nó cho ăn khỏi trả tiền.”

“Thì mà ỳ thử xem.”

Thằng Kha cười cười ngoắc tay gọi anh bồi bàn. Tôi chỉ con sâu, anh bồi bàn à lên một tiếng, ngắt cọng rau có sâu, lấy ra, và quay lưng bỏ đi. Như mọi lần, nó cười nhẹ nhưng không chế nhạo hay trách mắng thằng bạn ngây thơ chỉ biết sách vở.

Tôi không biết đàn hát và mù tịt về âm nhạc, nhưng khi thằng Vinh trưởng ban văn nghệ hỏi về hoạt động văn nghệ ngoài Huế, tôi *làm le* đọc vanh vách lời bài hát "Tous les garçons et les filles" (Mọi trai và gái) rất thông dụng của ca sĩ Pháp Françoise Hardy tôi tình cờ học được,

*Tous les garçons et les filles de mon âge
Se promènent dans la rue deux par deux
Tous les garçons et les filles de mon âge
Savent bien ce que c'est qu'être heureux
Et les yeux dans les yeux, et la main dans la main ...*

(Mọi trai và gái tuổi tôi

Đi ra phố thành từng đôi

Mọi trai và gái tuổi tôi

Thấu rõ hạnh phúc lứa đôi

Mắt nhìn mắt, tay nắm tay ...)

Thấy thằng Vinh nhú mày, tôi biết đã *lộ tẩy* nhưng – để mền làm sao! – nó không nói ra, chỉ cảm ơn rồi bỏ đi. Và không cho ai biết tôi là tên *cù lần* thứ thiệt.

* * *

Tôi liên lạc thư từ thường xuyên với bạn cũ ngoài Huế, nhất là thằng Cử hay nói tục và thằng Công học giỏi và ý hợp tâm đầu. Tôi kể những chuyến thám hiểm vào rừng núi Cao nguyên với bạn mới, những sinh hoạt học đường trong lớp nam nữ học chung, và cách cư xử dịu dàng của các cô bạn cùng lớp mền thương tôi như em. Dần dần, trong thư, tôi không còn tưởng nhớ ngoài Huế mình mà khoe *Ban Mê của tau*.

Để trả lời thằng Cử về “*bọn mọi trong nó*,” tôi bảo ngày nay phải gọi là người Thượng; họ theo chế độ mẫu hệ, đàn bà cưới chồng, và phần lớn ở BMT là người Ra-đê. Đàn ông Ra-đê thường

mang họ Y (đọc là “i”), và đàn bà họ H’ (đọc là “hờ”). Với thằng Cử, không thể quên mấy chuyện tục tĩu anh Đố, tài xế của cha, thuật lại với nụ cười ranh mãnh.

Anh Đố nói có lần *trai gái* với một chị “Hờ” và chị ta cho biết, “*người của tui không nhúc nhích,*” nghĩa là lúc hành sự anh Y không nhấp nhồm như người Kinh. Anh kể giai thoại các nàng “Hờ” tắm suối,

“Có người nhân dịp vào buôn (làng Thượng) bèn rình xem phụ nữ Ra-đê khóa thân tắm gội dưới suối. Khi biết có người nhìn lén, các cô mắc cỡ chạy tán loạn lên bờ tìm quần áo. Vừa chạy vừa lấy tay che mặt.”

“*Răng phải che mặt?*” tôi ngạc nhiên hỏi.

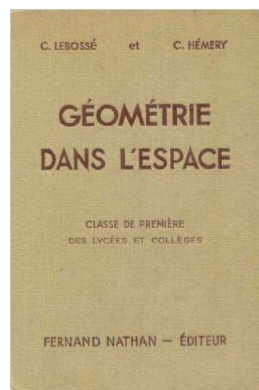
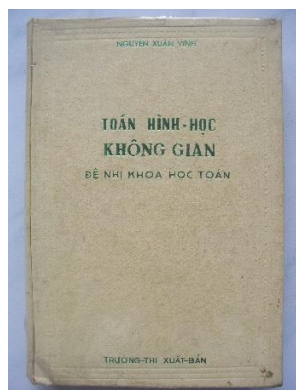
“Các cô ấy lý luận rằng dù thấy ‘chỗ ấy’ đi nữa cũng không biết khổ chủ là ai.”

Thằng Cử thích chuyện sơn nữ của tôi; nó viết,

*Tội nghiệp cho Y Bahoma bạn ta chưa! Phải chịu cô đơn chiếc bóng ở xứ Ban Mê Thuật
Buồn Muôn Thuở Bụi Mù Trời phải Bịt Mắt Thôi. Ăn Bánh Mì Thịt, nhưng chớ ngồi Buồn
May Tay, đã không được Ba Má Thương lại Bực Mình Thêm, Bỏ Mẹ Thôi!*

“May tay” là tiếng lóng chỉ hành động con trai dùng tay tự thỏa mãn. Thằng Công và tôi viết cho nhau hàng tuần; phần chính của những bức thư dày cộm viết chữ nhỏ lặn tẩn và vẽ hình trên giấy mỏng là đề toán đưa ra để đố bạn và bài giải cho các bài toán đố trước. Bắt chước các nhà toán học Âu châu đầu thế kỷ 18 thách thức nhau giải toán.

Tôi miệt mài học tập đêm ngày, nhưng cần sách toán để tra dồi thêm. Sách giáo khoa lớp đệ nhị B vợ vét ở nhà sách Vân Hải trên đường Phan Bội Châu dùng học thi Tú tài I không thấm thía vào đâu nên mỗi lần có người quen về Sài gòn, tôi nhờ tìm mua tất cả sách toán bày bán trong nhà sách mà tôi chưa có. Ưng ý nhất là cuốn *Toán Hình Học Không Gian* của Nguyễn Xuân Vinh mới xuất bản năm trước (1962), có khá nhiều toán khó, và bìa sách trình bày độc đáo: bìa cứng màu trắng ngà, in chữ mạ vàng, và bọc plastic trong.



Khi sách bán trên thị trường hết toán khó, tôi trông cậy vào kho sách tiếng Pháp thừa hưởng của các chú họ học thời Quốc Học còn là trường Khải Định. Cuốn sách thông dụng nhất thời

xưa là *Géométrie dans l'espace* (Hình học Không gian) của Camille Lebossé và Corentin Hémerly, thường gọi là “cuốn Lebossé,” bản của tôi in năm 1949. Bài toán cuối cùng trong chương Tứ diện, “bài toán Lebossé,” đặc biệt có rất nhiều cách giải khác nhau học trò Huế nhờ đánh máy trên giấy *po-luya* mỏng (để được nhiều bản), chuyền tay nhau học, và thường đo trình độ toán bằng câu hỏi,

“*Hắn* giải bài toán Lebossé được mấy cách?”

Để tranh tài với thằng Công, tôi phải dùng sách *siêu* (tinh vi hay cao siêu) hơn cuốn Lebossé ấy: sách của François Brachet và Jean-Auguste Dumarqué, gọi tắt là “cuốn Brachet,” ấn bản 1932. Khi tặng sách, chú tôi dặn đi dặn lại,

“Toán Brachet khó điếc lỗ tai; *mi* đừng bỏ thì giờ nhiều, không có lợi *mô*!”

Chú nhầm, bộ sách Brachet rồi cũng hết toán khó! Cuối cùng viện đến cuốn sách xưa thật xưa, mất bìa trước và mấy trang đầu nên không biết tên tác giả hay năm ấn hành, chỉ biết là toán khó cả họ không ai dám rờ tới. Ngày ấy, thấy tôi mân mê cuốn sách này anh Quang le lười,

“*Tau* mà hiểu được bài *mô* trong *nớ* thì *xế* liền!” “*Xế*” tiếng lóng nghĩa là “chết.”

Chính nhờ cuốn sách xưa này mà tôi được thầy Phan dạy toán hết lòng khâm phục. Thầy người Hội An, tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế, được bổ nhiệm vào BMT dạy năm đầu tiên, và hằng hái ra toán thật khó cho cả lớp về nhà làm – những bài toán lấy từ cùng một cuốn sách. Thằng Kha tổ chức học nhóm, tôi giảng toán, và cả nhóm nộp bài với lời giải hoàn hảo, có khi *siêu* hơn bài giải trong sách vì đã được tôi và thằng Công ra công gọt giũa dùi mài.

* * *

Cuối năm, bọn học sinh đệ nhị khăn gói đi thi Tú tài I ở Nha Trang vì BMT tỉnh nhỏ không có hội đồng thi. Các giáo sư năm nay được cử đi chấm thi ở hội đồng Võ Tánh ở trường Trung học Võ Tánh Nha Trang. Thi xong, trong những ngày chờ kết quả, nhóm bạn thân kéo nhau ra bãi biển chơi; con trai tắm biển, giỡn sóng, và phơi nắng; và con gái ngồi dưới bóng dừa trò chuyện. Tôi vừa ở dưới nước lên, người còn dính đầy cát thì thầy Phan cùng với cô Tâm dạy Việt vẫn lại gần. Thầy cười chum chím,

“Cái thằng *Ba Hoa* ni học hành *chi* mà *lạ rứa*?”

“*Dạ rặng* thầy?” tôi tái mặt.

“Nói chơi thôi, *mi* đậu tối ưu đứng đầu hội đồng Võ Tánh! Được tới 187 điểm, cao nhất trong các hội đồng trên toàn quốc,” cô Tâm vội vàng giải thích; đây là lý do cô và thầy Phan đi tìm tôi để báo tin mừng.

Các bạn reo hò mừng sự thành công khả quan của tôi. Kiếm đề nghị góp tiền vào “quán” (nhà hàng trên bãi biển bán thức ăn và món giải khát cho du khách) gần bên mua nước dừa tươi ăn mừng. Cả bọn gần chục đứa chỉ đủ tiền mua ba trái dừa chia nhau uống. Những ngụm nước dừa xiêm tươi mát và ngọt ngào, nhưng khiến tôi nghẹn lời và rưng rưng nước mắt.

Ở Huế thắng Công đậu bình thứ, kết quả khiêm nhường nhưng chứng tỏ khả năng của nó không hề thua kém tôi: Trong lúc tôi sống an bình và yên tâm học tập, nó liên miên trải qua những cuộc biến động chính trị, xuống đường bãi khóa, và đóng cửa trường sở.

Bữa “tiệc nước dứa” trên bãi biển Nha Trang ghi hẳn trong ký ức thành một kỷ niệm không bao giờ nhạt phai; đó là bữa tiệc mừng thi đậu duy nhất trong đời tôi. Các bạn xứ *Bé Mà Thương* đã dạy tôi đời học trò, ngoài sách vở và chứng minh toán học, còn có nhiều điều thích thú và hạnh phúc khác. Hơn nửa thế kỷ sau, tôi vẫn trân quý tình bằng hữu thiết tha ấy.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 23 tháng Mười Hai, 2015

Xuân Thì Qua Mau

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Đối với lớp đệ nhị B (lớp 11 ban Khoa học Toán) Sử Địa là môn phụ nên ít khi tôi ngần ngại theo thằng Điền và các bạn khác *cúp cua* hai giờ Sử Địa cuối chiều thứ Bảy, bỏ lại sau lưng lớp học nóng bức với tiếng giảng bài ề ề buồn ngủ của thầy Nhị, và xuống chơi Thác Nhà Đền, hay “Thác Trốn Trường” của chúng tôi. Ra khỏi trường, theo đường Nguyễn Công Trứ, và rẽ qua con đường mòn hai bên cỏ dại và lau sậy, chúng tôi vừa đi vừa ngắm những đốm nắng lung linh xuyên qua cành lá lao xao trên ngọn cây cao, và chẳng bao lâu hiện ra trước mắt con đập bằng đá và bê tông chặn ngang dòng suối Bu Ri thành hồ chứa nước để phát điện. “Thác” là làn nước tràn qua đập, đổ thấp xuống chừng năm thước, và chảy về phía hạ lưu. Thằng Kha nói người Pháp xây Thác Nhà Đền năm 1934 để cung cấp điện cho dân cư ít ỏi của Ban Mê Thuật (BMT) ngày đó.

Suối Bu Ri tiếp tục ngoằn ngoèo qua khu Trần Hưng Đạo và cuối cùng chảy ra sông Xrepok ở Cầu 14 trên Quốc lộ 14 về phía nam. (Người BMT đặt tên các địa điểm đáng chú ý bằng khoảng cách từ trung tâm thành phố: Cầu “14” cách xa mười bốn cây số.) Đúng ra phải gọi là suối “Mô Ri” vì người Thượng đã lấy tên ông Jean Maury, một nhà khẩn hoang và kinh doanh người Pháp đến BMT lập nghiệp từ thời hoang sơ, để đặt tên. Tôi ngẫu hứng gọi là “Suối Dạ Sầu” vì thấy ven bờ suối trước nhà thằng Điền, chỉ cách xa chừng mười thước, có một đám cây phong lá xanh rủ xuống quanh năm; khi chiều xuống lá phong ủ rũ xuống thấp hơn, và về đêm ngọn suối như trở nên buồn bã. Thằng Điền gheo tôi,

“Thằng con này văn chương chữ nghĩa bề bề thế kia mà thấy gái thì len lét như rắn mùnng năm.”

“Nàng tiên nào ở xứ Buôn Muôn Thuở mà lắm quyền uy thế?” thằng Kha vờ ngạc nhiên.

“Con Kiếm cùng ‘quê’ với nó, học bên đệ nhị A. Tao còn lạ gì!”

Ban A là ban Khoa học Thực nghiệm, và Kiếm là người bạn BMT đầu tiên của tôi. Mỗi lần học chung giờ Sinh ngữ (Pháp văn và Anh văn), nàng bước lại bàn tôi ngồi, tặng tôi nụ cười má lúm đồng tiền duyên dáng, niềm nở thăm hỏi và săn sóc, và không quên vỗ nhẹ vào tay tôi trước khi về bàn của mình. Trước mặt Kiếm, lúc nào tôi cũng thấy mình vụng về *vô duyên vô nợ* và nói năng lúng ba lúng búng không đầu không đuôi, mặc dù ở nhà đã nghĩ sẵn những câu thật “hay ho.” Thấy tôi không vui khi nghe nói đến Kiếm, thằng Điền đổi hướng,

“Tao thấy bọn con gái đệ lục đệ ngũ mê mày tí tởm mà sao không chớp lấy một ‘em’ cho đời thêm hương thêm hoa?” Đệ lục và đệ ngũ là lớp 7 và 8 ngày nay.

“Thí dụ như con bé nào? Nói thử tao nghe,” thằng Kha lại vờ ngây thơ... cụ.

“Con Mai Liên nước da bánh mật, đen giòn mà có duyên, này! Con Nan Nùn gốc Bùn Chu - Phát Diệm, thiếu thước tắc theo chiều đứng, hay ní na ní nô, và văn nghệ văn gừng đầy mình, này!”

“Có phải con Ly Lan có tiếng học dốt, năm trước bị ở lại lớp mà hôm trình diễn văn nghệ hát bài ‘Mùa Thi,’

*Hôm nay ngày thi
Bao nhiêu người đi*

...

Khoe rằng:

'Phen này tao trượt thì ai đậu cho?'

(Đỗ Kim Bảng)

"Đích thị *Ni Nan* ấy! Nếu hai con bé này không *hợp gu* chàng thì có 'em' Diệp bộ xương cách trí ốm cà tong cà teo, ăn nói nhỏ nhẹ dễ thương, và là *người Huệ* như nó," thằng Điền cười khà khà.

Tôi quen các cô bạn lớp dưới này vào dịp gần cuối niên khóa, mùa nghỉ hè sắp tới, thầy Can dạy Anh văn tổ chức trình diễn văn nghệ gây quỹ cho trường. Tôi lãnh nhiệm vụ dẫn mấy toán nữ sinh đệ lục và đệ ngũ đi bán vé vào cửa, trong lúc các bạn có tài ca hát tập hợp ca bài "Hè Về" mở màn chương trình,

*Trời hồng hồng, sáng trong trong
Ngàn phượng rung nắng ngoài song
Cành mềm mềm, gió ru êm
Lọc màu mây bích ngọc qua màu duyên. ...*
(Hùng Lĩnh)

Nhờ gia đình quen biết nhiều, tôi đưa các cô bạn nhỏ đi khắp nơi trong thành phố: từ Tòa Hành chánh Tỉnh và Tiểu khu đến *bungalow*, bản doanh của Bộ Chỉ huy Trợ giúp Quân sự MACV Hoa kỳ bên cạnh Sư đoàn XX Bộ binh, và Phi trường L-19, phi trường quân sự gần thành phố dành cho phi cơ trực thăng và phi cơ tiền thám L-19. Vé bán chạy nhờ các quân nhân Việt cũng như Mỹ háng hái mua giúp làm việc nghĩa mặc dù sẽ không có thì giờ đi xem. Các cô phục lẫn "anh *Ba Hoa* nói tiếng Anh như gió" và thi nhau mang quà vật cho tôi ăn.

Thằng Kha phì cười, nhưng tỏ ra thông cảm nỗi niềm tâm sự của tôi; nó can,

"Mày chớ có xúi dục thằng *Ba Hoa* giao du thân mật với các cô bé chưa *sạch nước cần*, còn lâu mới tới tuổi dậy thì."

Có lẽ thằng Kha đang nghĩ về cô bạn cùng lớp Hương Nhã nó hay dẫn tôi đến nhà chơi. Trong lớp khác nhau hai người cặp bồ, nhưng dường như thằng Kha ôm mối tình một chiều, yêu nàng mà không dám tỏ tình, và không được đáp lại. Hương Nhã không có anh em trai và tôi không có chị gái nên chẳng bao lâu hai đứa thân thiết như hai chị em, thường chia sẻ những chuyện riêng tư không thổ lộ với ai khác. Nhưng để đầu gối thằng Điền chịu bỏ qua cho tôi,

"Ở đó mà *người em bé bỏng* cho mày! Con gái xứ *mưa bùn đỏ*, *nắng bụi hồng* đi học muộn, khai sứt tuổi, và thèm lấy chồng. Tao dám cá các 'em' đó lớn hơn *thằng con* này một hai tuổi là ít,"

"Tao biết thế, nhưng..."

"Nếu nó chê các 'em' kia bé thì có Thu San *Mái Tây Hiên nguyệt gác chênh chênh* dưới đệ tứ, em bà Thu Nha lớp mình. Cô nàng hay kiếm cơ tới lớp tìm chị để *tù ti tút tit* với thằng *Ba Hoa*." Đệ tứ là lớp 9 ngày nay.

“Hàm răng bà chị đã hô kinh khiếp, hàm răng cô em lại hô hơn mấy lần. Tên nào có phúc lắm mới cưới được em vì lúc nào cũng sẵn cái mái hiên tránh nắng che mưa!” thằng Kha cười ngật nghẹo.

* * *

Ngày mừng một Tết tôi theo thằng Kha và thằng Điền đi chúc tết gia đình bạn bè và cô Tâm dạy Việt văn, cô giáo được ưa chuộng nhất. Lần đầu tiên đi chúc tết, tôi học được các câu chúc văn vẻ của hai thằng bạn người Bắc, tập theo giảng điệu lễ phép của chúng, và được chúc lại và tiếp đãi như người lớn. Ở nhà cô Tâm, lần đầu tiên tôi được mời uống rượu... vui xuân và biết cái cảm giác lâng lâng của men say.

Cô đẹp, hiền, và dạy rất hấp dẫn; khi giảng bài, cô để hẳn tâm hồn vào bài giảng của mình. Thỉnh thoảng đầu giờ học, cô đưa ra câu hỏi văn học có tính chất thời thượng cho học sinh thảo luận. Khi cuốn tiểu thuyết *Yêu* của Chu Tử vừa xuất bản ở Sài Gòn, cô hỏi ý kiến về tác phẩm táo bạo làm chấn động giới văn học ấy. Có lẽ là học sinh duy nhất đã đọc (nhờ được phép mẹ cho mua sách trước trả tiền sau ở nhà sách Vân Hải), tôi đưa tay xin phát biểu. Bài “điểm sách” hơn năm phút của tôi, theo quan điểm của một chú bé chuyên đọc truyện Tàu cổ điển lấy trung hiếu tiết nghĩa làm đầu, phê bình tác giả *Yêu* khá gắt gao. Nhưng khi tôi nói xong, cả lớp ngơ ngác lắc đầu vì không hiểu nổi bài “diễn văn” giọng Huế *nặng trịch* của tôi.

Cô Phấn dạy Công dân người Nam, trẻ, tóc cắt ngắn, và trông như Audrey Hepburn trong phim *Roman Holiday* (Kỳ Nghỉ Hè ở Rome). Cô mắng đốp chát ngay mặt thằng Điền khi nó phát biểu gợi ý lảng lơ để chọc ghẹo cô. Chương trình Công dân đệ nhị bao gồm các chính sách kinh tế trên thế giới dùng cuốn sách giáo khoa của Vũ Quốc Thúc tôi đã đọc mùa hè trước, dù Công dân là môn phụ. Một hôm tôi đi học trễ, để quên cây viết ở nhà, và vào lớp, như thường lệ, ngồi nghe mà không chép bài cô đọc – y chang như trong sách. Cô đi ngang bàn, nhìn tôi, và mĩa mai,

“Có tiền mua lược làm dáng mà không mua nổi cây viết chép bài!”

“Dạ... Mà viết để mà *chi* cô?” tôi lúng túng, nhận ra chiếc lược chải đầu dắt sau túi quần thò hẳn ra ngoài.

“Hả? Đi học mà hỏi viết để làm gì hả?”

Cô đi nhanh lên bàn kê trên bục gỗ. Tôi sợ điếng người, nghĩ là sẽ bị la mắng thẳng tay hay đưa lên văn phòng hiệu trưởng để trừng phạt. Nhưng không, cô trở lại với ngòi viết Parker mắt tiền mới tinh,

“Cho luôn đó. Lần sau mà không mang viết theo thì liệu hồn!” Từ đó, tôi bắt đầu thói quen ghi chép bài trong lớp, dù về nhà không hề xem lại.

Trước Tết, theo thông lệ hàng năm, trường tổ chức đi cắm trại ngủ lại đêm trong khu rừng cạnh Thác Nhà Đèn. Tôi sang nhà dựng Đan, chồng o Năm, ở kế bên mượn chiếc radio transistor cầm tay, loại mới nhập cảng và có thể bắt được đài phát thanh Sài Gòn, mang theo *lấy le* và cốt đưa cho Kiểm mượn. Sau đêm lửa trại, sáng sớm Kiểm và Hương Nhã sang khu trại nam sinh tìm tôi. Lần đầu tiên vắng bóng nụ cười duyên dáng, Kiểm lo lắng thấy rõ,

“Đêm qua *Ba Hoa* có sang lấy lại cái radio không?”

“Không có,” tôi giật mình.

“Thôi để mình đi tìm xem có ai mượn không; đừng lo!”

Tôi muốn nói với Kiếm một câu gì đó để nàng yên lòng, nhưng mở miệng không ra. Hương Nhã kéo tôi ra nói riêng,

“*Ba Hoa* làm gì mà rầu rĩ quá vậy? Cái radio tụi nó chuyền tay nhau nghe rồi lạc đâu đó; thế nào cũng tìm thấy mà!”

“Không phải, *tui* buồn vì thấy Kiếm lo âu quá đáng.”

“Kiếm còn có chuyện buồn hơn. Đêm qua bọn con gái thức suốt đêm nghe Kiếm kể hoàn cảnh ngang trái; thật tội nghiệp! Về nhà *tui* nói cho nghe.”

Một tiếng đồng hồ sau, Kiếm tìm được cái radio mang trả tôi. Trông nàng buồn hơn trước và đôi mắt ươn ướt,

“*Ba Hoa*, mình tính...”

“Kiếm nói đi,” tôi lắp bắp.

“Hứa với mình, dù *chi* đi nữa, *Ba Hoa* sẽ luôn luôn chăm học, hứa *nghen?*” nàng nắm tay tôi – lần đầu tiên.

“Vì *răng*, Kiếm nói được không?”

“Hứa đi, không mình khóc cho coi.”

“Ừ, *tui* hứa...” Kiếm siết chặt tay tôi trước khi thối thức bước đi.

Nôn nóng gặp lại Hương Nhã, tôi hỏi ngay,

“Tại sao Kiếm khóc; *tui* làm *chi* khiến Kiếm buồn?”

“Để *tui* kể *Ba Hoa* nghe một câu chuyện: Có một người con gái yêu thương một người bạn học; người ấy còn rất trẻ, tương lai vô cùng sáng lạn. Một mặt nàng cố giữ một khoảng cách để chàng khỏi phí thì giờ học vào việc yêu đương, và mặt khác đương đầu với một tình thế khó xử: yêu và được yêu, nhưng khó lòng chờ đợi hay dự tính tương lai lâu dài,” Hương Nhã cân nhắc kỹ càng trước khi trả lời.

“Sao vậy?”

“Con gái tỉnh lẻ xuân thì qua mau, và cơ hội lấy chồng hiếm hoi, mặt ít ruồi nhiều, và chỉ giới hạn vào một số sĩ quan cấp úy trẻ tuổi trong tỉnh hay vài ba giáo sư dạy giờ trong trường (giáo sư tốt nghiệp Đại học Sư phạm đã có ý trung nhân ở Huế hay Sài gòn). Sau khi bàn bạc hơn thiệt, tụi *tui* đồng lòng khuyên cô gái ấy nhận lời ‘rủ đi chơi’ của một anh sĩ quan khá sáng giá và quên đi mối tình học trò mộng mơ. Dịp may chỉ tới một lần!” Hương Nhã nhìn tôi thương cảm.

Tôi không thấy mình là kẻ thua cuộc; tôi có tranh đua hay đòi hỏi gì đâu. Tôi giữ lời hứa với Kiếm và cuối năm lãnh phần thưởng danh dự toàn trường, phần thưởng cao nhất do bác Tấn tỉnh trưởng trao tặng. Tôi đọc cuốn *Dòng Sông Định Mệnh* của Đoàn Quốc Sỹ hàng chục lần và nhớ hoài hai câu in chữ nghiêng ở đoạn kết,

Việc gì mà phải xao xuyên! Dòng sông định mệnh đã đổ ra biển rồi, có còn khúc quanh nào đâu!

và

Kiếp sau em làm vợ anh, tình chúng ta chân thành, nhất định kiếp sau em là vợ anh!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 27 tháng Giêng, 2016

Sau Trận Mưa Rừng

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Ban Mê Thuật (BMT) là một thị trấn nhỏ. Từ nhà tôi ra phố chính mất chừng năm phút; đi thêm mười phút nữa là hết khu phố chợ. Nhà hai thằng bạn thân nhất – thằng Kha và thằng Điền – trong khu Trần Hưng Đạo nằm dưới thung lũng về phía đông nam trung tâm thành phố và cách nhà tôi chừng một cây số, đường khô ráo đi bộ chừng mười phút.

Thằng Điền, trên giấy tờ cùng tuổi với tôi nhưng tuổi thật hơn tôi đến năm tuổi, đã là một thanh niên và biết nói bóng gió lảng lờ chọc ghẹo cô giáo. Đối với bọn học sinh lớp dưới, nó hay lớn lối và dọa đánh, nhưng đối với tôi lại hiền hòa và mềm mỏng. Khi thấy tôi làm điều gì không vừa ý, nó vờ than thở,

“Thằng con này láo quá, láo đến thế là cùng!” rồi cười hề hề.

Tôi và thằng Kha hay đến nhà Hương Nhã chơi; nàng là học sinh giỏi nhất bên phái nữ. Hương Nhã không có anh em trai, tôi không có chị gái, và hai đứa thân thiết như hai chị em, thường chia sẻ những chuyện riêng tư không thổ lộ với ai khác.

Cùng với ba người bạn thân này, tôi tham gia vào các “hoạt động hiệu đoàn,” tức là sinh hoạt ở trường ngoài giờ học, hầu hết do thầy Can dạy Anh văn đứng ra tổ chức và hướng dẫn. Thầy tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn và được bổ dụng về dạy năm đầu tiên. Trước khi vào đại học thầy làm việc cho Đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế (International Voluntary Service hay IVS), và khi về BMT thầy vẫn giao tiếp chặt chẽ với các nhân viên IVS hoạt động tại đây. IVS là một cơ quan tư nhân quốc tế (nhiều quốc gia) tương ứng với Đoàn Hòa bình (Peace Corps) của chính phủ Hoa Kỳ không phục vụ tại Việt nam.

Ở lớp đệ nhị (lớp 11), năm nay là năm thứ hai tôi học Anh văn vì chỉ là Sinh ngữ II, tức là ngoại ngữ phụ. Tôi khổ công học hỏi và luyện tập nên nói và viết Anh ngữ khá lưu loát, và được thầy Can yêu mến, cảm phục, và đề cử dạy Việt ngữ cho nhân viên IVS khi cơ quan này cần người. Thầy nói với học sinh các lớp khác,

“Không biết *Ba Hoa* học Anh văn thế nào mà bây giờ giỏi gần bằng tôi.”

Niên khóa 1963-64, sinh hoạt quan trọng nhất là dự án “xây” thư viện: mỗi cuối tuần, học sinh hai lớp lớn nhất trường là đệ tam (lớp 10) và đệ nhị tự nguyện đến trường trộn xi-măng và đất sét và dùng khuôn ép lại làm gạch dùng để xây thư viện, một tòa nhà vuông mỗi bề bốn thước trong khoảnh đất trống gần tường rào mặt tiền. Sau buổi công tác sáng Chủ Nhật, thầy đưa đám học trò nhiều thiện chí đi *picnic* với sự tham dự của các bạn IVS của thầy, trong đó có anh Leon. Lớn hơn tôi bảy tuổi, anh là người Mỹ quê bắc California, học tiếng Việt với tôi, và trở thành bạn thân.

Chúng tôi thường *picnic* ở các bãi sông cát mịn bên dòng nước lặng và dưới nhiều bóng cây trong những khu rừng gần Cầu 14. Trên Quốc lộ 14 về phía nam, Cầu 14 hẹp, chỉ đủ rộng cho

một đường xe chạy qua, và bắc qua sông Xrepok. Con sông này là hiệp lưu của hai dòng sông nhỏ là Krong Ana và Krong Kno (tiếng Ra-đê nghĩa là *sông Mẹ* và *sông Bố*) bắt nguồn từ phía nam dãy Trường Sơn nên vùng này có nhiều sông ngách, suối, và ghềnh thác.

Ăn trưa xong, bọn học trò chia thành từng nhóm chuyện trò, đàn hát, nói chuyện với mấy anh chị IVS bằng tiếng Anh, tắm nắng, bơi lội, và chạy nhảy vui đùa. Tôi và anh Leon men theo bờ sông lên phía nguồn “thám hiểm,” tìm thác nước hay cảnh lạ. Lần nào tôi cũng thấy thấp thoáng một hai người lính có vẻ là người Kinh nhưng ăn mặc giống người Thượng và mang võ khí khác hẳn khẩu súng carbine M1 thông thường.

Một hôm, tôi và anh Leon tìm thấy một chiếc thác rộng, cao chừng năm thước; nước đổ xuống ầm ầm và chảy cuồn cuộn qua gành đá lớn. Sau những năm tắm sông ở Huế, tôi bơi lội khá giỏi và ít khi bỏ lỡ một dịp khoe tài nên rủ anh vượt thác bơi xuôi dòng về phía hạ lưu, nơi cả bọn đang tụ họp. Anh chưa kịp nhận lời thì tôi đã xăng xái nháy xuống, bị nước cuốn đi, và nhận ra mãnh lực kinh hồn của dòng thác thì đã muộn. Tôi trôi nhanh như tên bắn và bất ngờ bị đẩy vào cái khe há mồm hình chữ V giữa hai tảng đá khổng lồ nấp dưới làn nước sủi bọt trắng xóa. Càng chống chọi bơi ngược dòng để trời lên, tôi càng bị ấn sâu vào hốc đá tối đen. Tôi vùng vẫy một cách tuyệt vọng; anh Leon không dám xuống mà vội vàng chạy về bãi sông tìm người giải cứu.

Khả năng nín hơi dưới nước đã đến tận cùng, nhưng cố gắng không thở để khỏi bị sặc nước, tôi dần dần thấy buồn ngủ và thiếp đi lúc nào không biết. Lúc tỉnh dậy, tôi thấy mình đã được dòng sông đẩy trôi về nằm trên mé nước không xa chỗ các bạn đang bơi lội gọi nhau ầm ĩ. Anh Leon lúc ấy mới hỗn hển chạy tới,

“Em giỏi thật, bơi nhanh hơn tôi chạy bộ. Làm tôi sợ muốn chết!”

Những chuyện xảy ra tôi chỉ kể cho Hương Nhã nghe và bắt chị hứa sẽ giữ kín. Mẹ mà biết được thì kể như bị... cấm cung, hết còn được đi đâu.

* * *

Cuối hè, sau kỳ thi Tú tài I, tôi và các bạn trong lớp sửa soạn chia tay vì trường chưa có đệ nhất (lớp 12). Tôi dự định về Huế và các bạn kẻ đi Đà Lạt, người xuống Sài gòn, lại có đứa tình nguyện gia nhập quân ngũ.

Một sáng đẹp trời, tôi và thằng Kha và thằng Điền cùng với sáu đứa khác tụ họp trước Hội trường Hòa Bình và đi du ngoạn bằng xe đạp, chuyến đi chơi chung cuối cùng trước khi hát bài *biệt ly nhớ nhung từ đây*. Theo Quốc Lộ 21 về hướng Ninh Hòa, phong cảnh hữu tình, bạn bè vui chuyện, và đường xuôi dốc nhẹ êm, chúng tôi đi một mạch đến Cây số 29, nhà thằng Vinh trong khu đồn điền, lúc nào không hay. Sau bữa ăn trưa gia đình thằng Vinh khoản đãi, chúng tôi đi chơi loanh quanh đến chiều sửa soạn ra về thì trời đổ mưa. Mưa rừng nước tuôn như thác đổ, bầu trời đen nghịt, và sấm sét nổ giăng khắp nơi. Sau trận mưa xối xả, đường sá trơn trượt và ban đêm tối đen như mực, và rần rết và thú vật trong rừng tránh nước lũ bò ra đầy dẫy mặt đường. Bố mẹ thằng Vinh nhất định giữ chúng tôi ở lại đêm; lo thì có lo, nhưng bọn tôi sung sướng vì bất ngờ được vui chơi với nhau thêm một đêm!

Sáng hôm sau trên đường về chúng tôi đạp xe ngược chiều với từng đoàn GMC nhà binh (loại xe chuyên chở quân sự lớn) chở đầy quân nhân nguy trang với súng ống đạn dược đầy mình trong tư thế sẵn sàng tác chiến. Tôi lo lắng nói với thằng Kha,

“Lính hành quân kiểu này chắc hẳn sắp có cuộc đụng độ lớn đâu đây.”

Chúng tôi đạp xe nhanh, mong sớm về tới nơi an toàn. Càng lo hơn khi thấy hai chiếc phi cơ trinh sát L-19 bay là là trên bìa rừng như đang kiếm người; loại máy bay này có nhiệm vụ tiền thám, tức là dò tìm vị trí của địch. Chúng tôi có cảm tưởng như hàng trăm, hàng ngàn họng súng của cả hai bên đang hờm sẵn và chực nhả đạn vào nhau trong khi chúng tôi đạp xe ngỡ ngờ giữa bãi chiến trường. Thằng Điền rên rĩ,

“Mẹ kiếp, phen này chỉ có nước chết toi thôi *con* ạ!”

Về đến trạm kiểm soát an ninh ở Cây số 3, chúng tôi mới hoàn hồn. Trạm kiểm soát được tăng cường với một hàng thiết vận xa và chiếc xe Jeep chỉ huy gắn đại liên đầu sau cùng. Tôi nhận ra vị sĩ quan mặc áo giáp đỡ đạn trên xe Jeep là người quen thân bèn vẫy tay chào. Đột nhiên, anh mừng rỡ nhảy phắt xuống xe, chạy lại túm lấy tôi, và đá nhẹ một phát vào mông,

“Mày đi đâu suốt đêm, ông già lo qua trời?”

“Thì ra cuộc hành quân đi tìm bọn mình! Thằng *Ba Hoa* thế nào cũng bị ăn lươn mây quần đất,” thằng Điền cười, thở ra nhẹ nhõm.

Đêm qua không thấy con về nhà, bố thằng Kha và các ông bố ở khu Trần Hưng Đạo chia nhau tìm kiếm khắp nơi và sau cùng đến nhà Hương Nhã hỏi thăm. Chị không biết chúng tôi đi đâu nhưng thuật lại những chuyện tôi đã gặp. Các ông đưa chị đến nhà trình bày sự việc với cha, người cũng đang nóng lòng không kém. Cha tức tốc điều động một trung đội lục xét vùng Cầu 14 tìm chín học sinh trường Trung học BMT bị “mất tích.”

Bốn giờ sáng, trung đội trở về tay không, và các bộ phận tình báo kiểm chứng và xác nhận nguồn tin “Việt Cộng hiện diện” trong vùng. Dượng Đan, tham mưu trưởng sư đoàn và là chồng o Năm tôi, được gọi khẩn cấp vào Phòng Hành quân. Bảy giờ sáng, cuộc hành quân phòng ngự ngăn ngừa địch quân xâm nhập Cao Nguyên được chấp thuận, và cuộc hành quân bắt đầu.

* * *

Ông bà ngoại tôi chỉ có hai người con: mẹ và cậu Các lớn hơn mẹ bốn tuổi. Ông ngoại mất sớm, bà ngoại lo buôn bán ngược xuôi nên hồi bé cậu chăm sóc mẹ và hai anh em một mực thương yêu nhau. Thời niên thiếu, cha và cậu là đôi bạn khăng khít; cậu bỏ nhà theo kháng chiến khi mẹ mới mười ba.

Năm 2008, bảy mươi năm sau, được tin cậu mất ở Quảng Bình, mẹ bảo tôi kêu gọi các em đóng góp một món tiền lớn gửi về lo ma chay và biếu tặng các anh chị con của cậu. Trước đó vài năm tôi có việc về Việt nam và đã gặp cậu nhưng không mấy có cảm tình với “anh Việt Cộng gộc” ấy nên tỏ vẻ miễn cưỡng. Mẹ hiểu ra,

“Con phải biết, nhờ cậu mà con sống sót đến ngày hôm nay...”

“Mẹ nói *răng*, con không hiểu?” tôi kinh ngạc ngắt lời.

“Năm xưa ở Ban Mê Thuột, nếu lính của cậu không cứu thì con đã chết sinh xác ở Cầu 14 còn *mô*.”

Mẹ kể, sau nhiều năm theo *bên tề*, cậu trở thành sĩ quan cao cấp trong bộ đội miền Bắc. Số trời dun rủi, khi cha có bốn phạm trấn giữ BMT, cửa ngõ của vùng Cao nguyên, thì cậu lại là tư lệnh chiến trường “Tây nguyên” của Việt Cộng. Ngoài mẹ ra, cha giữ kín không cho ai biết điều này. Trong cuộc thư hùng hung hiểm, đôi bạn thân xưa nay là hai kẻ tử thù quan sát và ghi nhận từng nước cờ của địch thủ. Đã hiểu nằm lòng tính tình, sở thích, và lối suy nghĩ của phe nghịch, hai con cọp già gầm gừ vờn nhau, đợi phút sơ hở của đối phương là giương nanh vuốt chồm tới. Nếu chưa chắc thắng thì chưa vội ra tay; một sơ suất nhỏ có thể bị trả giá bằng hàng ngàn sinh mạng.

Những lần tôi đi chơi rừng đều có người của cậu theo dõi, và họ đã cứu tôi ra khỏi hốc đá dưới thác nước. Tôi thấy họ mà dấu biệt, nhưng rồi cha cũng biết và không hề lo ngại. Cha tin dù là người Cộng sản sát đá cậu sẽ không hại cháu mình: mẹ sẽ không bao giờ tha thứ cho cậu nếu có chuyện gì xảy ra cho con bà. Trên đời, cậu chỉ có mẹ là người thân duy nhất.

Thế rồi dùng một cái, tôi và các bạn “mất tích” – bị phe kia bắt giữ. Nghĩa là tình thế đã thay đổi: hoặc cậu bị thay thế, hoặc chiến thuật của Cộng quân đổi chiều; cha cần ra tay đánh phủ đầu để chiếm thượng phong. Kế hoạch cuộc hành quân ồ ạt chúng tôi chứng kiến sáng hôm ấy, sau trận mưa rừng, đã vạch sẵn từ lâu và nay chỉ mang ra thi hành.

Mẹ rưng rưng nước mắt,

“Thua trận xiềng liềng, thân bại danh liệt, và bị bọn Hà nội kết tội phản động và cấu kết với Mỹ-Ngụy, cậu chịu tù tội hơn hai mươi năm và qua đời trong cảnh cô lập và nghèo khó.”

“Cám ơn mẹ đã cho biết cuộc đụng độ ly kỳ ấy. Các con sẽ cố giúp đỡ gia đình cậu,” tôi hứa với mẹ.

Ngày ấy tôi không bị cha đánh đòn vì tội đi hoang. Vì thực ra tôi và các bạn có công nhiều hơn có tội – có lẽ “nhờ” chúng tôi mà mặt trận Cao nguyên tương đối yên tĩnh thêm một năm.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 20 tháng Giêng, 2016

Không Còn Giữ Được Lời Hứa

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Cuối hè 1964, sau khi thi đậu Tú tài I, tôi và các bạn đệ nhị (lớp 11) trường Trung học Ban Mê Thuột (BMT) sửa soạn chia tay vì trường không có đệ nhất (lớp 12). Thăng Kha xuống Sài Gòn học trường Chu Văn An, Thăng Vinh đi Đà Lạt vào trường Trần Hưng Đạo, và một số nam sinh khác tình nguyện gia nhập Không quân đang ráo riết tuyển mộ để huấn luyện thành phi công trực thăng. Tôi dự định về lại trường Quốc Học ở Huế thì trường loan báo niên khóa tới sẽ mở lớp đệ nhất đầu tiên.

Không được về trường cũ nhưng tôi không thất vọng vì nhiều bạn thân vẫn còn ở BMT: Hương Nhã và Thăng Điền học đệ nhất B (ban Khoa học Toán) và Kiếm đệ nhất A (ban Khoa học Thực nghiệm). Trường mở cả đệ nhất C (ban Văn chương). Ba ban tổng cộng không tới ba chục học sinh học chung tất cả các môn phụ có chương trình giống nhau, và nhờ đó tôi quen thân với Thiên Du từ lớp đệ nhị C lên. Thiên Du người nhỏ thó, mặt xinh xắn với chiếc răng khểnh duyên dáng, và khiếu văn chương biểu lộ qua sự hoạt bát, nhanh trí, và khôn khéo của cô gái người Bắc.

Lớp mới của trường thu hút học sinh từ nhiều nơi khác, hầu hết đã học đệ nhất năm trước mà không đậu Tú tài II, trong số có Thăng Châu từ Sài Gòn lên. Nó kể chuyện có duyên, hay khôi hài sống sượng, có khiếu chọc cười, và chinh phục đám học trò tỉnh nhỏ với những chuyện Sài Gòn mới lạ. Khi cả bọn ngồi tán gẫu, chỉ có Thiên Du mới có khả năng đối đáp lại với Thăng Châu; hai người bề ngoài hay cãi vã, nhưng tôi biết họ dành cho nhau nhiều cảm tình kín đáo.

Thăng Châu ít khi nói về mẹ nó. Tình cờ tôi đọc tiểu sử của bà trong sách Việt văn đệ nhị: Có khiếu thơ văn từ nhỏ, năm mười ba tuổi bà đã có thơ đăng trên Nam Phong Tạp chí, và năm mười sáu tuổi được trao tặng giải thưởng văn chương của triều đình dưới thời vua Bảo Đại. Là nhà báo phụ nữ đầu tiên, bà là nữ văn sĩ duy nhất được Vũ Ngọc Phan lựa chọn và phê bình trong bộ *Nhà Văn Hiện Đại*. Sau Hiệp định *Giơ Neo* (Genève) 1954 bà ở lại Hà Nội hoạt động trong nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm, bị bắt giam, và là phụ nữ duy nhất trong nhóm bị kết án tù. Dương Đan nói mới vài năm trước bà lại bị đưa ra tòa xử thêm tội gián điệp và phản động. Trong phiên xử, bà can trường tự tay móc mắt mình và chỉ mặt bọn quan tòa Cộng sản, “Tao chỉ cần một con mắt, đủ để chứng kiến ngày tàn của cái chế độ khốn nạn của chúng mày!”

Qua những điều biết về bà mẹ, tôi mến phục Thăng Công, và hai đứa trở nên thân thiết. Nó giỏi Anh văn và làm thân nhanh chóng với anh Tracy người Mỹ, một nhân viên Đoàn Thanh niên Chí nguyện Quốc tế (hay IVS) đang học tiếng Việt với tôi. Năm nay anh hăm hai tuổi, nhưng với mái tóc vàng và khuôn mặt thật thà như trẻ con trông anh không khác gì học sinh đệ nhất. Quê ở tiểu bang Wisconsin và gia đình làm nông trại, anh gia nhập IVS khi vừa tốt nghiệp đại học và sang Việt nam phục vụ tại Trung tâm Thực nghiệm Nông Lâm Súc BMT (“Trung Tâm”).

Cách thành phố chừng mười cây số và nằm giữa núi rừng thơ mộng, Trung Tâm có một hồ nước rất rộng người BMT quen gọi là Hồ Trung Tâm và hãnh diện xem là một thắng cảnh của vùng này. Hồ được tạo thành bằng cách đắp đập chặn ngang dòng suối nên còn nhiều cây rừng lớn đứng gần bờ hay chết dưới mặt nước. Lần đầu tiên đưa tôi đến thăm hồ, anh Tracy hỏi,

“It’s really quiet here, isn’t it? (Ở đây thật yên lặng, phải không?)”

“And peacefully too! (Và yên tĩnh nữa!)” tôi buột miệng trả lời.

“Ba Hoa, tôi đã không dè em giỏi tiếng Anh như thế – giỏi hơn cả tôi!”

Anh khen ngợi khả năng dùng chữ chính xác của tôi. Anh ngạc nhiên hơn khi biết, vì thiếu sách vở và tài liệu, tôi tự soạn bài tiếng Việt dạy cho anh và bạn đồng hội IVS. Cơ quan có ngân quỹ trả tiền “thầy,” nhưng mẹ không cho nhận,

*“Họ qua đây giúp đỡ em, ngửa tay lấy tiền *răng đành?*”*

Anh cảm phục và yêu mến người bạn nhỏ, mong muốn tìm hiểu và hòa đồng vào nếp sống người Việt, và cuối tuần lấy chiếc xe Land Rover cũ kỹ, màu cà phê sữa nay thành nâu sậm vì bụi và bùn đất đỏ bám đầy, chở tôi và các bạn đi chơi khắp nơi. Từ ghềnh thác và sông hồ đến rừng cao su, đồn điền cà phê, buôn Thượng, và khu dinh điền (Kim Châu, Kim Phát, Giang Sơn, v.v.), nơi nào cũng có dấu chân chúng tôi.

Đáng nhớ nhất là chuyến đi chơi Hồ Trung Tâm một buổi trưa Chủ Nhật trời cuối thu nắng nhẹ. Trong lúc ba thằng con trai đứng tán gẫu (và luyện Anh văn) với anh Tracy, Hương Nhã, Kiếm, và Thiên Du rủ nhau ra bờ hồ và đứng đông đưa trên một cành cỏ thụ sà ra ngoài mặt nước. Đột nhiên có tiếng la thất thanh, nhìn sang thì thấy cành cây chết mục vừa gãy lìa và rơi tồm xuống nước, mang theo cả ba cô. Các cô vừa la vừa nhảy loi choi; nước chỉ lên tới cằm. Bọn con trai vội vàng chạy lại, nhảy xuống nước, và đỡ các cô lên bờ. Thấy các cô lạnh run, tôi đề nghị nửa đùa nửa thực,

“Sao mấy chị không ra sau bụi cây, cởi áo quần vắt cho khô nước?”

“Cam đoan không ai nhìn trộm,” thằng Châu hóm hỉnh.

“Nhìn trộm tôi chọc thủng đôi mắt, không có mà trông đâu!” Thiên Du dọa đùa.

“Đứng đắn đàng hoàng như bọn ta, nhìn thì nhìn công khai, ai thèm nhìn trộm?” thằng Điền cười khà khà.

Khoảng một tiếng đồng hồ sau, áo quần khô, chúng tôi tiếp tục vui chơi như thường. Tối hôm ấy, thằng Châu kể khi nâng Thiên Du lên khỏi mặt nước, bàn tay nó đã vô tình chạm vào “yêu huyết” giữa hai chân nàng. Nó sung sướng xòe bàn tay, đưa lên cao, và say sưa hát nhại bài “Một Bàn Tay” của Phạm Duy,

Bàn tay đưa em ra khỏi mặt hồ

Một mai kêu lên hơi thở tuyệt vời.

Bàn tay êm ái, ôi bàn tay khoan khoái ...

Thằng Châu đang ôm mối tình cam! Gần Tết, ba thằng lại nảy ra trò chơi mới: chọn hoa hậu toàn trường. Thằng Châu viết tờ cáo bạch để cổ động, tôi nhờ anh Tracy in ra và in phiếu ở văn phòng IVS, và thằng Điền huy động bọn con trai đệ nhị cấp, từ đệ tam (lớp 10) trở lên, tham dự. Kết quả cuộc bầu cử: Đào Nguyên lớp đệ tam A được bầu làm Hoa hậu. Mái tóc dài buông xõa

tự nhiên, làn da trắng muốt, và đôi môi hồng trên khuôn mặt trái xoan duyên dáng, Đào Nguyên là ước mơ của các nam sinh trong trường cũng như là mục tiêu chinh phục của các sĩ quan trẻ tuổi trong tỉnh. Nàng lại là người tài hoa, có tài ca hát, và là ca sĩ chính trong chương trình văn nghệ mừng xuân Ất Tỵ của trường ở Hội trường Hòa Bình.

Sau màn trình diễn, trong tiếng vỗ tay hoan nghênh của khán giả, Đào Nguyên bước vào hậu trường thì bỗng khựng lại. Choắt người và đen như củ súng, thầy Thuyên xuất hiện trong bộ quân phục tác chiến, phì phèo điếu thuốc lá, và hiên ngang đứng chờ cùng với một sĩ quan khác. Ngày trước thầy dạy Việt văn và Công dân giáo dục cho các lớp đệ nhất cấp, bị động viên vào Liên trường Võ khoa Thủ Đức, và rời BMT vài năm trước khi tôi vào trường.

Thầy Thuyên bước lại ôm Đào Nguyên và đặt một nụ hôn cưỡng bức trên môi nàng. Chung quanh, học sinh và giáo sư ngơ ngác sửng sờ. Tôi đờ người nhìn dáng điệu chống chở vô vọng của nàng, nét mặt tự hào hung hãn của thầy, và nụ cười đồng lõa độc ác của bạn thầy. Khi tôi hoàn hồn, Đào Nguyên đứng một mình ôm mặt khóc. Tôi chạy tìm thằng Điền, thuật chuyện, và tức tối trách mình,

“Tao hèn không thể tả, thấy nó làm chuyện tồi bại mà chẳng dám hó hé!”

Ba tuần sau, Tạp chí Văn ở Sài Gòn đăng một truyện ngắn gần mười trang của thầy Thuyên, một nhà văn khá nổi tiếng, thuật lại cuộc chinh phục oai bách ở BMT và mô tả từng chi tiết nổi kinh hoàng của cô gái trong cuộc. Ở nhà sách Văn Hải, số báo Văn ấy bán hết trong vòng một tiếng đồng hồ, học sinh và người lớn chuyền tay nhau đọc, và cả thành phố xôn xao bàn tán. Cầm cuốn báo đã tả tơi, thằng Điền giận dữ,

“Đ. m. thằng con khốn nạn thế là cùng! Nó đã sách nhiễu con Đào Nguyên từ khi ‘em’ học đệ thất đệ lục với nó. Tao còn lạ gì!” Đệ thất và đệ lục là lớp 6 và lớp 7 ngày nay.

“Lúc ấy ‘em’ mới mười hai, mười ba tuổi?” thằng Châu hỏi lại.

“Đúng thế.”

“Anh chàng này là thằng *sadist* – kẻ ác dâm. Không sai!”

“Đau nhất là nó nhấn tâm phá hại danh tiết của con bé. Thử hỏi, ở cái thị trấn nhỏ bé này, con Đào Nguyên bây giờ lấy ai?”

Thằng Điền rưng rưng nước mắt,

“Tao quen với gia đình nó, chơi với thằng anh nó, và biết nó từ thuở nó còn bé tí...”

“Quả đất tròn, trong đời thế nào tao cũng sẽ gặp thằng cha đó. Tao hứa với bọn mày là sẽ mắng thẳng vào mặt nó, ‘Anh là thằng đốn mạt!’ cho nó biết thân,” thằng Châu cười nhạt.

“Tao cũng vậy. Nhất định nhé,” tôi đưa ngón tay trở ngoéo với nó.

“Còn tao nữa; tưởng bố mày hèn lắm sao?” thằng Điền đưa tay ra.

Quả đất không đủ tròn để thằng Châu gặp lại thầy Thuyên trước khi nó qua đời. Nó rời BMT về Sài Gòn học Luật, cuối năm thứ hai thi rớt rồi đi lính, và trở thành phi công trực thăng đóng ở Biên Hòa. Một cuối tuần mùa hè 1973, nó ở nhà một mình, lau chùi khẩu súng cá nhân, và (có lẽ) chơi trò roulette kiểu Nga. Với trò chơi này, người chơi nạp một viên đạn vào khẩu súng lục có sáu ổ đạn, chừa năm ổ trống, dùng tay quay cầu âu (phó mặc may rủi) hộp đạn, chĩa nòng súng vào đầu, và bấm cò. Không biết nó quay được mấy lần trước khi ngã gục.

* * *

Bốn mươi năm sau, trong một lần gặp nhau và nhắc chuyện *ngày xưa còn bé*, thằng Điền sa sầm nét mặt khi tôi hỏi về Đào Nguyên,

“Tôi nghiệp con bé, hồng nhan đa truân. Sau khi bọn mình đi khỏi Ban Mê Thuật, lũ đàn ông theo đuổi nó, đưa tử tế thì hết thềm léo lánh, còn lại mấy thằng ba bữa thay nhau dụ dỗ lợi dụng ‘em,’ hưởng thụ xác thịt chán chê rồi quất ngựa truy phong.”

“Điều đó ngày xưa tụi mình đã đoán trước.”

“Rốt cuộc, ‘em’ bỏ xứ *Buôn Muôn Thuở* xuống Cam Ranh làm gái giang hồ.”

“Đào Nguyên, cô hoa hậu của bọn mình? Mà còn nhớ lời hứa với thằng Châu?” tôi lặng người thờ ra.

“Nhớ chứ, nhưng bây giờ *không còn giữ được nữa rồi.*”

Thằng Điền buồn bã chỉ tôi xem bản phân ưu mới nhận được qua điện thư,

Hội Ái Hữu Trung Học Ban Mê Thuật vô cùng đau buồn báo tin trẽ, cựu giáo sư, nhà văn, nhà báo ... THUYỀN đã từ trần ngày ..., lúc ... chiều, tại tư gia, Hưởng thọ ... tuổi. Tang lễ và an táng đã cử hành ngày

Tôi nhớ ra, tôi và Đào Nguyên chưa hề quen nhau. Chưa hề trao đổi một câu nói hay một nụ cười. Nhưng trong tâm khảm, nàng mãi mãi là cô nữ sinh đẹp nhất của *thuở học trò*.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 10 tháng Hai, 2016

Quới Nhơn Phò Hộ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

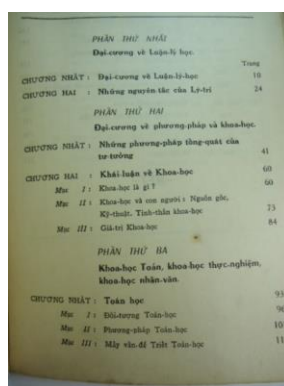
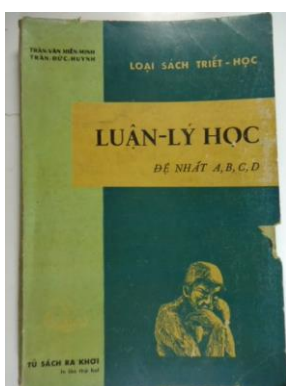
Sáng thứ Hai đầu tháng Mười 1964, trường Trung học Ban Mê Thuật (BMT) khai giảng các lớp đệ nhất (lớp 12) đầu tiên một cách bình thường, không nghi lễ phô trương. Giờ học đầu tiên của lớp đệ nhất B (ban Khoa học Toán) là giờ Toán do thầy Tiến phụ trách. Thầy mới tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế và trông trẻ mẫn. Rụt rè bước vào lớp và ngưng ngập ngời vào bàn, thầy run run mở đầu,

“Tôi rất hân hạnh được khai giảng lớp đệ nhất trường...”

“Vỗ tay đi anh em...” Mấy thằng lớn tuổi ngồi cuối lớp hô lên, và cả lớp vỗ tay rào rào theo khiến thầy đỏ bừng mặt và thêm lúng túng.

Thầy soạn bài cẩn thận và dạy tận tâm, nhưng bài giảng khô khan khó hiểu vì “toán đệ nhất khó ác liệt” – một ông chú họ ở Huế đã than thở như thế! Chú tôi lấy bìa cứng cắt mẫu hình *ellip* (ellipse) cắt trong túi để khi làm toán lấy ra vẽ cho đúng khiến mấy đứa học trò nhỏ như tôi lé mắt phục lẫn. Toán đệ nhất B gồm bốn môn: Hình học, Đại số, Lượng giác, và Cơ học, nếu không kể Số học, Thiên văn học, và Hình học Họa hình đã được Bộ Quốc gia Giáo dục (“Bộ”) bỏ bớt. Hè vừa qua tôi đã nếm mùi thách thức của cả bảy môn Toán khi thu góp sách học năm tới và cố học hết trước khi niên học mới bắt đầu. Nhớ ra chú không phải là tay học giỏi, thi Tú tài II rớt kỳ đầu, và kỳ sau mới đậu.

Lên đệ nhất mới được học môn Triết “thâm sâu ghê gớm” – lời một ông chú họ khác. Ông này hay cầm cuốn sách trong bộ *Triết Học Đại Cương* của Cao Văn Luận, vừa lẩm bẩm vừa gật gù, và ra dáng ta đây là nhà triết gia chân chính. (Theo Plato, nhà triết gia thời cổ Hy Lạp, “*Triết gia chân chính là người ưa thích phát hiện ra chân lý.*”) Phần chính của chương trình Triết ban A (Khoa học Thực nghiệm) và ban B là Luận lý học, nếu không kể Đạo đức học vừa được Bộ lược bỏ. Ban C (Văn Chương) phải học thêm Tâm lý học và Siêu hình học. Bộ sách của chú và cuốn *Luận Lý Học* của Trần Đức Huỳnh và Trần Văn Hiến Minh đã được tôi thích thú nghiền ngẫm suốt mùa hè mà chưa phát hiện ra... lý cái chân nào.



Thầy Đình dạy Triết mới tốt nghiệp Đại học Sư phạm Sài Gòn và, với cặp kính cận khá dày, trông đạo mạo và già dặn. Bài giảng của thầy có nhiều danh từ Triết như “siêu vượt,” “siêu hóa,” “tiên nghiệm,” “tiên thiên,” và “phạm trừ” mà ngoài phạm vi bài học tôi không biết cách dùng. Thầy hiền khô; học trò có đùa giỡn quá trớn, thầy cũng chỉ cười nhẹ rồi bỏ qua.

Khi phong trào sinh viên học sinh xuống đường biểu tình lan rộng, Bộ ra lệnh cho các trường cho phép học sinh bầu Ban Đại diện. Liên danh đệ nhất do tôi làm Chủ tịch, thằng Châu Phó Chủ tịch, và thằng Điền Tổng Thư ký đắc cử dễ dàng. Danh xưng “Ban Đại diện Học sinh” tự nó đã đặt chúng tôi vào vị trí đối địch với Ban Giám hiệu, và thầy Mấu hiệu trưởng bày tỏ thái độ thù nghịch ra mặt.

Dự án đầu tiên của Ban Đại diện là ấn hành nguyệt san học sinh Trung học BMT. Thầy Mấu chấp thuận nhưng nói muốn làm báo học sinh phải tự túc và bài vở phải được thầy Đình, giáo sư hướng dẫn, duyệt trước. Nhóm bạn Mỹ trong tổ chức Thanh niên Chí Nguyện Quốc tế (hay IVS) học tiếng Việt với tôi sẵn sàng giúp đỡ về giấy, mực in, và phương tiện ấn loát. Bài vở các lớp dưới gửi tới rất phong phú và, bắt chước các tờ báo hàng ngày, tôi và thằng Châu viết mục Phiếm luận trào phúng về các sinh hoạt trong trường.

Số báo ra mắt phát hành suôn sẻ và được cả học sinh lẫn giáo sư (ngoại trừ thầy Mấu) nhiệt liệt hoan nghênh. Mục Phiếm luận viết cho số báo thứ hai có một đoạn văn nửa đùa nửa thực nói về “thầy Tâm thật tử tế, thích tâm tình,” và hay cười duyên với học trò khác phái, tôi cho là vô thưởng vô phạt. Thầy Đình cũng nghĩ như thế nên không “kiểm duyệt” và đồng ý cho in. Không may, trước khi báo phát hành, chúng tôi được tin cô Tâm dạy Việt văn phạt lòng về bài báo ấy. Chúng tôi xin “tự ý đục bỏ,” dùng bút đen đoạn văn làm méch lòng, nhưng thầy Mấu ra lệnh hủy số báo và đình bản vĩnh viễn.

Họp lại quyết định thật nhanh, ba thằng lễ mễ ôm ba chồng báo, xếp thành đống trước cột cờ trong sân trường, châm lửa đốt, đứng chống nạnh nhìn ngọn lửa lên cao giữa tiếng hoan hô vang dậy của học sinh khắp trường rồi sánh vai nhau đi về lớp học. Lúc bị gọi lên văn phòng hiệu trưởng, tôi ngang nhiên,

“Chúng em tuân lệnh thầy hủy số báo, đốt hay liệng bỏ thì có khác gì nhau? Vả lại, bài viết đã được giáo sư hướng dẫn kiểm duyệt và cho phép in. Nếu thầy có can đảm thì công bố cho mọi người biết lý do thực sự thầy buộc tờ báo phải đình bản.”

Thầy Mấu giận tím mặt không thềm nói một lời. Kết quả là ba thằng bị đưa ra Hội đồng Kỷ luật, đuổi học hai tuần lễ, và tước bỏ chức vụ trong Ban Đại diện. May là cha mẹ không hề biết tôi bị đuổi học.

* * *

Cuối năm, bọn học sinh đệ nhất khẩn gúi đi thi Tú tài II ở Nha Trang vì BMT tỉnh nhỏ không có hội đồng thi. Trước khi đi, mẹ dặn,

“Mẹ coi thầy nói chuyện *ni* con đi hung nhiều, cát ít, và bị tiểu nhân ám hại. Nhưng may có quới nhơn phò hộ nên tai qua nạn khỏi, mã đáo thành công.”

Quả nhiên, vào phòng thi ở Hội đồng Võ Tánh, tôi điếng người nhận ra một trong hai vị giám thị, một nam một nữ, là thầy Cự dạy Anh văn ở trường Quốc Học Huế. Ngày tôi học đệ tam (lớp 10) ngoài đó, thầy hướng dẫn một phái đoàn IVS vào phòng thí nghiệm thăm lớp tôi lúc ấy được dàn cảnh để đón tiếp. Thầy nói tiếng Anh giọng Huế mấy anh Mỹ IVS không hiểu, tình cờ họ hỏi chuyện tôi và được trả lời thông suốt, và sau đó học trò xầm xì chê thầy nói tiếng Anh không bằng thằng học trò đệ tam. Thế là tôi bị thầy thù ghét!

Theo tên xếp theo thứ tự ABC, tôi ngồi cạnh một anh tên Hòa, lớn tuổi và đã thi không đậu hai năm liền tiếp. Đã nghiên cứu thành tích của tôi (năm ngoái đậu thủ khoa khóa Tú tài I tại hội đồng này), anh ta nhất quyết nhờ vả,

“Mình đi thi, cần giúp đỡ nhau để thành công.”

“Tui học để thi và không tính nhờ cậy ai,” tôi ngập ngừng.

“Nhưng bạn có bốn phạm giúp người! Năm nay không đậu tôi phải đi lính.”

“Tới đâu hay đó, không dám nói trước,” tôi trả lời lửng lơ.

Môn thi đầu tiên là Triết; dường như anh Hòa làm bài được và thầy Cự không nhớ ra tôi. Tiếp theo là Toán, môn chính của ban B có hệ số cao nhất, thời hạn hai giờ. Nửa tiếng đồng hồ đầu tiên, anh ta ngồi cắn bút và để tôi yên ổn làm bài, nhưng sau đó lôi kéo liên tục bắt tôi đưa bài giải. Đồng hồ đeo tay chỉ phút thứ bốn mươi lăm, tôi đang làm tính trên giấy nháp thì anh ta thò tay chụp lấy kéo về phía mình. Không chậm một giây, thầy Cự bước tới, tịch thu tờ giấy nháp, và chỉ mặt tôi,

“Tôi bắt gặp quả tang anh gian lận, cung cấp bài cho anh kia.”

“Dạ không, nó giật giấy nháp của con,” tôi quỳnh quáng cãi.

“Tôi thấy rõ ràng mà anh còn cãi bướng. Bây giờ tôi làm phước cho anh nộp bài rồi đi ra; nếu không tôi lập biên bản đưa anh ra Hội đồng, cấm thi cho anh tàn đời.”

Tôi lẳng lặng làm theo lời thầy, nhìn thấy đôi mắt ái ngại của cô giám thị. Các môn thi còn lại, cô đứng bên tôi canh chừng; cứ mỗi lần tôi viết hết một tờ giấy, cô lấy giữ giùm, và khi tôi làm bài xong, cô trả lại cho tôi dò rồi thu bài. Anh Hòa hết phương quấy rầy, và thầy Cự cũng hết làm khó.

Thi Tú tài II gồm hai đợt: thi viết các môn chính đậu mới vào vấn đáp khảo hạch Sinh ngữ, với tôi Pháp văn là Sinh ngữ I (ngoại ngữ chính) và Anh văn là Sinh ngữ II (ngoại ngữ phụ). Trong khi chờ kết quả thi viết, đám bạn BMT tụ tập ở nhà người bà con của Kiểm, cô bạn thân học bên đệ nhất A, nơi đó nàng và các bạn nữ sinh tạm trú để đi thi. Tôi há hốc mồm khi Kiểm giới thiệu cô Tứ Vân, bà o của nàng – chính là cô giám thị phòng thi. Cô đi du học bên Hoa Kỳ, về dạy Anh văn ở trường Đồng Khánh ngoài Huế, và kỳ này vào Nha Trang chấm thi. Mái tóc dài ngang lưng bằng phẳng, nói nhanh, và hay cười, cô an ủi tôi,

“Cô đã nghe chuyện ông Cự và biết em từ giờ đầu tiên, nhưng *hấn* ra tay bất ngờ quá, cô cản không kịp.”

“Dạ, nhưng dù *rằng* con cũng sẽ đậu thi viết,” tôi đoán chắc.

“Bữa *ni* gặp cô là em may lắm. Giám khảo vấn đáp Anh văn chỉ có hai giáo sư ngoài Huế vô. Cô dạy Anh văn Sinh ngữ I, và *hấn* dạy Anh văn Sinh ngữ II; nếu cô không ra tay thì em sẽ vô vấn đáp với *hấn* và khó lòng qua lọt cửa ải *nớ* lắm.”

“O giúp Ba Hoa nghen; hấn học giỏi mà tội lắm,” Kiểm giục già.

“Để o tính cho; thầy bà bê bối *mần* chuyện tầm bậy là không được với o. Dân Huế kêu o là cao bồi Texas vì o có ngán ai *mô!*”

Không biết cô Tứ Vân dàn xếp thế nào mà tất cả học sinh BMT đậu thi viết, dù Anh vẫn là Sinh ngữ I hay Sinh ngữ II, đều thi vấn đáp với cô và được điểm cao. Trên đường từ Nha Trang về nhà, tôi sửa soạn trả lời với cha về kết quả thi. Vừa thấy mặt tôi cha quát lớn,

“*Răng* năm ngoái *mi* đậu tối ưu mà năm *ni* đậu ưu thôi?” Cha đã được báo cáo.

“Dạ, các môn thi Tú tài II thuộc chuyên khoa, khó gấp mấy lần Tú tài I,” tôi bình tĩnh giải thích.

“Có đũa *mô* đậu ưu như *mi* không?”

“Dạ không, có bốn năm đũa đậu bình.” Cha cũng đã biết rồi.

“Ừ...” Cha ra hiệu cho tôi xuống nhà dưới.

Thực sự, các môn thi tôi đều làm bài hoàn hảo. Buổi thi toán, với tài giải toán nhanh và chính xác, tôi làm bài xong xuôi, dò lại cẩn thận, ghi vội vàng lời giải trên tờ giấy nháp định để lại cho anh Hòa, và sắp đứng dậy nộp bài thì đúng lúc thầy Cự xông tới bắt tội.

* * *

Năm sau, về Sài Gòn học trường kỹ sư, tôi nộp đơn ở Bộ xin học bổng Colombo đi Gia Nã Đại du học và được chấp thuận. Gia Nã Đại cấp học bổng này trong Kế hoạch Colombo, tổ chức quốc tế có mục đích hợp tác phát triển kinh tế và xã hội trong khu vực Á châu và Thái Bình Dương thành lập năm 1951 và nhóm họp lần đầu tiên tại Colombo, thủ đô của Tích Lan, ngày nay gọi là Sri Lanka. Ngoài văn bằng Tú tài I và II và học bạ trung học, tôi phải nộp rất nhiều giấy tờ lĩnh kính như giấy khai sinh, Chứng chỉ Không Thiếu Thuế, và Tư pháp Lý lịch Mẫu số 3 (chứng chỉ không can án).

Phái đoàn Gia Nã Đại trong Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến Đông Dương gửi tôi đi học Anh văn ở Hội Việt-Mỹ bốn tháng, Đại học Ottawa ở thủ đô Gia Nã Đại nhận vào học ngành kỹ sư Điện tử, và tôi đã may áo quần và hoàn tất mọi thủ tục xuất ngoại. Đã có đầy đủ giấy thông hành, giấy nhập học, giấy báo phòng nội trú, vé máy bay, v.v. Ba ngày trước khi tôi lên đường, Bộ gửi công văn sang phía Gia Nã Đại báo tin thu hồi học bổng. Lý do: khi được yêu cầu xác nhận, trường Trung học báo cáo học bạ xử dụng trong đơn xin là giả mạo. Để đáp lại thái độ ngạo mạn của tôi năm trước, thầy Mấu xuống tay không thương tiếc.

Khi cơn đau thất bại đầu đời lắng dịu, tôi tự nhắc nhở mình vẫn là sinh viên trường kỹ sư và phải phấn đấu để có ngày thành đạt. Sau gần nửa năm chuẩn bị đi du học, tôi trở thành sinh viên giỏi Anh văn nhất trường và nhất là có thêm một va-li quần áo mới toanh và sang... như Tây. Dường như vẫn còn có quới nhơn phò hộ!

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 9 tháng Ba, 2016

Thương Phu Trích Lệ

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Nhà tôi nhìn ra đường Lê Lợi và đầu lưng với Hội trường Hòa Bình nhìn ra Ngã Năm có *Cột Đèn Ba Ngọn* ở chính giữa. Nhà thờ chánh tòa nằm phía bên kia Ngã Năm, đối diện với Hội trường, cũng được gọi là *Nhà thờ Ba Ngọn*. Giữa nhà tôi và Hội trường là hàng rào kẽm gai cao mà thưa; thay vì đi bộ ra phố bằng đường chính, tôi đi ngỏ sau bằng cách banh dây kẽm gai, đè xuống, khom người, và lòn ngang qua.

Căn gác gỗ trên nhà bếp, giang sơn của tôi, cách xa tường sau của Hội trường khoảng mười thước. Khi có gánh cải lương lưu diễn, các chuyện tình cải lương và những câu ca náo ruột vọng sang mồn mốt suốt buổi tối. Tôi nhớ mãi giọng ca truyền cảm của kếp Thành Được trong vở *Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài*,

Anh Đài ơi! Từ đây muốn gặp nhau hãy ra nơi Nam Sơn Tiểu Lộ.

Vì xác thân anh đã vùi sâu nơi đáy mộ h...oa...oa...ng ư...ừ...ừ t...à...à...n.

Tụi bạn kháo nhau tôi “tối ngày đi chơi, không thềm học” mà vẫn học giỏi vì thấy tôi hay lang thang tán gẫu với mấy thằng bạn ở gần (vào những tối cải lương), cuối tuần la cà ngoài phố với anh Dương, bạn thân của ông chú họ ngoài Huế, và không bao giờ ngần ngại nhận lời đi chơi với bạn bè. Chúng có biết đâu tôi đã thanh toán xong chương trình từ hồi hè; giờ học có hiệu quả nhất của tôi từ ba đến bảy giờ sáng, khi mọi người còn ngủ; và tôi suy nghĩ và làm toán liên tục, kể cả lúc đi chơi, để thi đua giải toán với thằng Công, thằng bạn thân giỏi toán nhất trường Quốc Học Huế.

Anh Dương tốt nghiệp trường Võ bị Quốc gia mang cấp bậc thiếu úy về phục vụ ở Bộ Tư lệnh Sư đoàn XX Bộ binh. Anh đưa tôi đi ăn, quanh quần phố rồi vào ngồi quán cà-phê Trúc trên đường Quang Trung. Nói là “quán cà-phê” nhưng bán cả bia rượu, có sàn nhảy để khiêu vũ, và cuối tuần có nhạc sống do ban nhạc học sinh trình diễn. Anh Dương chuyện trò, uống rượu, và khiêu vũ đến khuya rồi cùng tôi về căn gác gỗ nằm ngủ, đi bộ chỉ mất năm phút.

Khoảng gần Tết năm tôi học đệ nhất (lớp 12), anh Hoàng xuất hiện. Ngày ngoài Huế anh đã đính hôn với bà cô họ tôi, nhưng không biết vì lý do gì nhà gái thối hôn. Thi rớt Tú tài, anh tình nguyện nhập ngũ vào Liên trường Võ khoa Thủ Đức, ra trường phục vụ ở Phan Thiết, vừa được thăng cấp trung úy, và đổi về Trung đoàn YY Bộ binh. Anh uống rượu nhiều, hành động khó đoán trước, và hay bốc đồng, không điềm đạm như anh Dương.

Một chiều Chủ Nhật tôi và anh Dương gặp anh Hoàng và mấy sĩ quan đồng ngũ ở quán Trúc. Bàn tán về một cô gái vừa đi qua trước cửa, anh Hoàng xuýt xoa,

“Người *chi* mà đẹp lạ lùng! Vẻ mặt xinh xắn, thân hình hoàn hảo, và dáng đi yêu kiều.”

“Đó là nhỏ Quyên dạy trường Sư Phạm Cao Nguyên. Nhưng *ai can du*; nhan sắc đẹp đẽ và người có học thức mà đàn ông Ban Mê Thuật không ai dám léo lánh tới,” đại úy Cân, thượng

cấp của anh, tiết lộ; trường Sư phạm Cao Nguyên đào tạo giáo viên (dạy tiểu học) người Thượng.

“Sao vậy, đại úy?”

“Nó có số sát phu! Năm ngoái, thằng trung úy An đại đội trưởng của tao đi hỏi nó; được hai tuần lễ thì bị bắn chết trong cuộc hành quân ở Buôn Hồ. Đầu năm nay, thằng trung úy Bình từ Pleiku đổi về thay thằng An, điếc không sợ súng, và dính hôn đúng ba tuần rồi cũng tiêu đời.”

“Hay là cô ta có nốt ruồi sát phu như chuyện trong sách?” anh chuẩn úy trẻ ngồi cạnh anh Hoàng hỏi.

Tôi nhớ đến sự tích Chiêu Quân cống Hồ: Chiêu Quân là mỹ nhân đời Hán Nguyên Đế bị kẻ gian là thị vệ Mao Diên Thọ lấy bút vẽ thêm nốt ruồi dưới mắt, nốt ruồi người Tàu gọi một cách văn vẻ là *thương phu trích lệ* (giọt lệ chôn chông), trong tấm hình dâng vua và tâu rằng nàng có tướng sát phu. Vua sợ chết tránh nàng và sau đó vì yếu thế phải nộp nàng cho chúa Hung Nô. Anh Cân không đồng ý,

“Chả có nốt ruồi nốt muỗi gì cả! Con nhỏ thuộc giống *vô mao bần chí tử*, tiếng Anh là ‘no hair.’”

“Vậy là sao, đại úy?” anh chuẩn úy cũng thắc mắc như tôi.

“‘Vô mao’ là chỗ ấy lảng *coóng*, không một sợi lông, và giống như con nít. Theo tướng số, đàn ông dính vào nòi ‘no hair’ là xui xẻo tận mạng.”

Cuộc thảo luận trở nên sôi nổi, mỗi anh nói một cách. Im lặng suy nghĩ và đợi mọi người nói xong, anh Hoàng từ tốn lên tiếng,

“Đại úy có thể giúp tôi không?”

“Việc gì? Bộ mày muốn hỏi cưới con Quyên?” anh Cân cười cười.

“Đúng vậy. Tôi bị tiếng sét ái tình đánh gục rồi! Được kè cận Quyên một ngày rồi chết cũng hả dạ,” không dè anh Hoàng đã yêu đậm.

Thế là – không ai ngờ tới – đám cưới của anh Hoàng và chị Quyên diễn ra dưới sự chủ hôn của đại úy Cân. Ba tuần sau, anh Dương đến nhà tìm tôi. Thấy nét mặt buồn dầu dầu của anh, tôi đoán ra,

“Anh Hoàng chết rồi, phải không?”

“Không hành quân đánh trận, nằm trong doanh trại mà cũng chết! Đêm qua cầm đèn pin đi xem xét giao thông hào phòng thủ, nó vô tình rọi ra ngoài thì bị bắn sể, chết tức thì!”

“Anh nghĩ là chị Quyên có số sát phu?”

“Dĩ nhiên là không! *Tau* được lệnh ông già nói chuyện với *mi*.”

“Học trò quên như *tui* mà làm được *chi*?” Lệnh cha, không thể không làm.

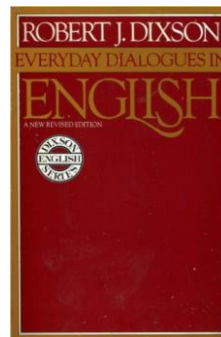
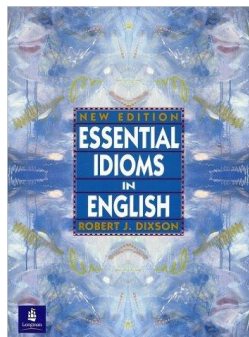
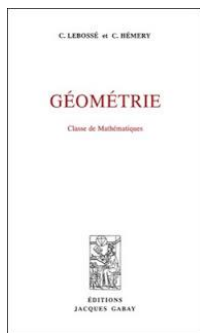
* * *

Tôi tháp tùng mẹ và phu nhân các sĩ quan cao cấp, chính thức gọi là Phái đoàn Ủy lạo Gia đình Tử sĩ, đến thăm viếng và chia buồn với chị Quyên. Mẹ trao cho chị món tiền tử tuất và tặng chị, theo tiêu chuẩn, một bao gạo và một thùng nước mắm. Chị khóc thút thít,

“Em xin cảm ơn bà...”

“Em cứ gọi bằng ‘chị’ cho thân tình. Ngoài tình huynh đệ chi binh với ông nhà chị, chú Hoàng còn có tình bà con; chú hay dẫn thằng *Ba Hoa* đi chơi và điu đất *hắn*. Em cần *chị* cho chị biết, đừng ngại.”

“Dạ, anh Hoàng có một số sách nhờ mua ở Sài Gòn cho chú ấy mà chưa kịp đưa. Hôm nào chị cho chú ghé lại em.”



Chị Quyên đưa cho tôi một chồng sách tôi có lần mơ ước với anh Hoàng, nhưng không nhờ anh mua. Những sách quý như cuốn *Géométrie* (Hình học) lớp đệ nhất của Camille Lebossé và Corentin Hémerly, ấn bản 1961 (mới nhất), đầy đủ và khó nhất trong các sách toán hiện hành, và bộ sách học Anh ngữ gồm ba cuốn của Robert J. Dixon *siêu* (tinh vi hay cao siêu) hơn bộ sách dùng ở trường tôi học hết từ lâu. Cả buổi tối, tôi vừa xem sách vừa nói chuyện trong khi chị nấu chè đậu xanh đánh đũa thằng bé ham ăn.

Dần dần quen thân, tôi đến nhà chị Quyên tối thứ Sáu, trước ngày cuối tuần gặp anh Dương, và được chị chiều chuộng như đứa em trai cưng. Gặp nhau thăm hỏi hàn huyên, chúng tôi không bao giờ đề cập tới các chi tiết liên hệ đến cha hay chức vụ của cha. Chỉ có một lần chị nói tới cái đề tài dễ động lòng,

“Em có tin chị mang chết chóc đến cho người đàn ông chị yêu thương?”

“*Tui* biết chị mấy chuyện người lớn *nó!*” tôi đã sửa soạn sẵn câu trả lời.

“Trải qua ba đời chồng mà chị vẫn còn trong trắng như thời đi học ở trường Đồng Khánh và Đại học Khoa học Huế.”

“*Rứa* với anh Hoàng?”

“Lễ cưới vừa xong là anh bị kêu vô đơn vị, cấm trại một trăm phần trăm. Cho đến khi anh mất!”

Khi chị Quyên hỏi sau Tú tài II tôi sẽ học ngành gì, tôi nhận ra mình mù tịt về chuyện đại học, gia đình tôi chưa có ai học lên đại học, và mấy ông chú họ học cao ở ngoài Huế thì không thể hỏi thăm. Chị tận tình chỉ dẫn, giúp tôi tìm hiểu và phân tích các ngành có thể học, và so sánh với khả năng của tôi. Tôi theo lời khuyên của chị và hãnh diện viết thư cho thằng Công,

... *Tau thấy trong các ngành học, kỹ sư điện là ngành dùng toán cao nhất...*

Tôi nộp đơn thi vào trường Cao đẳng Điện học thuộc Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật và chỉ thi vào trường này thôi. Tôi về Sài Gòn thi, thẳng Công thi ở Huế, và hai đứa đều trúng tuyển vào ban kỹ sư điện.

Tôi đến nhà chị Quyên báo tin thi đậu và từ giã để về Sài Gòn học. Chị đã biết tin trước, gương cười với tôi, nhưng mặt buồn rười rượi,

“Chúc mừng ông kỹ sư tương lai! Cha chị đau nặng, chị cần về Huế ngay.”

“Mai mốt chị có trở lại không?”

“Không, chị đã xin nghỉ dạy. Em đi rồi, chị không còn ai thân thiết ở thành phố *Buôn Muôn Thuở* này.”

“Không biết khi *mô* mới gặp lại chị. *Buồn để sợ!*”

Trời bỗng đổ mưa tầm tã khi tôi ra về. Chị gọi xích lô và đi cùng với tôi. Mưa rơi lộp độp trên tấm bạt che và át cả tiếng nói, chúng tôi phải kề mặt ghé tai mới nghe rõ. Trong chiếc xích lô chật hẹp, hai thân hình tựa khít vào nhau. Hơi ẩm từ cơ thể chị khiến người tôi nóng ran và tim đập thình thịch. Chị thì thầm, hơi thở thơm tho quyến rũ,

“Chị còn con gái, em nhớ không?”

“Ừ... ừ...” đầu óc tôi bấn loạn.

“Chị dành cho em... sẵn sàng cho em hết... Tới nhà rồi, em bằng lòng đi, chị lên gác với em.”

“Không chị ơi... *tui* không thể...” tôi choàng tỉnh, vội nhảy ra, và chạy nhanh vào nhà.

* * *

Quán Trúc đông người hơn mọi khi vì có tiệc “rửa lon” của anh Cân; anh vừa được thăng chức thiếu tá. Khoảng chín giờ tối, tôi uống đến chai Coca-Cola thứ ba, anh Dương từ sàn nhảy trở lại bàn, và đột nhiên chị Quyên xuất hiện kéo tay tôi,

“Mau theo chị, chạy mau...”

Tôi theo chị như cái máy; anh Dương cũng theo bèn gót. Ba phút sau, đến vỉa hè bên hông *Nhà thờ Ba Ngọn*, chúng tôi nghe hai tiếng nổ lớn liên tiếp phát ra từ trong quán. Chợt hiểu ra, anh chộp hai tay chị,

“*Mi...* cô... là đặc công Việt Cộng! Cô đã chỉ điểm cho đồng bọn ám sát ba sĩ quan; giờ thì khùng bố giết oan người vô tội!”

“Anh chỉ nói trúng về ba người chồng của tôi. Cho tôi ngồi, tôi sẽ khai hết. Tôi không còn nơi nào để trốn nữa đâu.”

Giận run nhưng anh cho phép chị Quyên ngồi xuống trên bậc thềm nhà thờ. Chị tiếp tục,

“Biết các anh gài *Ba Hoa* giao tiếp với tôi để dò thám, chúng tôi quyết định án binh bất động nên các anh không tìm ra manh mối.”

“Sao cô bỏ đi mà còn trở lại?”

“Được lệnh bắt cóc *Ba Hoa* đưa vào mật khu làm con tin, nhưng tôi không thi hành và bị quản thúc trong căn nhà dưới suối Đốc Học.”

Chị Quyên nhìn tôi nói qua nước mắt,

“Chị không thể nào hại em! Chị lén nghe được kế hoạch đánh quán Trúc: thay vì đèo sau xe gắn máy tung lựu đạn vào mục tiêu như thường làm, cán bộ cảm tử cầm hai tay hai quả lựu đạn, vào tận nơi mới rút chốt, và chết chung. Chị tìm cách thoát thân, tìm đến, và vừa đúng lúc cứu em ra.”

“Còn xác người *chừ* nằm la liệt bên *tê*?” tôi không biết nên biết ơn hay thù ghét chị.

“Dù sao, chị chưa bao giờ đối gạt em điều gì.”

“Việt Cộng nằm vùng gian ác đội lốt giáo sư hiền hòa đáng kính. Không phải chị đối gạt *tui* từ đầu chí cuối hay *răng*?”

Tôi phát hiện ra chân lý bằng cách áp dụng tam đoạn luận của Aristotle (384 - 322 trước Tây lịch) trong Luận lý học, một phần của chương trình Triết lớp đệ nhất,

Việt Cộng là kẻ ác.

Chị Quyên là Việt Cộng,

Vậy chị Quyên phải là kẻ ác.

Thiện ác, ân oán, và bạn hay thù đã rõ ràng. Tôi về nhà, leo lên căn gác gỗ, để nguyên quần áo, và vào giường ngủ một mạch tới sáng. Từ ngày nhận sứ mạng giúp sức điều tra chị Quyên đến hôm qua, đêm nằm vật vã, trần trọc, và bần khoản, có bao giờ tôi ngủ yên giấc đâu.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 30 tháng Ba, 2016

Vấn Còn Vương Vấn

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Quốc lộ 21 đi hướng đông qua khỏi Cây số 5 thì tách làm hai: đường chính tiếp tục xuôi về Ninh Hòa, và nhánh bên phải rẽ qua hướng đông nam thành Quốc lộ 21A vào phi trường Phụng Dực và tiếp tục đi Lạc Thiện. Rừng hai bên con đường sau không phải mọc thiên nhiên mà do Trung tâm Thực nghiệm Nông Lâm Súc Ban Mê Thuật (BMT) trồng trong dự án gây rừng Eatam. Ở mé đông, những cây giá tị, hay *gỗ tếch* (teak, đọc theo tiếng Pháp), vỏ trắng với hoa chùm màu trắng hình ống loa mọc san sát đều nhau. Ở mé tây, những hàng cây sao vỏ trắng mọc với trái có hai cánh nhỏ khi rụng quay như chong chóng chạy mút mắt về tới khu Trần Hưng Đạo gần trung tâm thành phố.

Bìa rừng cách xa nhà thẳng Điền không tới ba trăm thước, khu rừng sao ngập lá là thế giới riêng của tôi và Hoàng Nga. Dưới bước chân đi của hai đứa, lớp lá vàng khô cao đến mắt cá reo vui xào xạc. Chòm cây cao vào thu thưa lá để nắng chiều lọt qua khiến cho mọi vật mang một màu vàng rực rỡ. Tiếng gió thềm thì trên ngọn cây cao, trong khi bọng lá dưới đất lao xao đuổi bắt nhau; tôi ngẫu hứng đặt tên nơi này là “Rừng Lao Xao.”

Thằng Điền và thằng Châu yêu mến Hoàng Nga, cô nữ sinh đệ tam (lớp 10) người Bắc ăn nói nhỏ nhẹ, dịu dàng, và tế nhị, và chiều nàng như cô em gái nhỏ. Nàng xinh đẹp và duyên dáng với kiểu tóc đuôi ngựa cột cao và chiếc áo len tím đậm khoác hờ bên ngoài chiếc áo dài đồng phục màu xanh da trời. Thằng Điền trêu tôi,

“Con *Nga Sơ Van* đẹp như mơ thế kia thì *thằng con* này *không chết cũng trọng thương* thôi. Sướng đời *con* nhé!” Cái tên cắc cớ “*Nga Sơ Van*” bắt nguồn từ “*queue-de-cheval*” tiếng Pháp nghĩa là tóc đuôi ngựa.

Hoàng Nga là tất cả mọi thứ một đứa con trai vụng về như tôi có thể mơ ước. Ở trường, khi có cùng giờ nghỉ, chúng tôi gặp nhau và ngồi nói chuyện trên bãi cỏ trong sân. Trước khi vào lớp, nàng trao cho tôi một tờ thư ngắn ký tên “*Ta petite copine*” (Bồ của anh). Nụ hôn đầu vụng về trao nhau vào đêm Giáng sinh nàng cùng gia đình đi lễ mi-xa nửa đêm cử hành ngoài trời ở *Nhà thờ Ba Ngọn*, tôi (thằng Châu nói theo “đạo dòng” vì hay đi *dzòng dzòng*) dự lễ cốt để gặp nàng, và hai đứa trốn qua Hội trường Hòa Bình phía bên kia đường ngồi trước thềm nói chuyện. Trước khi lễ tan nàng phải chạy về sân nhà thờ, tôi thu hết can đảm ôm lưng và đặt lên môi nàng nụ hôn đầu đời. Tờ thư lần tới ghi,

Ba Hoa làm Nga sợ, nhưng em nhớ mãi cái K. đêm trước.

Cái “K.” là cái hôn (viết tắt của chữ “kiss” trong tiếng Anh). Tôi vô tư ngụp lặn trong hạnh phúc của thuở học trò, cho đến gần Tết tôi bị ốm phải nghỉ học, và Hoàng Nga đến thăm trên căn gác gỗ bên trên nhà bếp. Tôi cảm động vô cùng. Nàng ngồi lên cạnh giường nắm tay tôi thăm hỏi. Tôi thềm được hôn nàng – lần thứ hai. Nhưng thằng Chóá, con anh Kiền và chị Chờ, đứng miết ở cầu thang gỗ, thân hình nửa trên nửa dưới, và ngó chăm chăm. Bảo nó xuống dưới nhà chơi thì nó khăng khăng,

“Mạ biểu đứng đây coi chừng để cô nó đừng dụ chú *mần* chuyện bậy bạ.”

Anh Kiền, anh họ tôi, là hạ sĩ quan hầu cận của cha. Gia đình anh ở chung với mẹ và anh em tôi trong căn nhà dưới (cha ở một mình trong căn nhà trên). Là người duy nhất trong nhà gần gũi và chuyện trò với tôi, chị Chờ hay kể về những ngày “độc thân” của cha hồi trước. Chị lấy chồng sớm, sinh hai đứa con (con Đà tám tuổi và thằng Chóa năm tuổi) mà mới hăm bốn, hăm lăm tuổi. Anh nặng thối trắng hoa, chị ghen lồng lộn khi biết anh ngoại tình, và tuần nào anh chị cũng chửi bới nhau. Sau khi ra tay đánh đập chị đã đời, anh dở tài lý sự với người vợ ít học và xoay xở chứng minh anh là người đứng đắn đàng hoàng và chị bê bối không biết lẽ phải.

Sau cùng, anh Kiền công khai *trai gái* với chị Hường giúp việc; chị ta mười chín tuổi, thấp lùn thô lỗ, và nhan sắc thua xa chị Chờ, nhưng ăn nói dịu dàng dễ mến. Chị Chờ càng làm dữ, anh lại càng “thương” chị Hường hơn và “phong” chị ta làm *vợ hầu* (vợ hai), bắt con Đà và thằng Chóa kêu bằng “di” thay vì “chị” (ở) như trước. Khi lời lẽ nguy hiểm hết thuyết phục, anh nghiêng răng chỉ tay vào mặt chị Chờ,

“*Mi* muốn làm người ăn cơm hay chó ăn cứt? Muốn ăn cơm thì liệu hồn cầm mỏ lại, không *tau* cho ăn cứt!”

Chị không cầm miệng mà tiếp tục *cầm rằm*, và anh làm thật. Anh ra cầu tiêu ngoài trời, lấy cành cây vếch lên một vệt phân, đem vào nhà, và đề chị xuống trét vào miệng. Chị kêu trời và khóc la thảm thiết; tôi không thể khoanh tay đứng nhìn,

“Chị Chờ là vợ anh và mẹ của con anh mà đối xử như tàn tệ như *rúa*, anh có xứng đáng làm hạ sĩ quan Quân đội Việt nam Cộng hòa hay không? Anh không đừng tay *tui* qua *méc* dựng Đan cho coi.”

Từ đó chị Chờ không còn ghen tuông với chị Hường và trở nên chăm sóc tôi từng ly từng tí. Tôi đi chơi với bạn về khuya cách mấy chị cũng thức đợi để nấu mì Đại hàn cho tôi ăn đêm. Thức khuya học bài, đôi khi tôi nằm trên giường đọc sách rồi ngủ quên, nhưng thức dậy thấy tấm chăn đắp ngay ngắn lên người. Bốn giờ sáng dậy học Anh hay Pháp văn, tôi đã thấy một ly sữa nóng nằm sẵn trên bàn học. Vài lần thức giấc giữa khuya, thấy chị đứng tần ngần trên đầu giường nhưng tôi nằm yên và vờ ngủ say.

* * *

Hai hôm sau chưa thấy tôi đi học lại, Hoàng Nga trở lại thăm. Nằm trên gác, tôi nghe nàng chào hỏi chị Chờ,

“Thưa chị, anh *Ba Hoa* hôm nay đã khỏe chưa ạ?”

“Cô về đi! Chú em *tui* không được tiếp cô tại nhà,” chị xằng giọng xua đuổi.

Tối hôm ấy, cha triệu mẹ và tôi lên phòng khách ở nhà trên. Mẹ chưa kịp ngồi vào ghế thì cha đã chất vấn tôi,

“Con yêu *nó*, *mi* muốn chơi qua đường hay tính chuyện đàng hoàng?” Hẳn là cha nói Hoàng Nga.

“Ông ăn nói *chi lạ rúa*? Con mình có học thức tử tế, *mô* phải thứ hoang đàng *bạ mô tấp* đó như người ta.” Không biết mẹ bệnh tôi hay kiểm cách nói mát cha.

“*Tau* địa vị như *ri* mà phải muối mặt làm thông gia với thằng lính quèn thối kèn hay *răng?*” Không biết cha cho người điều tra lý lịch của nàng lúc nào; ông cụ nàng là hạ sĩ quan trong ban quân nhạc Sư đoàn.

“Đốt chùa không tội bằng tội rẽ duyên. Con mình thương ai thì phải lo tác thành cho *hắn, lý mô...*”

“*Mụ* biết chi mà nói! *Hắn* mà không chấm dứt mối liên hệ không xứng đáng *nó* thì mấy mẹ con *mụ* lo cuốn gói về Huế cho *tui* khỏi nhục nhã. *Tui* sẽ cho thằng thối kèn *nó* ra tác chiến vì không dạy con gái, để *hắn* luông tuồng.”

Trước sau tôi không nói một lời. Cha là nhà binh; lời cha nói ra là lệnh, là luật, và không thể đổi dờ. Tuyệt đối tuân hành hay chịu trừng phạt, chấm hết! Nhưng cắt đứt mối tình nồng thắm với *ma petite copine*, cô bồ yêu dấu, bằng cách nào đây? Tôi tâm sự với thằng Điền, nó cười như mếu,

“Thế là đời *thằng con* này và em *Sơ Van* khổ nạn rồi! *Bố mày* chả biết làm sao!”

Lối giải quyết đến sớm hơn tôi tưởng. Cuối tuần cha mời bác Thương, một sĩ quan cao cấp và bạn thân của cha, đến nhà ăn cơm tối và, như thường lệ, tôi có nhiệm vụ bưng cơm nước từ nhà bếp lên. Hạ thấp giọng, hai người nói chuyện kín đáo bằng tiếng Pháp mà không ngờ tôi học Pháp văn Sinh ngữ I (tức ngoại ngữ chính) và nghe hiểu hết câu chuyện. Đêm hôm ấy, tôi nghĩ ra mình sẽ làm gì.

Hôm sau Chủ Nhật tôi cùng hai thằng bạn thân đến nhà bác Thương rủ Xuân Huyền, con gái đầu lòng của bác, đi chơi Hồ Trung Tâm. Nàng học cùng lớp với Hoàng Nga và cũng là một nữ sinh đẹp nổi tiếng trong trường. Bác Thương gái, người Huế, niềm nở dặn,

“*Tụi bây* đi chơi *mô* chiều về ăn bánh nậm và bánh bột lọc với bác.”

Xuân Huyền nhận lời không một chút do dự, mang theo cô em Xuân Hiền học đệ ngũ (lớp 8). Sự hiện diện của hai chị em khiến cuộc đi chơi thật vui nhộn. Cô chị vô tư cười tán thưởng những câu nói khôi hài sượng của thằng Châu và vâng lời thằng Điền như một ông anh lớn. Cô em ít nói mà thông minh, khôn khéo, và quán quýt với tôi hỏi chuyện Huế, quê hương mà em chưa có dịp viếng thăm.

Gia đình Xuân Huyền có một đồn điền lớn trồng cà phê và đủ thứ các loại cây ăn trái nên được bọn tôi chiêu cố tận tình trong các chuyến đi chơi kế tiếp. Thằng Điền và thằng Châu thích vào vườn ổi xá lý, trái nào trái nấy to bằng nắm tay, hái ổi thì ném xa. Có khi chúng phải bứt cả chục trái mới lựa được hai trái vừa tay và to ngang nhau để thi tài. Có lần cả bọn thay nhau tập lái xe máy cày, chạy tứ tung, và cày văng mấy cây cà phê và cây ổi trĩu trái. Khi mùa thi bắt đầu, các bạn tôi ở nhà *học gạo* để chuẩn bị thi Tú tài II, tôi cùng chị em Xuân Huyền tiếp tục rong chơi khắp nơi – ngoại trừ khu rừng sao kỷ niệm.

* * *

Mùa hè 1965 qua mau, đám bạn đệ nhất tản mác, và tôi sẽ rời BMT về Sài Gòn học. Trước khi đi, tôi đến nhà Xuân Huyền từ giã. Không gặp nàng; bác Thương gái tiếp tôi với đôi mắt ái ngại, “Con Huyền bệnh, nó khóc mướt mấy ngày *ni*. Con biết chuyện *chi* chưa?”

“Dạ rằng bác?”

“Bác trai *mi* hứa gả con Huyền cho thằng Thân cả năm *ni* mà không cho ai hay. Mấy ông người Huế tự tung tự tác, coi vợ con như cỏ rác. *Ác chi lạ!*”

Giọng bác có sắc giận; anh Thân là sĩ quan tùy viên của bác trai, một chức vụ quan trọng và an toàn (không tác chiến). Hơn nửa năm trước, tôi đã nghe lóm cha đề nghị bác trai gả Xuân Huyền cho tôi để hai bên thông gia liên kết thành một phe cánh chính trị ở Vùng II Chiến thuật, nhưng bác đã “lỡ” hứa gả cho anh Thân; anh là cháu của một nhân vật có thế lực trong bộ Tổng Tham mưu. Biết vậy, tôi quyết định rủ Xuân Huyền đi chơi để Hoàng Nga cho tôi là kẻ phụ bạc, và quả nhiên sau đó nàng không thèm nhìn mặt tôi.

Anh Đố, tài xế của cha, lái xe đưa tôi ra phi trường Phụng Dục. Cuối thu, rừng sao bên đường thay lá, và trái sao rụng xuống quay vòng trong gió lộng, tung bay như muôn ngàn con chim nhỏ bé trên bầu trời mây trắng, và lạc loài về một phương trời vô định. Không biết bao giờ tôi mới trở lại thành phố này; đầu năm tới cha đổi ra Tuy Hòa nhận nhiệm vụ mới, và gia đình sẽ dời theo.

Gửi hành lý và lấy vé lên tàu cho tôi xong, anh Đố ra về. Ngồi một mình trong phòng đợi, tôi buồn gục đầu muốn khóc. Khi tôi nhìn lên, Xuân Huyền hiện ra với vẻ mặt buồn thiu, và Xuân Hiền đứng sau lưng nhìn tôi nhoẻn miệng cười. Đôi mắt đỏ hoe, Xuân Huyền nắm tay tôi,

“*Ba Hoa* biết chuyện Huyền rồi, phải không?”

“Chúc Huyền may mắn và hạnh phúc,” tôi thành thực chúc nàng.

“Quên Huyền đi! Tương lai còn dài, *Ba Hoa* sẽ gặp người giỏi giang và xinh lịch hơn Huyền.”

Không ngờ tình cảm Xuân Huyền đối với tôi sâu đậm như thế. Đột nhiên, Xuân Hiền bước lại và kiễng chân nói nhỏ vào tai tôi,

“Anh phải viết thư cho em, phải về Ban Mê Thuật thăm em, và phải đưa em đi Rừng Lao Xao. Anh nhớ đó!”

Xuân Hiền không còn là cô bé thơ ngây hôm nào. Nàng là một thiếu nữ đang độ trăng tròn. Qua cửa sổ máy bay thấy hai chị em vẫy tay đưa tiễn, tôi nhớ đến câu “*Ban Mê đi dễ khó về...*”

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 24 tháng Hai, 2016

Nguyễn Ngọc Hoa

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu hiện sống ở North Dakota, một tiểu bang miền Bắc Hoa kỳ, vào mùa hè và đầu mùa thu thì xuôi về nam trú ngụ ở tiểu bang Texas qua mùa đông. Dạo vào đời, sống ở Sài Gòn mười năm, đi học và dạy học đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện của một quãng đời xa xưa và để học hỏi và trau giồi tiếng Việt sau những năm sống xa quê hương.

- Sinh năm 1947 ở Quảng Bình, di cư vào Nam năm 1954, và hầu như lớn lên ở Huế.
- Học trung học ở Huế và Ban Mê Thuột; Kỹ thuật Điện ở Trung Tâm Quốc Gia Kỹ Thuật Phú Thọ, Sài Gòn; và Điện tử và Viễn thông ở Đại học Khoa học Sài Gòn.
- Giảng viên Vật lý và Kỹ thuật Điện tại một số đại học y khoa và kỹ thuật ở Sài Gòn.
- Đồng tác giả cuốn sách giáo khoa *Giải Tích Mạch Điện* gồm hai tập, xuất bản tại Sài Gòn năm 1974 và 1975.
- Sang Hoa kỳ tỵ nạn năm 1975; định cư tại Bismarck, North Dakota; và làm chuyên viên kế hoạch cho một công ty tiện ích đến năm 2012 thì về hưu.
- Học Quản trị Xí nghiệp, Quản trị Công quyền, và Kinh tế ở University of North Dakota ở Grand Forks, North Dakota.
- Phụ trách mục “Đố Vui Để Học” và viết bài về khoa học và kỹ thuật trong Tạp chí Lửa Việt, nguyệt san chống Cộng xuất bản ở Toronto, Canada từ 1980 đến 1993.

Nguyễn Ngọc Hoa

Nguyễn Ngọc Hoa là bút hiệu của một kỹ sư hồi hưu hiện sống ở North Dakota, một tiểu bang miền Bắc Hoa kỳ, vào mùa hè và đầu mùa thu thì xuôi về nam trú ngụ ở tiểu bang Texas qua mùa đông. Đạo vào đời, sống ở Sài Gòn mười năm, đi học và dạy học đến tháng Tư 1975 thì bỏ nước ra đi. Viết để kể lại cho bạn bè nghe những mẩu chuyện của một quãng đời xa xưa và để học hỏi và trau dồi tiếng Việt sau những năm sống xa quê hương.



TRÍCH TRONG TRUYỆN NGẮN “NGÓN TAY CÁI NHỎ BÉ”:

Cuối hè năm 1970, chàng cựu sinh viên sĩ quan Võ bị Quốc gia khóa 20 mang cấp bậc đại úy chỉ huy toán thám báo gồm “năm thằng đệ tử” chuyên hoạt động trong lòng địch ở vùng Cao Nguyên với nhiệm vụ dò tìm căn cứ đóng quân, kho hậu cần, và đường chuyển quân của Cộng quân để báo cáo về cho đại quân. Các anh có thể *tàng hình*, tức là “nằm tại chỗ” chỉ điểm máy bay oanh tạc hay hỗ trợ các đơn vị chủ lực tấn công địch; *làm phép*, tìm cách phá hủy kho hậu cần hay hoạt động quấy rối như phục kích nhỏ lẻ, bắn sẻ, và gài mìn bẫy; *độn thổ*, tìm đường rút lui về căn cứ an toàn; hay *thặng thiên*, khi gặp may tìm được địa điểm và thời điểm thuận lợi cho trực thăng đáp xuống “bóc” về.

Người ta nói xác suất tử vong của người lính thám báo cao hơn năm mươi phần trăm trong năm đầu tiên. Anh Quang đã sống sót qua hết năm thứ hai, và rất cuộc tin dữ đến. Sau khi hoàn thành sứ mạng, toán thám báo bất ngờ bị địch phát giác và sát hại trên đường về. Mẹ khóc khản tiếng bên chiếc mũ gấn lon thiếu tá vinh thăng tại mặt trận đặt cạnh tấm hình trên quan tài phủ cờ của anh.

Tiền đưa anh lần cuối vào một buổi sáng đầu thu lạnh lạnh của núi rừng Ban Mê Thuật, chị Ngọc Liên – chị dâu tôi – rũ người khóc sụt mướt trên vai tôi. Ra đi để lại ba đứa con thơ dại, anh mãi mãi là người anh hùng “*Ngón Tay Cái Nhỏ Bé*” của chị. Và suốt đời tôi.

GIÁ BÁN: \$US 20.00